

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

-----***-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của dự án đầu tư**

“Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Bình Phước, tháng 09 năm 2022

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

-----***-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của dự án đầu tư

“Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Đơn vị tư vấn
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**



Nguyễn Kim Huệ

Chủ dự án đầu tư
**CÔNG TY TNHH MTV GỖ
THÀNH NGHIỆP**



OU SHUNGUANG

Bình Phước, tháng 09 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	5
CHƯƠNG I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ....	7
3.1. Tính chất, công suất của dự án đầu tư.....	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	8
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	10
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU (LOẠI PHÉ LIỆU, MÃ HS, KHỐI LƯỢNG PHÉ LIỆU DỰ KIẾN NHẬP KHẨU), ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	10
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	13
CHƯƠNG II.....	18
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	18
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG:.....	18
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG: Không thay đổi.....	18
CHƯƠNG III.....	19
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	19
1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	19
1.2 Thu gom, thoát nước thải.....	20
1.3. Xử lý nước thải.....	22
2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.....	38

3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	44
4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	46
5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG.....	48
6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH.....	48
7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	57
7.1. Các nội dung thay đổi so với ĐTM	57
CHƯƠNG IV.....	63
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	63
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	63
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP XẢ THẢI KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI	66
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG	68
4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	69
5. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	71
CHƯƠNG V	72
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	72
1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN:	72
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	72
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	72
2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI	75
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	75
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	76
3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.	76
CHƯƠNG VI.....	77
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	77
PHỤ LỤC.....	79

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

QĐ	: Quyết định
NĐ	: Nghị định
CP	: Chính phủ
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	: Bộ Y tế
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
CTR SH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTNH	: Chất thải nguy hại
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
HTXL	: Hệ thống xử lý
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TT	: Thứ tự
WHO	: Tổ chức Y tế Thế giới
KCN	: Khu công nghiệp

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1 Công suất của dự án đầu tư giai đoạn 1.....	7
Bảng 1. 2 Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng tại dự án giai đoạn 1	10
Bảng 1. 3 Đặc tính các loại hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất.....	11
Bảng 1. 4 Bảng cân bằng sử dụng nước của dự án.....	11
Bảng 1. 5 Máy móc thiết bị sản xuất	13
Bảng 1. 6 Các hạng mục xây dựng của dự án.....	14
Bảng 3. 1 Thống kê các thông số thiết kế của hệ thống thu gom nước mưa	20
Bảng 3. 2 Thống kê các thông số thiết kế của hệ thống thu gom nước, thoát nước thải...21	
Bảng 3. 3 Thông số các công trình xây dựng của hệ thống xử lý nước thải tập trung	27
Bảng 3. 4 Danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	27
Bảng 3. 5 Công tác kiểm tra thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung	32
Bảng 3. 6 Định mức điện năng tiêu hao của hệ thống xử lý nước thải.....	37
Bảng 3. 7 Thông số công trình HTXL bụi gỗ.....	40
Bảng 3. 8 Định mức điện năng tiêu hao của hệ thống khí thải.....	43
Bảng 3. 9 Số lượng và thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	45
Bảng 3. 10 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành	47
Bảng 3. 11 Bảng phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống xử lý nước thải	52
Bảng 3. 12 Thay đổi về quy trình sản xuất và chất thải.....	57
Bảng 3. 13 Thay đổi về nguyên, nhiên liệu so với ĐTM	57
Bảng 3. 14 Thay đổi về HTXL bụi và khí thải	59
Bảng 3. 15 Hạng mục xây dựng thay đổi so với ĐTM.....	60
Bảng 4. 1 Nguồn phát sinh nước thải.....	63
Bảng 4. 2 Bảng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.....	64
Bảng 4. 3 Nguồn phát sinh bụi	66
Bảng 4. 4 Bảng giới hạn chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ	66
Bảng 4. 5 Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)	68
Bảng 4. 6 Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ.....	68
Bảng 5. 1: Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý chất thải của Dự án	73
Bảng 5. 2 Kinh phí về hoạt động quan trắc môi trường của Công ty	76

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. 1 Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất tủ, giường gỗ	8
Hình 1. 2 Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất các chi tiết sản phẩm dành cho nội thất	9
Hình 3. 1 Hệ thống ống dẫn nước mưa	19
Hình 3. 2 Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án	19
Hình 3. 3 Sơ đồ thu gom nước thải của dự án	21
Hình 3. 4 Hồ ga thu gom nước thải	22
Hình 3. 5 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	23
Hình 3. 6 Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 125 m ³ /ngày	24
Hình 3. 7 Hệ thống xử lý nước thải công suất 125 m ³ /ngày	26
Hình 3. 8 Sơ đồ công nghệ xử lý bụi gỗ từ quá trình cưa, cắt, khoan	39
Hình 3. 9 Hệ thống xử lý khí thải công suất 6.000 m ³ /h	40
Hình 3. 10 Thùng chứa CTRSH	45
Hình 3. 11 Kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	46
Hình 3. 12 Kho chứa chất thải nguy hại	47

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Tên chủ dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP**
- Địa chỉ văn phòng: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: **Ông OU SHUNGUANG**
- Điện thoại: 0271 383 2388.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6513982923 được cấp chứng nhận lần đầu ngày 12/09/2018, chứng nhận thay đổi lần hai ngày 02/06/2020 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184160 đăng ký lần đầu ngày 17/09/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/05/2020 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.
- Mã số thuế: 3801184160

2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Tên dự án đầu tư: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1.
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:
 - + Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/02/2020 của Ban Quản lý Khu Kinh tế - UBND tỉnh Bình Phước cấp.
 - + Giấy phép xây dựng số 22/GPXD ngày 06/05/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế - UBND tỉnh Bình Phước cấp.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:
 - + Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 02/GXN-BQL ngày 16/01/2020 của Ban Quản lý Khu Kinh tế - UBND tỉnh Bình Phước cấp.
 - + Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 07/07/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1 do Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp làm Chủ đầu tư tại Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B, Mục IV Phần A có tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng.

- Dự án thuộc Mục số 2, Mức I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Tính chất, công suất của dự án đầu tư

- Tính chất: Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất của Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp được thực hiện có diện tích 125.136,3 m². Khi tiến hành thực hiện Dự án, chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng bổ sung các nhà xưởng, máy móc sản xuất và các công trình bảo vệ môi trường, công trình phụ trợ đi kèm phục vụ cho dự án, cụ thể được trình bày chi tiết tại mục 5, Chương I của báo cáo.

- Hiện tại, Chủ đầu tư đã xây dựng, lắp đặt hoàn thiện các nhà xưởng, máy móc thiết bị và các công trình bảo vệ môi trường phục vụ cho quá trình sản xuất. Riêng các nhà xưởng số 4, 5, 9, 10 với mục đích xây dựng để cho thuê và một số công trình phụ trợ đi kèm thì vẫn chưa được hoàn thiện. Vì vậy, Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án được thực hiện cho giai đoạn 1 của Dự án.

- Giai đoạn 1 (2020 – 2022): Xây dựng Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất công suất 160.000 sản phẩm/năm, cho thuê nhà xưởng dư thừa.

- Giai đoạn 2 (Sau năm 2022): Xây dựng các nhà xưởng 4, 5, 9, 10 và công trình phụ trợ.

Dự án có địa điểm tại Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước có tổng công suất thực hiện giai đoạn 1 được trình bày như sau:

Bảng 1. 1 Công suất của dự án đầu tư giai đoạn 1

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất	Thị trường tiêu thụ
1	Tủ, giường gỗ	Sản phẩm/năm	80.000	Trong và ngoài nước
2	Chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất	Sản phẩm/năm	160.000	Trong và ngoài nước

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

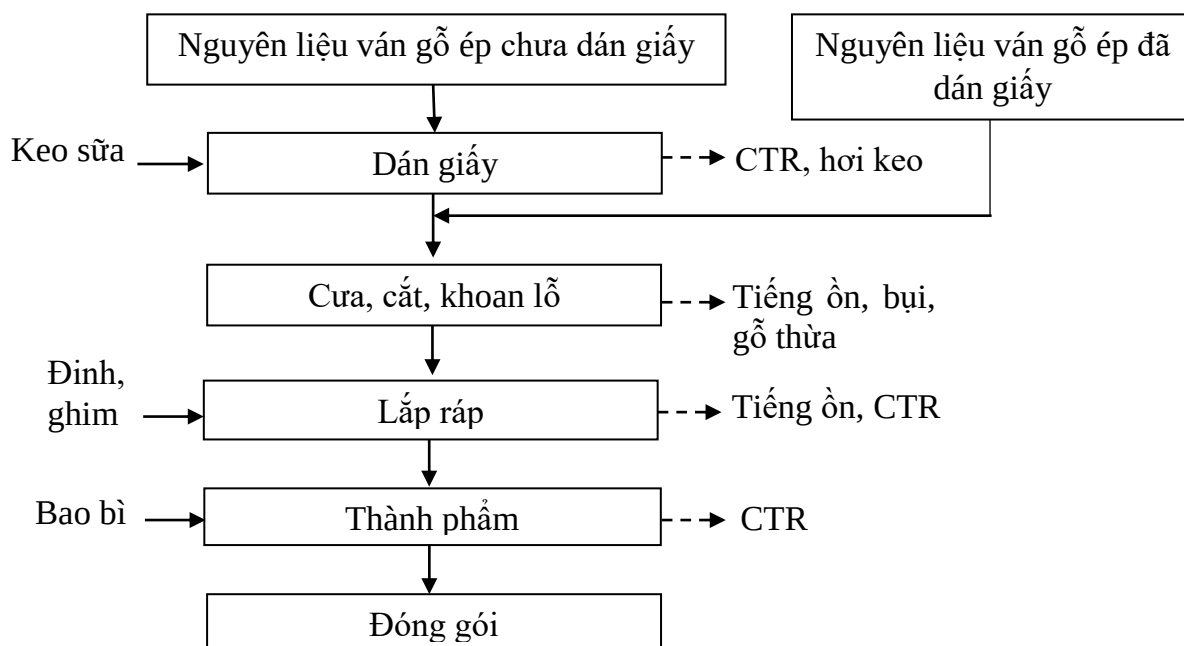
TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất	Thị trường tiêu thụ
3	Cho thuê nhà xưởng dư thừa	m ²	22.381	-

Nguồn: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

a. Quy trình sản xuất đồ gỗ gia dụng (tủ, giường gỗ)

Quy trình công nghệ sản xuất tủ, giường gỗ được trình bày như sau:



Hình 1. 1 Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất tủ, giường gỗ

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu của nhà máy là ván gỗ ép được xẻ thành ván, ngâm tẩm, sấy khô theo yêu cầu và cắt theo từng kích thước quy định mà Công ty yêu cầu. Gồm 2 loại: ván ép đã được dán giấy và chưa được dán giấy.

Ván ép được đưa đi dán giấy bằng keo dán sữa. Nhờ việc dán giấy tạo thẩm mỹ cho sản phẩm, giúp che đi khuyết điểm và tạo độ trơn cho nguyên liệu, giúp cho sản phẩm có màu sắc đẹp.

Ván ép sau khi gián giấy được đưa đến khu vực gia công chi tiết (cưa, cắt, khoan) để tạo thành các chi tiết đúng theo quy cách của từng sản phẩm tủ, giường. Tại khu vực gia công chi tiết sản phẩm phát sinh bụi gỗ. Công ty lắp đặt các hệ thống cyclone, thiết bị lọc bụi túi vải nhằm thu gom và xử lý để bụi không phát tán xung quanh xưởng.

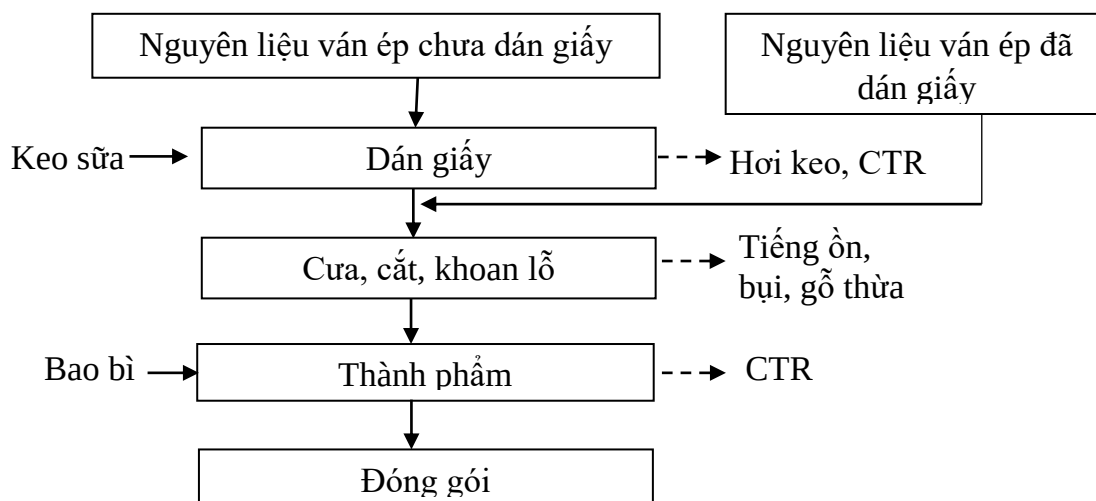
Các sản phẩm gỗ sau khi gia công định hình được chuyển sang công đoạn lắp ráp lại bằng súng bắn đinh và ghim theo thiết kế. Tại công đoạn này nếu sản phẩm bị trầy, lỗi nhỏ Công ty sẽ sử dụng bút, cọ chấm sơn che phủ bề mặt vị trí bị trầy, lỗi đó.

Sản phẩm sau khi được lắp ráp hoàn thiện và được kiểm tra chất lượng trước khi đóng gói. Các sản phẩm không đảm bảo yêu cầu chất lượng, bị hỏng, khuyết trên bề mặt được đem đi xử lý và khắc phục cho đạt chất lượng.

Sản phẩm sau khi được kiểm tra, dán tem, bọc màng nilon và cuối cùng là đóng thùng carton. Sau đó sản phẩm được lưu kho và chuyển giao cho khách hàng.

b. Quy trình công nghệ sản xuất chi tiết các sản phẩm nội thất

Quy trình công nghệ sản xuất chi tiết các sản phẩm dành cho nội thất được trình bày như sau:



Hình 1. 2 Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất các chi tiết sản phẩm dành cho nội thất

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu của nhà máy là ván gỗ ép được xẻ thành ván, ngâm tẩm, sấy khô theo yêu cầu và cắt theo từng kích thước quy định mà Công ty yêu cầu. Gồm 2 loại: ván ép đã được dán giấy và chưa được dán giấy.

Tiếp theo ván ép được đưa đi dán giấy bằng keo dán sữa. Nhờ việc dán giấy tạo thẩm mỹ cho sản phẩm, giúp che đi khuyết điểm và tạo độ trơn cho nguyên liệu, giúp cho sản phẩm có màu sắc đẹp.

Ván ép sau khi gián giấy được đưa đến khu vực gia công chi tiết (cưa, cắt, khoan) để tạo thành các chi tiết đúng theo quy cách của từng sản phẩm nội thất. Tại khu vực gia công chi tiết phát sinh bụi gỗ. Công ty lắp đặt các hệ thống cyclone, thiết bị lọc bụi túi vải nhằm thu gom và xử lý bụi để bụi không phát tán xung quanh xưởng.

Sản phẩm được kiểm tra chất lượng trước khi đóng gói. Các sản phẩm không đảm bảo chất lượng yêu cầu; các chi tiết bị hỏng, khuyết trên bề mặt được đem đi xử lý và khắc phục cho đạt chất lượng sản phẩm.

Sản phẩm sau khi được kiểm tra, dán tem, bọc màng nilon và cuối cùng là đóng thùng carton. Sau đó sản phẩm được lưu kho và chuyển giao cho khách hàng.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

- Sản phẩm của dự án giai đoạn 1: là sản phẩm đồ gỗ gia dụng (tủ, giường), các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất và cho thuê nhà xưởng dư thừa xưởng 3, 7, 8.

- Công suất:

+ Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng: 80.000 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất: 160.000 sản phẩm/năm.

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU (LOẠI PHÉ LIỆU, MÃ HS, KHỐI LƯỢNG PHÉ LIỆU DỰ KIẾN NHẬP KHẨU), ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nhu cầu về nguyên vật liệu

Nhu cầu nguyên vật liệu chính của dự án giai đoạn 1 được thể hiện tại Bảng sau:

Bảng 1. 2 Nhu cầu nguyên vật liệu sử dụng tại dự án giai đoạn 1

TT	Tên nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng	Xuất xứ
A	Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất			
1	Ván MDF	M ³ /năm	45.687,48	Việt Nam
2	Bao bì carton đóng gói	Tấn /năm	42,79	Trung Quốc
3	Giấy dán gỗ	Tấn/năm	30	Việt Nam
4	Đinh, ghim, tán, bản lề, tay nắm cửa	Tấn /năm	5,3	Việt Nam
B	Hóa chất phục vụ cho sản xuất			
1	Keo sữa trắng dán giấy	Tấn/năm	20	Việt Nam
2	Sơn đã pha	Tấn/năm	0,2	Việt Nam
C	Hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải			
1	Clorine	Tấn/năm	2,29	Việt Nam
2	H ₂ SO ₄	Tấn/năm	5,24	Việt Nam
3	NaOH	Tấn/năm	0,98	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp)

Về các hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất:

Bảng 1. 3 Đặc tính các loại hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất

TT	Tên thương mại	Công đoạn	Thành phần chính	Đặc tính	Khả năng gây hại
1	Keo sữa trắng	Dán giấy	Polyvinyl acetate Và nước	Là chất lỏng màu trắng đục tan trong nước. Hình dạng: chất lỏng. Ngoại quan: Màu trắng. Mùi: Mùi nhẹ Tính tan: hòa tan PH: 5 ± 1 Độ nhớt (cps , 25 °C) : 40000 ± 10000 Phần trăm không bay hơi (%): 35 ± 2	Khi nhiệt độ tăng, hơi nước hoặc khói có thể được hình thành có thể kích thích mắt và đường hô hấp. Không có tài liệu nào về tác động tiêu cực đến sức khỏe trong điều kiện nhiệt độ bình thường vì keo bay hơi nước. Ăn: không có hại trong điều kiện sử dụng công nghiệp bình thường. Ăn uống bị cấm. Da: Da tiếp xúc với keo lâu hoặc nhiều lần sẽ gây kích ứng. Mắt: Sẽ gây khó chịu cho mắt vừa phải.

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp)

Nhu cầu sử dụng điện

- Toàn bộ nguồn điện cung cấp cho dự án được sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện chung của Công ty Điện lực Bình Phước- Điện lực Đồng Phú thông qua hệ thống đường dây cấp điện của KCN Bắc Đồng Phú.
- Lượng điện năng sử dụng hiện tại trung bình: khoảng 138.160 kWh/tháng.
- Điện Công ty được sử dụng cung cấp cho hoạt động của các máy móc thiết bị sản xuất, phục vụ chiếu sáng các công trình sản xuất và chiếu sáng cho toàn nhà máy.
- Dự án không sử dụng máy phát điện dự phòng.

Nhu cầu sử dụng nước

Bảng 1. 4 Bảng cân bằng sử dụng nước của dự án

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Mục đích sử dụng	Định mức nước sử dụng	Đối tượng sử dụng	Nhu cầu nước (m ³ /ngày)
I	Lượng nước cấp			
1.1	Nước dùng cho sinh hoạt của công nhân	45 lít/người.ca	1.000 người	45
1.2	Nước tưới cây	4 lít/m ²	25.052,23 m ²	100,2
1.3	Nước cấp cho nhà máy thuê xưởng	22 m ³ /ha/ngày	2,24 ha	49,3
Tổng lượng nước cấp				194,5
II	Lượng nước thải			
2.1	Nước thải sinh hoạt	45 lít/người.ca	1.000 người	45
2.2	Nước thải từ các nhà máy thuê xưởng	22 m ³ /ha/ngày	2,24 ha	49,3
Tổng lượng nước thải				94,3

Nhu cầu sử dụng nước được tính toán khi thay đổi dựa trên các cơ sở sau:

- Nước dùng cho sinh hoạt:

+ Tiêu chuẩn cấp nước cho công nhân viên nhà máy: 45 lít/người.ca (theo TCXDVN 33:2006/BXD). Thời gian làm việc tại Công ty là 08 giờ/ca, 01 ca/ngày.

+ Công ty không phát sinh nước thải từ nhà ăn. Do Công ty đặt suất ăn công nghiệp từ bên ngoài cho công nhân viên.

+ Số lượng công nhân viên làm việc giai đoạn khi thay đổi dự kiến là 1.000 người.

+ Nhu cầu nước dùng cho sinh hoạt của công nhân viên là 45 m³/ngày.

- Nước cấp cho nhà máy thuê xưởng:

Nước cấp cho các nhà máy thuê xưởng ước tính khoảng 49,3 m³/ngày dựa trên cơ sở sau:

+ Diện tích dự án nhà xưởng dự kiến cho thuê là 22.381 m².

+ Ngành nghề Công ty cho đơn vị thuê xưởng thực hiện sản xuất trong phạm vi dự án gồm: thuê làm kho, chế biến gỗ, ngành nghề nội thất.

- Định mức cấp nước trung bình là 22 m³/ha/ngày.

- Nước tưới cây: Nước tưới cây duy trì ở mức $100,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được tính toán dựa trên các cơ sở như sau:

+ Định mức nước tưới cây là 4 lít/m^2 (theo TCXDVN 33:2006/BXD).

+ Diện tích cây xanh khi thay đổi, diện tích cây xanh là $25.052,23 \text{ m}^2$.

Ngoài ra, dự án còn dự trữ một lượng nước cho PCCC. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy khoảng 162 m^3 , được tính cho 1 đám cháy trong 3 giờ liên tục với lưu lượng $15 \text{ lít/giây/đám cháy}$.

$$W_{cc} = 15 \text{ lít/giây/đám cháy} \times 3 \text{ giờ} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 162 \text{ m}^3.$$

Nguồn cung cấp nước:

Nguồn cấp nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của Nhà máy được cung cấp từ nguồn nước thủy cục do Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Bình Phước cung cấp. Hệ thống nước thủy cục cấp cho Nhà máy luôn đảm bảo thường xuyên và liên tục.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nhu cầu lao động

Số lượng lao động của Dự án khi đi vào hoạt động chính thức dự kiến là 1.000 người.

Chế độ làm việc: 08 giờ/ca, 01 ca/ngày và 6 ngày/tuần; số ngày làm việc trong tháng là 26 ngày/tháng. Ngày nghỉ làm việc là các ngày chủ nhật, các ngày lễ, nghỉ tết theo quy định của Nhà nước.

Máy móc thiết bị sản xuất

Các máy móc, thiết bị chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc, với công nghệ hiện đại, mức độ tự động hóa cao, điện năng hao phí thấp.

Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất cho dự án giai đoạn 1 được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 1. 5 Máy móc thiết bị sản xuất

TT	Thiết bị	Đơn vị	Hiện trạng	Công suất/ Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Tình trạng
I	Máy móc thiết bị sản xuất					
1	Máy cắt	Bộ	24	50 KW	Trung Quốc	90%
2	Máy bào	Bộ	10	50 KW	Trung Quốc	90%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Thiết bị	Đơn vị	Hiện trạng	Công suất/ Đặc tính kỹ	Xuất xứ	Tình trạng
3	Máy ép	Bộ	8	50 KW	Trung Quốc	90%
4	Máy cưa	Bộ	10	50 KW	Trung Quốc	90%
5	Máy ghép	Bộ	7	60 KW	Trung Quốc	90%
6	Máy điều khắc	Bộ	7	50 KW	Trung Quốc	90%
7	Máy khoan	Bộ	2	40 KW	Trung Quốc	90%
8	Máy hút bụi	Bộ	8	300 KW	Trung Quốc	90%
9	Xe nâng	Cái	6	3 – 5 tấn	Trung Quốc	90%
II	Thiết bị xử lý môi trường					
1	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	1	125 m ³ /ngày	Việt Nam	95%
2	Hệ thống xử lý bụi gỗ	Hệ thống	1	6.000 m ³ /giờ	Việt Nam	90%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp)

 Các hạng mục công trình xây dựng

Bảng 1. 6 Các hạng mục xây dựng của dự án

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng	Ghi chú
A	Công trình chính				
1	Nhà xưởng 1	5.400	4,32	Đã xây xong	Sản xuất
2	Nhà xưởng 2	6.992	5,59	Đã xây xong	Sản xuất hoặc làm kho

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” - Giai đoạn 1

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng	Ghi chú
3	Nhà xưởng 3	6.675,08	5,33	Đã xây xong	Cho thuê hoặc làm kho
	Nhà văn phòng xưởng 3	211,28	0,17		
4	Nhà xưởng 4	6.992	5,59	Chưa xây dựng	Cho thuê hoặc làm kho
5	Nhà xưởng 5	6.992	5,59	Chưa xây dựng	Cho thuê hoặc làm kho
6	Nhà xưởng 6	6.000	4,79	Đã xây xong	Sản xuất
7	Nhà xưởng 7	7.423,68	5,93	Đã xây xong	Cho thuê hoặc làm kho
	Nhà văn phòng xưởng 7	211,28	0,17		
8	Nhà xưởng 8	7.752	6,19	Đã xây xong	Cho thuê hoặc làm kho
9	Nhà xưởng 9	7.752	5,33	Chưa xây dựng	Cho thuê hoặc làm kho
10	Nhà xưởng 10	7.752	6,19	Chưa xây dựng	Cho thuê hoặc làm kho
11	Nhà kho	7.200	5,75	Đã xây xong	Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp sử dụng
	Gác sàn trong nhà kho	471,375	-		
12	Nhà văn phòng	587	0,47	Đã xây xong	Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp sử dụng
B	Công trình phụ trợ				
13	Nhà ăn và nhà xe	2.080	1,66	Chưa xây dựng	
14	Nhà bảo vệ 1	15	0,01	Đã xây xong	
15	Nhà bảo vệ 2	15	0,01	Đã xây xong	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” - Giai đoạn 1

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng	Ghi chú
16	Nhà phụ trợ 1	140	0,11	Đã xây xong	
17	Nhà phụ trợ 2	140	0,11	Đã xây xong	
18	Mái che lối đi xưởng	112	0,09	Chưa xây dựng	
19	Nhà vệ sinh nhà xưởng 1	78,75	0,06	Đã xây xong	
20	Nhà vệ sinh nhà xưởng 2	36	0,03	Đã xây xong	
21	Nhà vệ sinh nhà xưởng 3	36	0,03	Đã xây xong	
22	Nhà vệ sinh nhà xưởng 4	36	0,03	Chưa xây dựng	
23	Nhà vệ sinh xưởng 6	78,75	0,06	Đã xây xong	
24	Nhà vệ sinh xưởng 7	36	0,03	Đã xây xong	
25	Nhà vệ sinh xưởng 8	36	0,03	Đã xây xong	
26	Nhà vệ sinh xưởng 9	36	0,03	Chưa xây dựng	
27	Hồ PCCC	280	-	Đã xây xong	Xây dựng ngầm dưới đất
28	Trạm điện	16	0,01	Đã xây xong	
29	Cây xanh	25.052,23	20,02		
30	Đường giao thông và sân bãi	19.087,67	15,25		
C	Công trình bảo vệ môi trường				

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng	Ghi chú
31	Kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại	42	0,03	Đã xây xong	Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp sử dụng
32	Kho chứa rác thải nguy hại	30	0,02		
33	Hệ thống xử lý nước thải	45	0,04		
	Bể chứa nước thải 1	45	0,04		
	Bể chứa nước thải 2	6,9	0,006		
34	Nhà hút bụi	77,86	0,06		
	Tổng diện tích	125.136,30	100		

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án “*Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa* – Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp”- Giai đoạn 1 tại Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và quy hoạch phân khu chức năng của KCN Bắc Đồng Phú đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo ĐTM theo Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 07/04/2010; Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 04/03/2014 (thay thế Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 07/04/2010); Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 23/05/2019 (thay thế Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 04/03/2014).

Dự án thực hiện còn phù hợp với Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Cụ thể phát triển nông nghiệp trong 5 năm tới với 03 nhiệm vụ trọng tâm: Tạo vùng nguyên liệu, chế biến; hình thành liên kết chuỗi giá trị. 03 ngành trọng điểm: Chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp. 03 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: Chăn nuôi (heo, gà), hạt điều, sản phẩm từ gỗ. 03 giải pháp hỗ trợ khởi điểm.

KCN Bắc Đồng Phú đã được xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 26/09/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, tỉnh Bình Phước có nhiều chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phát triển ngành nghề đa dạng, chủ trương phát triển mạnh các KCN và có những chính sách thu hút đầu tư cho các nhà đầu tư khi vào KCN. Dự án đã được sự hỗ trợ của KCN Bắc Đồng Phú nói riêng và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước nói chung.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG: Không thay đổi.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

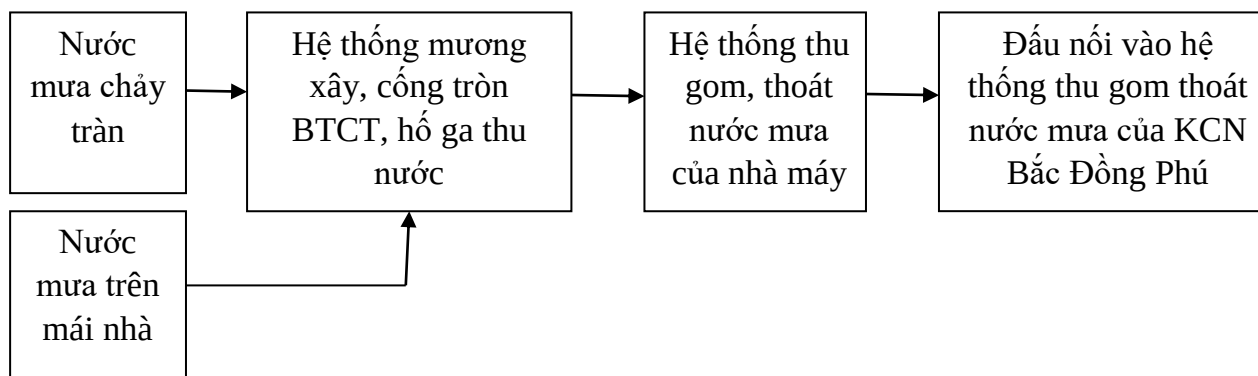
1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Công ty đã xây dựng, bố trí hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống nước thải.



Hình 3. 1 Hệ thống ống dẫn nước mưa

Nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, cũng như qua bề mặt của dự án,... sẽ được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại hố ga trước khi chảy vào hệ thống cống thoát nước mưa.



Hình 3. 2 Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án

Hệ thống thu gom nước mưa là công bê tông cốt thép. Nước mưa từ mái công trình đi theo độ dốc mái chảy vào các máng xối và thông qua hệ thống ống xuống mương dẫn, nước được đi vào hệ thống thu gom nước mưa kín và âm dưới nền đất được xây dựng xung quanh các công trình xây dựng với đường kính BTCT là Ø400, Ø 500, Ø 600. Nước mưa từ nhà máy được đấu nối với cống thoát nước mưa của KCN Bắc Đồng Phú thông qua 02 điểm đấu nối trên đường D4; 02 điểm đấu nối trên đường D5 và 01 điểm đấu nối trên đường N4.

Dự án xây dựng hệ thống thoát nước mưa và thường xuyên kiểm tra, tu bổ, thu dọn rác, khơi thông dòng chảy, cống rãnh theo địa hình tự nhiên thấp dần xuống các đường tự thủy khu vực dự án nhằm không chế tình trạng ứ đọng, ngập úng, sinh lầy.

Hệ thống thoát nước mưa sẽ được định kỳ nạo vét, bùn thải thu gom giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh theo Hợp đồng Xử lý Chất thải số 94/2022/HĐXL-TDX ký ngày 01/10/2022.

Bảng 3. 1 Thống kê các thông số thiết kế của hệ thống thu gom nước mưa

TT	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Thông số kỹ thuật
1	Ống thu gom nước mưa	BTCT Ø400, Dài 2.521 m BTCT Ø500, Dài 1.118 m BTCT Ø600, Dài 133 m
2	Hố ga	Số lượng: 89 cái Kích thước: 1x1x1 (m)
3	Cửa xả	Số lượng: 5 cái Đường ống xả: BTCT Ø600 Kích thước hố ga đấu nối vào KCN: 1,6x1,6x1,6 (m)

Nước mưa được quy ước là nước sạch, tuy nhiên nếu không có biện pháp quản lý tốt các nguồn chất thải phát sinh từ nhà máy như: nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, các loại nguyên liệu sản xuất để nước mưa tạt vào và cuốn theo, khi đó nước mưa sẽ trở thành nước bẩn làm phát tán gây ô nhiễm môi trường nước mặt trong khu vực.

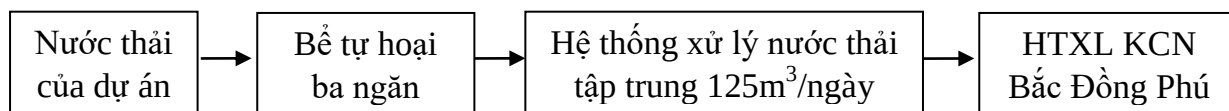
Nước mưa xả vào hệ thống cống thoát nước theo phương thức tự chảy, xả ngầm.

Bản vẽ hoàn công hệ thống thu gom và thoát nước mưa được đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo này.

1.2 Thu gom, thoát nước thải

Nước thải phát sinh tại dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt Nhà máy Thành Nghiệp và nước thải của đơn vị thuê xưởng (nước thải sinh hoạt). Quá trình sản xuất của Nhà máy Thành Nghiệp không phát sinh nước thải.

Nước thải được thu gom tách riêng biệt với nước mưa và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập chung của dự án.



Hình 3. 3 Sơ đồ thu gom nước thải của dự án

Nước thải sinh hoạt: từ nhà vệ sinh của khu vực văn phòng và khu nhà vệ sinh từ khu nhà xưởng được thu gom theo đường ống nhựa PVC Ø60, Ø140 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 125 m³/ngày đêm.

Toàn bộ nước thải sau HTXL tập chung của dự án đạt quy chuẩn tiếp nhận của KCN Bắc Đồng Phú (theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) được thu gom theo đường ống nhựa PVC Ø168, dài 19 m vào hệ thống thu gom của KCN Bắc Đồng Phú.

Nước thải sau xử lý được đấu nối tại 01 vị trí trên đường D5, cửa xả nước thải là ống PVC Ø168 và phương thức xả thải: bơm cưỡng bức. Hố ga đấu nối nước thải với kích thước 1,6x1,6x1,6 (m) có nắp đậy, bên ngoài hàng rào của dự án và có lối đi thuận lợi để giám sát việc đấu nối và chất lượng nước thải sau xử lý của Công ty trước khi đấu nối vào hệ thống công thoát của KCN Bắc Đồng Phú.

Bảng 3. 2 Thống kê các thông số thiết kế của hệ thống thu gom nước, thoát nước thải

STT	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	Thông số kỹ thuật
1	Ống thu gom nước thải	PVC Ø60, dài 402 m PVC Ø140, dài 1.244 m PVC Ø168, dài 19 m
2	Hố ga	Số lượng: 41 cái Kích thước: 1x1x1 (m)
3	Cửa xả	Số lượng: 1 cái Đường ống xả: PVC Ø168 Kích thước hố ga đấu nối: 1,6x1,6x1,6 (m)



Hình 3. 4 Hố ga thu gom nước thải

1.3. Xử lý nước thải

- Tên công trình: Hệ thống xử lý nước thải công suất 125 m³/ngày.
- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Kiến Thành Phát.

Xử lý sơ bộ nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải chung

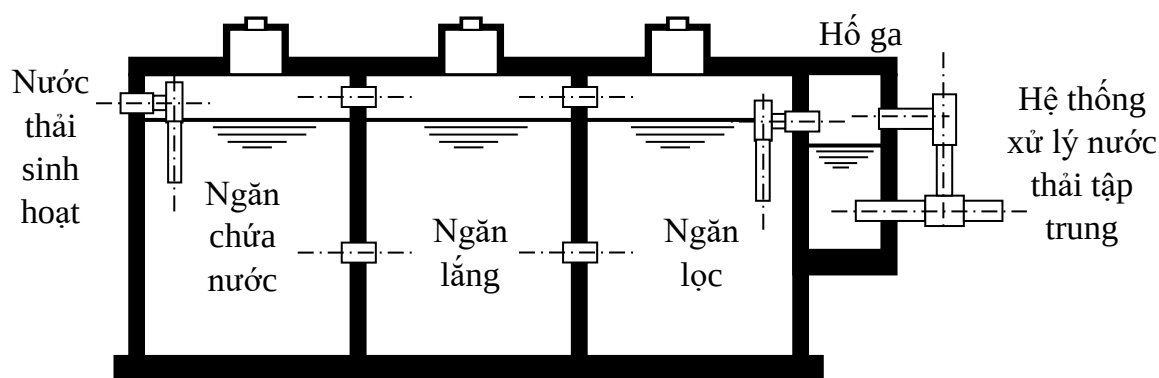
Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tại khu vực văn phòng: đã xây 4 hầm tự hoại, mỗi hầm có kích thước (dài x cao x rộng = 3 x 2 x 3 = 18 m³).

Tại khu vực các nhà xưởng: đã xây 8 hầm tự hoại để xử lý, mỗi hầm có kích thước (dài x cao x rộng = 3 x 2 x 3 = 18 m³).

Tổng thể tích 12 bể tự hoại là 216 m³.

Sơ đồ xử lý nước thải của bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện trong hình sau:



Hình 3. 5 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:

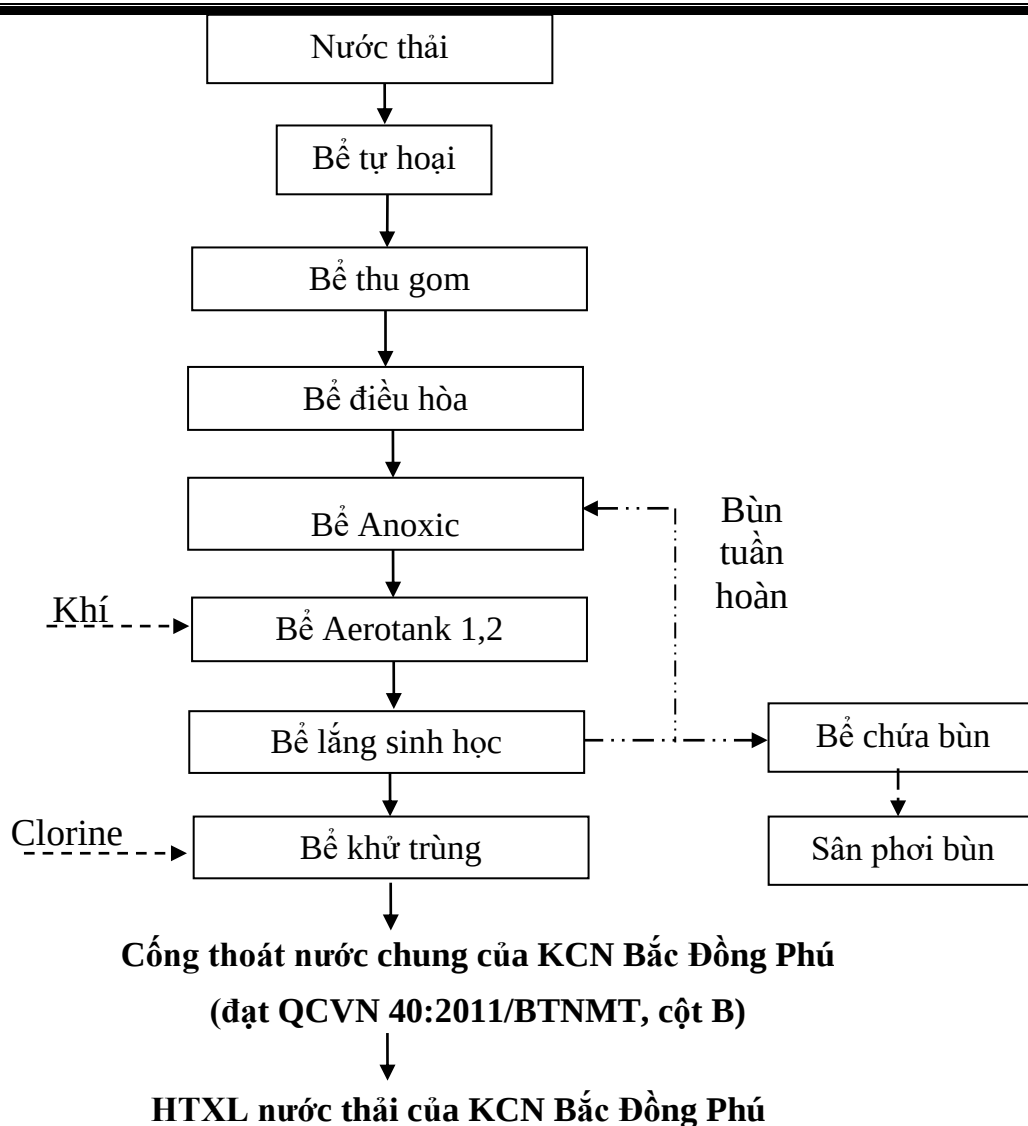
Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải vào bể tự hoại 3 ngăn đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí.

Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%. Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD₅, COD và SS giảm đáng kể. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 125 m³/ngày đêm.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Công ty đã xây dựng hoàn thiện 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 125 m³/ngày, do nhà thầu của Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Kiên Thành Phát tư vấn thiết kế.

- **Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống xử lý nước thải như sau:**



Hình 3. 6 Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 125 m³/ngày

Bản vẽ hoàn công hệ thống XLNT; biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình được đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo này.

Thuyết minh quy trình:

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được dẫn về bể thu gom. Bể thu gom có tác dụng lưu chứa chất thải. Tại bể thu gom có đặt giỏ chắn rác để loại bỏ các vật rắn có kích thước lớn. Sau đó, nước thải được bơm lên bể điều hòa.

❖ Bể điều hòa:

Tại bể này tiếp nhận nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn). Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, giúp hệ thống xử lý làm việc ổn định; đồng thời giảm kích thước các công trình đơn vị tiếp sau.

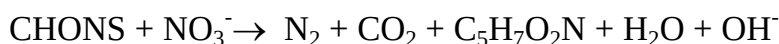
❖ Bể Anoxic (bể sinh học thiếu khí):

Quá trình xử lý sinh học thiếu khí hiệu quả cao đối với chất ô nhiễm COD, BOD và oxy hóa amonia NH_3 thành nitrite NO_2^- , cuối cùng là nitrate NO_3^- . Chất dinh dưỡng được cung cấp theo tỷ lệ tính toán sơ bộ $\text{BOD:N:P} = 100:5:1$. Để tăng hiệu quả xử lý nitơ, bể sinh học thiếu khí bùn hoạt tính được bổ sung. Quá trình xử lý sinh học tồn tại đồng thời giữa vùng hiếu khí và vùng thiếu khí là điều kiện thích hợp cho các quá trình xử lý nitơ trong nước thải. Quá trình xử lý nitơ gồm 02 quá trình sau:

- Quá trình nitrat hóa:



- Quá trình khử nitrat:



Nitrat sinh ra từ quá trình nitrat hóa trong điều kiện hiếu khí được khuếch tán sang vùng thiếu khí cùng với cơ chất, tạo điều kiện thích hợp cho quá trình khử nitrat xảy ra trong cùng một bông bùn. Với sự kết hợp của quá trình nitrat hóa và khử nitrat, nồng độ nitơ trong nước thải được xử lý hiệu quả bởi sự kết hợp giữa bể sinh học thiếu khí và bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính.

Bể xử lý thiếu khí được thiết kế bộ khuấy trộn nhằm đảo trộn đều nước thải và vi sinh vật. Bể thiếu khí còn đóng vai trò là một hệ chọn lọc vi sinh để chống lại hiện tượng bùn nổi do vi khuẩn dạng sợi gây ra. Nước sau bể thiếu khí sẽ tự chảy sang bể Aerotank.

❖ Bể Aerotank:

Bể Aerotank có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ còn lại trong nước thải. Trong bể Aerotank diễn ra quá trình oxy hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải dưới sự tham gia của vi sinh vật hiếu khí. Trong bể Aerotank có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bể nhằm cung cấp oxy, tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sống, phát triển và phân giải các chất ô nhiễm. Vi sinh vật hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng. Vi sinh vật phát triển thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Khi vi sinh vật phát triển mạnh, sinh khối tăng tạo thành bùn hoạt tính. Hàm lượng bùn hoạt tính nên duy trì ở nồng độ khoảng 2.500 – 4.000 mg/l; do đó, một phần bùn lắng tại bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn trở lại vào bể Anoxic để đảm bảo nồng độ bùn nhất định trong bể.

❖ Bể lắng sinh học:

Nước thải sau xử lý sinh học có mang theo bùn hoạt tính cần phải loại bỏ trước khi thải vào các bể tiếp theo. Bể lắng sinh học có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải. Nước sạch được thu đều trên bề mặt bể lắng thông qua máng tràn răng cưa. Bùn lắng một phần được hoàn lưu định kỳ về các bể xử lý phía trước và một phần (bùn dư) được đưa về bể chứa bùn và sân phơi bùn.

❖ Bể khử trùng:

Tại bể khử trùng, chlorine được châm định lượng vào để loại bỏ các vi sinh vật có hại trong nước thải. Chlorine khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật, phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất và gây chết đối với vi sinh vật.

Sau khi khử trùng, nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT – cột B (tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú) đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN tại 01 điểm đầu nối trên đường D5 và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – cột A, trước khi được thải ra nguồn tiếp nhận (suối Rạt).

❖ Bể chứa bùn:

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được đưa về bể chứa bùn. Bùn này là bùn vi sinh nên bùn chủ yếu được lưu giữ lại để châm định lượng vào bể Anoxic khi cần thiết, nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động ổn định. Nếu bùn thải từ hệ thống không tuần hoàn lại thì sẽ được chuyển đến sân phơi bùn.

❖ Sân phơi bùn:

Tại sân phơi bùn, bùn được giảm ẩm độ, thể tích và khối lượng. Nước được dẫn về bể gom để xử lý. Bùn sau khi giảm độ ẩm sẽ được thu gom và lưu chứa trong khu vực lưu chứa và chuyển giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh theo Hợp đồng Xử lý Chất thải số 94/2022/HĐXL-TDX ký ngày 01/10/2022. Vào mùa mưa, Công ty sẽ sử dụng tấm bạt che chắn, khối lượng bùn phát sinh ít, khả năng giảm ẩm độ nhanh nên cũng không ảnh hưởng nhiều.



Hình 3. 7 Hệ thống xử lý nước thải công suất 125 m³/ngày

• Thông số các công trình xây dựng của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

CÔNG SUẤT = 125 m³/ngày ↔ 5.21 m³/giờ (24/24)

Bảng 3. 3 Thông số các công trình xây dựng của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Tên hạng mục	SL bể	Kích thước				V _{xd} (m ³)	V _{chứa} (m ³)	Thời gian lưu (giờ)
			D (m)	R (m)	H _{xd} (m)	H _{chứa} (m)			
1	Bể điều hòa	1	4,7	3,6	3	2,0	50,76	33,84	6,50
2	Bể Anoxic	1	2,6	1,5	4,5	4,2	17,55	16,38	3,14
3	Bể Aerotank 1	1	4,8	3,6	3	2,5	51,84	43,20	8,29
4	Bể Aerotank 2	1	4,7	3,6	3	2,5	50,76	42,30	8,12
5	Bể lắng sinh học	1	2,6	2,6	4,5	4	30,42	27,04	5,19
6	Bể khử trùng	1	2	1,2	4,5	4	10,80	9,60	1,84
7	Bể chứa bùn	1	2	1,2	4,5	4	10,80	9,60	-
8	Sân phơi bùn	2	3,4	1,05	1	0,7	7,14	5,00	-
9	Nhà điều hành	1	4,2	3	3	-	-	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Kiến Thành Phát)

• **Danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải tập trung**

Bảng 3. 4 Danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Tên sản phẩm- Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
01	TRẠM BƠM 1 – Văn phòng cũ			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Tên sản phẩm- Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
*	Bơm TRUNG CHUYỂN 1	Taiwan	bộ	1
	- Kiểu bơm CHÌM			
	- Lưu lượng: 12-15 m ³ /h			
	- Công suất: 2HP - 380v, 50Hz			
	- Phụ kiện lắp đặt: van 1 chiều, co, tee			
*	Phao mực nước		cái	1
	- Khởi động hoặc tắt máy bơm			
02	TRẠM BƠM 2 – Văn phòng mới			
*	Bơm TRUNG CHUYỂN 2&3	Taiwan	bộ	2
	- Kiểu bơm chìm			
	- Lưu lượng: 12-15m ³ /h			
	- Công suất: 2HP - 380v, 50Hz			
	- Phụ kiện lắp đặt: van 1 chiều, co, tee			
*	Phao mực nước		cái	1
	-Khởi động hoặc tắt máy bơm			
03	BỂ ĐIỀU HOÀ			
*	Đĩa phân phối khí	Taiwan	cái	8
	- Kiểu: Diffuser			
	- Đường kính: 270mm			
	- Vật liệu: High grade EDPM			
*	Bơm điều hoà	Taiwan	bộ	2
	- Kiểu bơm CHÌM			
	- Lưu lượng: 8-10 m ³ /h			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Tên sản phẩm- Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
	- Công suất: 1HP - 380v, 50Hz			
	- Phụ kiện lắp đặt			
*	Phao mực nước		cái	1
	- Khởi động hoặc tắt máy bơm			
04	BỂ ANOXIC			
*	Bộ khuấy trộn	Taiwan	bộ	1
	- Motor giảm tốc 1HP- 380V			
	- Trục khuấy thép tráng kẽm - D60 – 2,4mm			
	- Cánh khuấy Inox 304 - La 4 - 3mm			
	- Tốc độ: 54 vòng/phút			
	- Phụ kiện lắp đặt			
05	BỂ AEROTANK			
*	Đĩa phân phối khí	Taiwan	cái	24
	- Kiểu: Diffuser			
	- Đường kính: 270mm			
	- Vật liệu: High grade EDPM			
*	Máy thổi khí	Taiwan or Trương tự	cái	2
	- Nguồn: 3pha/380V/50Hz			
	- Công suất: 5HP			
	- Lưu lượng: 2,7 m ³ /phút			
	- Cột áp: 4,5m			
	- Phụ kiện lắp đặt			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Tên sản phẩm- Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
*	Bơm nước sang bể lắng sinh học	Taiwan	bộ	2
	- Kiểu bơm chìm			
	- Lưu lượng: 8-10 m ³ /h			
	- Công suất: 1HP - 380v, 50Hz			
	- Phụ kiện lắp đặt			
*	Phao mực nước		cái	1
	- Khởi động hoặc tắt máy bơm			
06	BỂ LẮNG SINH HỌC			
*	Bơm bùn	Taiwan	cái	1
	- Kiểu bơm: dạng bơm nhúng chìm			
	- Điện: 3 pha / 380V / 50Hz			
	- Công suất: 1HP			
*	máng thu nước	Việt Nam	bộ	1
	- Inox sus 304			
	- Phụ kiện			
*	ống trung tâm	Việt Nam	bộ	1
	- uPVC + phụ kiện uPVC			
	- kích thước: D*H = 0.3m*2.0m			
07	BỂ KHỬ TRÙNG			
*	Bơm định lượng hoá chất	Hanna	cái	2
	- Điện: 1 pha / 220V / 50Hz			
	- Lưu lượng: 60 lit/h			
*	Bồn pha chế hoá chất	Việt Nam	cái	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Tên sản phẩm- Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng
	- Vật liệu: nhựa PE (bồn nhựa Sơn Hà)			
	- V = 300 lít			
08	Hệ thống ống công nghệ trong hệ thống	Việt Nam	HT	1
	- Hệ đường ống Φ21, Φ90, Φ140			
	- Hệ đường ống Inox 304: dẫn khí			
	- Hệ đường ống uPVC: đường nước, ống dẫn điện			
	- Phụ kiện			
09	Hệ thống điện điều khiển	Việt Nam	HT	1
	- Điều khiển tự động			
	- Xuất xứ: LS, Cadimi,...			
	- Dây điện được kéo từ tủ điện đến thiết bị			

• Quy trình vận hành và chế độ vận hành

Hệ thống điều khiển

Hệ thống điều khiển tự động hoàn toàn bao gồm:

+ 01 bộ điều khiển tâm. Thu thập số liệu từ các thiết bị, trạng thái hoạt động của thiết bị, ra quyết định điều khiển các cơ cấu chấp hành.

+ Hệ thống thiết kế có thể vận hành theo 3 chế độ:

✓ Tự động hóa hoàn toàn.

✓ Bán tự động.

✓ Vận hành bằng tay.

Kiểm tra hệ thống điện: Kiểm tra về điện áp: đủ áp (380V), đủ pha (3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp, thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố.

+ Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, MCB, MCCB. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

+ Các ký hiệu bên trong tủ điện:

ON, OFF – Đóng, mở nguồn cung cấp cho tủ điện khiêu khiển.

AUTO, OFF, MAN – Chế độ điều khiển tự động, tắt và bằng tay

Đèn của máy nào trên tủ điện sáng xanh thì máy đó đang hoạt động.

Đèn báo màu xanh : Mở máy

Đèn báo màu vàng: Máy bị sự cố

 Vận hành

Các chế độ hoạt động của hệ thống

Hệ thống xử lý nước thải được điều khiển ở 02 chế độ:

- + Chế độ Auto - Điều khiển tự động theo tín hiệu của phao mực nước và Timer.

Khi làm việc ở chế độ Auto, các thiết bị điện trong hệ thống sẽ tự đóng ngắt theo một chế độ định trước như sau: Khi CB tổng bật, các công tác thiết bị được gạt qua chế độ Auto

- + Chế độ Manual - Hoạt động theo sự điều khiển của người vận hành tại tủ động lực.

Chế độ này chỉ tiến hành khi hệ thống gặp sự cố, khi thử máy.

Khi làm việc ở chế độ Manual, các thiết bị điện trong hệ thống sẽ hoạt động chỉ theo sự điều khiển của người vận hành mà không theo tín hiệu phao mực nước hay Timer thời gian: Khởi động CB tổng bật, các công tác thiết bị được gạt qua chế độ Manual.

 Kiểm tra hệ thống xử lý nước thải trước khi vận hành

Kiểm tra lượng hóa chất sử dụng:

Kiểm tra mực hóa chất ở bồn chứa, đảm bảo mực nước tối thiểu không được nhỏ hơn 1/4 chiều cao của bồn chứa.

Kiểm tra thiết bị:

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong STP. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

– Công tác kiểm tra như sau:

Bảng 3. 5 Công tác kiểm tra thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung

TT	Thiết bị	Chi tiết kiểm tra
1	Bơm chìm	Nguồn điện cấp vào bơm. Tín hiệu truyền về Hệ thống điều khiển tự động (HT ĐKTD) Chiều quay của bơm Hoạt động của bơm theo phao hoặc chương trình điều khiển tự động.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Thiết bị	Chi tiết kiểm tra
		Lưu lượng bơm khi hoạt động. Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van, ... Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: phốt bơm, lượng dầu, nhớt, mỡ bôi, gioăng, mối nối... Các van (độ mở). Hoạt động (có nước/bùn).
2	Bơm định lượng	Nguồn điện cấp vào bơm. Các van (độ mở). Hoạt động (có hóa chất). Chiều quay của motor. Liều lượng (vị trí điều chỉnh).
3	Phao mực nước	Khả năng đóng/mở tiếp điểm Chế độ đóng/mở bơm
4	Máy thổi khí	Nguồn điện cấp vào máy. Tín hiệu truyền về HT ĐKTD. Hoạt động của máy theo chương trình điều khiển tự động. Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van,... Dây coroa (mức độ giãn). Lọc khí (mức độ sạch). Bulông (mức siết chặt). Mực dầu bôi trơn (thêm dầu nếu dầu cạn, không được châm dầu đầy vì có thể gây nổ máy). Thử van an toàn.
5	Hệ thống phân phối và khuếch tán khí bể điều hòa và sục khí	Khả năng phân phối khí trên bề mặt bể ở tất cả các vị trí. Bọt khí (độ đồng đều) Các van điều chỉnh tốc độ khí.
6	Máy khuấy	Nguồn điện cấp vào máy khuấy. Tín hiệu truyền về Hệ thống điều khiển tự động (HT

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Thiết bị	Chi tiết kiểm tra
		ĐKTD). Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. Các phụ tùng, linh kiện hao mòn. Chiều quay của motor.
7	Bồn chứa hóa chất	Lượng cặn đóng dưới đáy bồn. Lượng hóa chất trong bồn. Mối nối từ bồn vào các thiết bị khác như: bơm, van, ống thông khí,...
8	Tủ điện điều khiển	Hiện thị và hoạt động.

• Những sự cố thường gặp

 Bể thổi khí

Dấu Hiệu Sự Cố	Nguyên Nhân	Đề Xuất Hành Động
Chỉ số thể tích của bùn giảm nhẹ (SVI)	- Vi sinh vật chậm phát triển - Lượng bùn dư bơm đi quá nhiều	(1) Kiểm tra hàm lượng Nitơ và Photpho trong nước thải đầu vào theo tỉ lệ: BOD:N:P=100:5:1. Cần phải bổ sung chất dinh dưỡng nếu phát hiện N, P thấp hơn tỉ lệ trên. (2) Giảm cường độ thải bỏ bùn dư
Chỉ số thể tích của bùn cao	a. Oxy hòa tan thấp b. Dinh dưỡng không phù hợp c. pH thấp	(1) Duy trì hàm lượng oxy hòa tan trong bể thổi khí trong khoảng 1.5 – 2 mg/L. (2) Kiểm tra Nitơ và Photpho trong nước thải đầu vào theo tỉ lệ: BOD:N:P=100:5:1. Cần phải bổ sung chất dinh dưỡng nếu phát hiện N, P thấp hơn tỉ lệ trên. (3) pH trong bể thổi khí nên duy trì trong khoảng 6,5 – 8,5. Nếu pH trong bể thổi khí thấp, pH<6,5 có thể dùng kiềm(NaOH) để chỉnh pH lên.
Oxy hòa tan trong bể thổi	a. Hàm lượng MLSS cao.	(1) Tăng cường thải bỏ bùn.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

Dấu Hiệu Sự Cố	Nguyên Nhân	Đề Xuất Hành Động
khí giảm	b. Thời gian lưu nước giảm. Nồng độ chất thải cao. c. Nồng độ và tính chất của bùn hoạt tính bị biến đổi	(2) Giảm lưu lượng và nồng độ nước thải đầu vào. (3) Cấy thêm bùn hoạt tính từ hệ thống khác đang hoạt động tốt.
Hiện tượng tạo bọt	a. Bùn mới trong bể thổi khí chịu tải lượng chất ô nhiễm lớn (MLSS thấp) b. Bị nhiễm độc tố (kim loại nặng) Thiếu chất dinh dưỡng, DO không phù hợp. pH thấp hoặc cao. c. Thổi khí quá nhiều	(1) Tỷ lệ F/M cao do đó không nên thải bỏ bùn trong vài ngày hoặc duy trì việc thải bỏ ở tỷ lệ phù hợp. (2) Kiểm tra khả năng tiêu thụ oxy của bùn. Phục hồi lại chức năng hoạt tính của bùn. Nếu có thể, thải bỏ toàn bộ bùn bị nhiễm độc và cấy lại bùn mới từ hệ thống khác. (3) Giảm thổi khí bằng cách đóng bớt van (4) Sử dụng chất khử bọt cho một khối lượng nhỏ trên bề mặt bể. Chất khử bọt phản ứng các chất khác có thể làm tan bọt nhanh chóng khi áp dụng với lượng nhỏ. Chúng thường không hiệu quả khi áp dụng một lượng lớn trong một thời gian dài. Quá trình chậm vào cũng phải được tách rời, vài lần trong một giờ. Hoặc, tăng nồng độ chất rắn lơ lửng trong bể thổi khí. Đây là phương pháp kiểm soát hiệu quả nhất.

Bể lắng sinh học

Dấu Hiệu Sự Cố	Nguyên Nhân	Đề Xuất Hành Động
Bùn nổi trên mặt bể	Bùn do quá trình khử nitrat trong bể và nổi lên bề mặt	Loại bỏ bùn theo một hoặc nhiều cách sau: (1) Đảm bảo thiết bị cào bùn hoạt động liên tục

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

Dấu Hiệu Sự Cố	Nguyên Nhân	Đề Xuất Hành Động
		(2) Tăng mức độ bơm bùn tuần hoàn về bể thổi khí hay thải bỏ. (3) Thay thế các miếng cao su đã vỡ và mục nát. (4) Giảm lượng oxy hòa tan cấp vào bể thổi khí
Hiệu quả hoạt động thiết bị cào bùn giảm	Tăng tải trọng lên thiết bị cào bùn	(1) Súc bể một cách định kỳ và kiểm tra tất cả các bộ phận thiết bị phần kim loại xem hư hỏng hay rỉ sét. (2) Thay thế những phần của thiết bị cào bùn bị mài mòn, hư hỏng và méo mó.
Vấn đề chất rắn lơ lửng trong nước sau lắng	(a) Quá trình tích tụ bùn. (b) Dòng chảy qua bể quá nhanh (quá tải). (c) Tỷ lệ F/M thấp (d) Tỷ lệ F/M cao (e) Quá trình khử Nitrate (f) Vi khuẩn dạng sợi phát triển	(1) Chùi cọ bể thường xuyên. (2) Điều chỉnh lại lưu lượng nước thải đầu vào phù hợp với thiết kế. (3) Tăng chu kỳ thải bỏ bùn, giảm MLSS (4) Giảm chu kỳ thải bỏ bùn, tăng MLSS, tăng thổi khí. (5) Tăng chu kỳ thải bỏ bùn, giảm MLSS, giảm thổi khí. (6) Kiểm soát quá trình hoạt động của bể thổi khí.

• Hướng dẫn hóa chất

- Chuẩn bị hóa chất:

Bước 1: Cung cấp nước sạch vào đầy các bồn pha chế hóa chất theo dung tích định mức của bồn chứa.

Bước 2: Cân hóa chất các loại theo lượng tương ứng với nồng độ cần để điều chỉnh quá trình vận hành.

Bước 3: rót hóa chất vào các bồn tương ứng và khuấy đến khi thấy hóa chất tan hoàn toàn mới được phép đưa dung dịch vào sử dụng.

- Kiểm tra điện:

Bước 1: Kiểm tra bên trong tủ điện, tất cả CB/MCB/MCCB đều phải ở vị trí sẵn sàng (đã mở)

Bước 2: Kiểm tra điện có đủ pha hay không.

Trên tủ điều khiển sử dụng nguồn 3 pha bao giờ cũng được thiết kế các đèn báo pha màu xanh đỏ vàng. Khi có điện truyền tới tủ, các đèn báo pha sẽ sáng hết (nếu đủ 3 pha) hoặc không sáng hết (mất 1 hoặc 2 pha) và để người vận hành biết được không nên cho máy hoạt động lúc này.

Bước 3: Kiểm tra nguồn điện điều khiển của tủ đã sẵn sàng hay chưa bằng cách nhìn lên đèn báo ở phía dưới 03 đèn báo pha.

Nếu nguồn điện điều khiển của tủ chưa sẵn sàng thì cần phải kiểm tra CB nguồn điện điều khiển nằm trong tủ và công tắc bật tắt điện điều khiển trên cánh tủ

Bước 4: Kiểm tra điện áp hiển thị tại đồng hồ đo, giá trị điện áp có thể đưa vào vận hành là $380V \pm 10\%$.

Bước 5: Bật lần lượt công tắc điều khiển của các động cơ (trên cánh tủ) sang vị trí Auto (nếu muốn hoạt động tự động) hoặc Man (nếu muốn hoạt động bằng tay).

+ Ở trạng thái Auto (automatic): các thiết bị sẽ hoạt động tự động theo tín hiệu điều khiển đưa về từ hệ thống. Trường hợp này người vận hành (NVH) không phải thực hiện bất kỳ thao tác nào tại khu vực tủ điều khiển chính.

+ Ở trạng thái Man (manual): sau khi chuyển công tắc trạng thái sang vị trí Man, NVH phải bật thêm công tắc lựa chọn thiết bị hoạt động sang vị trí ON.

• Định mức tiêu hao điện năng của hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3. 6 Định mức điện năng tiêu hao của hệ thống xử lý nước thải

TT	Thiết bị tiêu thụ điện	Khí hiệu	Số lượng	Công suất tiêu thụ	Thời gian hoạt động /thiết bị	Điện năng tiêu thụ
				(kW)	(h/ngày)	(kWh/ngày)
1	Bơm nước bể gom - 1	G1	1	1.50	8.0	12.0
2	Bơm nước bể gom - 2	G2/3	2	1.50	4.0	12.0
3	Bơm điều hòa	ĐH1/2	2	0.75	8.0	12.0
4	Motor khuấy bể Anoxic	MX	1	0.75	8.0	6.0

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

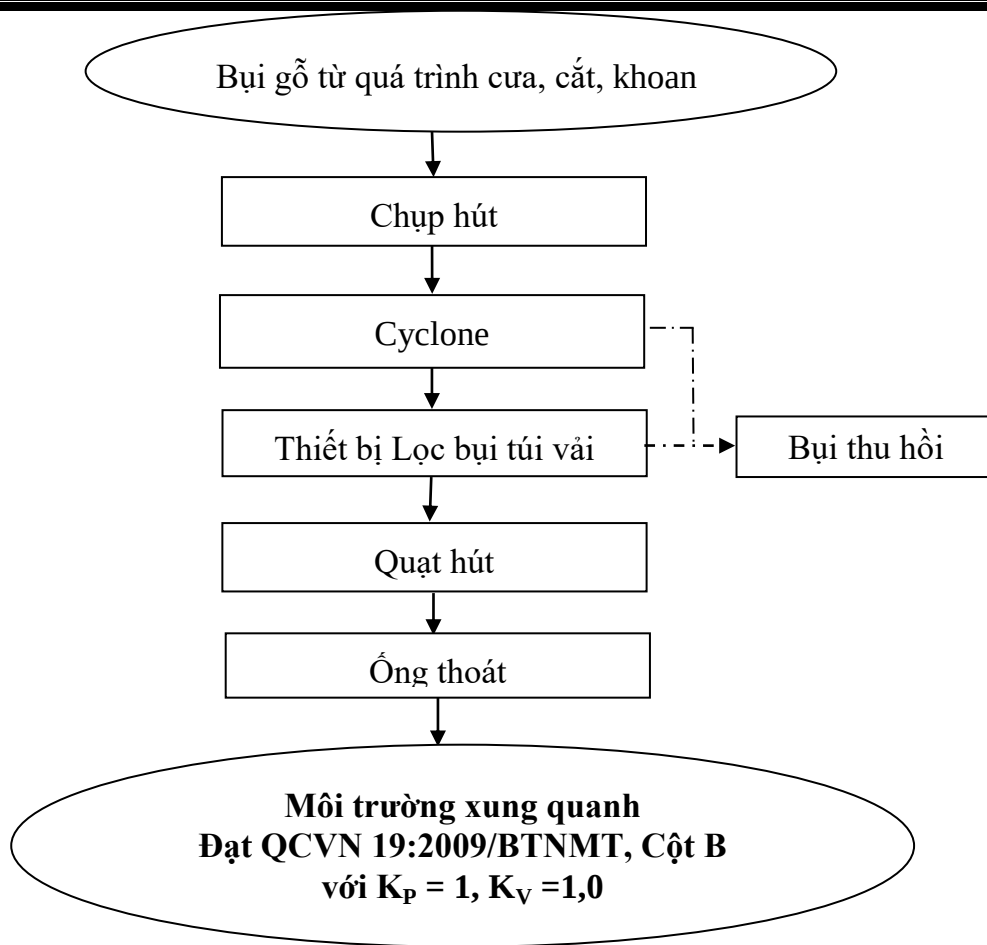
TT	Thiết bị tiêu thụ điện	Khí hiệu	Số lượng	Công suất tiêu thụ	Thời gian hoạt động /thiết bị	Điện năng tiêu thụ
5	Máy thổi khí bể Aerotank	MTK01/2	2	3.70	12.0	88.8
6	Bơm bùn tuần hoàn - bể Aerotank	TH1/2	2	0.75	12.0	18.0
7	Bơm bùn bể lắng	PB	1	0.75	4.0	3.0
8	Bơm định lượngChlorine	DP	2	0.18	8.0	2.9
TỔNG CỘNG						154.7

2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải từ quá trình gia công gỗ

Để giảm thiểu bụi gỗ phát sinh, dự án đã đầu tư 01 hệ thống cyclone và thiết bị lọc bụi túi vải để thu hồi bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan có công suất hệ thống là 6.000 m³/h do nhà thầu Công ty TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL VIET NAM tư vấn thiết kế.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi gỗ từ quá trình cưa, cắt, khoan được trình bày như sau:



Hình 3. 8 Sơ đồ công nghệ xử lý bụi gỗ từ quá trình cưa, cắt, khoan

Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý khí thải; biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình được đính kèm tại Phụ lục của Báo cáo này.

Thuyết minh quy trình:

Công ty đã bố trí số lượng chụp hút phù hợp theo các loại máy tại khu vực cưa, cắt, khoan, chụp hút hút tất cả bụi qua các đường ống dẫn đưa về cyclone. Sau khi được đưa vào cyclone, dòng khí sẽ chuyển động xoắn ốc theo dạng hình tròn. Đây là nơi xảy ra sự tách biệt. Do vận tốc khí càng ngày càng tăng, gây ra bởi lực ly tâm, các hạt bụi trong khí có kích thước lớn được đẩy xuyên tâm hướng tới thành cyclone. Điều này xảy ra với tất cả các hạt có kích thước $\geq 500\mu\text{m}$, do vượt quá lực ly tâm. Các hạt bụi đó khi va chạm vào thành nó sẽ di chuyển chậm lại do lực ma sát và các hạt đó được tách ra khỏi dòng khí và bị đẩy xuống; từ đó các hạt rắn tách khỏi cyclone tại đầu ra bụi. Khi dòng khí đi đến phần dưới cùng hình nón, dòng khí đổi hướng quay trở lại và chuyển động lên trên; chuyển động quanh ống trụ tâm của cyclone và quạt hút sẽ hút dòng khí còn lẫn bụi đến đường ống tiếp theo.

Dòng khí tiếp tục được đưa vào thiết bị lọc túi vải. Dưới tác dụng của quạt hút, dòng bụi và khí được đưa qua các túi vải trong thiết bị lọc túi vải. Tại đây, các hạt bụi có kích thước lớn hơn kích thước lỗ của vật liệu lọc sẽ được giữ lại và định kỳ được thu gom ra ngoài. Dòng khí sau khi qua các túi vải được quạt hút đưa lên 4 ống thoát phát thải ra

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

ngoài môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B với $K_p=1$, $K_v=1,0$. Hiệu quả xử lý bụi đạt từ 92-97%, kể cả các loại bụi có kích thước nhỏ hơn $5\mu m$.

Bụi sau khi thu hồi được chuyển giao 1 tháng/2 lần cho Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh theo Hợp đồng Xử lý Chất thải số 94/2022/HĐXL-TDX ký ngày 01/10/2022.



Hình 3. 9 Hệ thống xử lý khí thải công suất $6.000 m^3/h$

- Thông số công trình của HTXL bụi gỗ được trình bày như Bảng sau:

Bảng 3. 7 Thông số công trình HTXL bụi gỗ

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Chụp hút	Kích thước: $D \times R = 0,5 \times 0,5$ (m) Vật liệu: Thép	59 cái
2	Đường ống thu gom	Kích thước: Đường kính ống $\varnothing 450, \varnothing 550, \varnothing 600, \varnothing 650, \varnothing 750$ Vật liệu: Thép	7 ống
3	Cyclone	Kích thước: Đường kính $\times$ Cao = $1,1 \times 2,4$ (m) Vật liệu: Thép	01 cái
4	Thiết bị lọc bụi túi vải	Kích thước: $D \times R \times C = 2,0 \times 2,4 \times 3,2$ (m) Số lượng túi vải: 20 túi Kích thước túi vải: $\text{ĐK} \times D = 0,15 \times 2$ (m)	01 hệ thống
5	Quạt hút	Công suất: 100 HP	01 bộ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		Lưu lượng: 6.000 m ³ /giờ	
6	Ống khói	Kích thước: Đường kính*Chiều cao = 0,35x14 (m) Vật liệu: Thép	04 cái

• Vận hành hệ thống

- Công việc:

- + Vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải.
- + Vệ sinh khu vực vận hành vào cuối ca làm việc.
- + Kiểm tra, khắc phục nhanh chóng các sự cố xảy ra và báo ngay cho bộ phận chuyên trách giải quyết.
- + Thực hiện bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

- Tủ điều khiển:

- + Vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải.
- + Vệ sinh khu vực vận hành vào cuối ca làm việc.
- + Kiểm tra, khắc phục nhanh chóng các sự cố xảy ra và báo ngay cho bộ phận chuyên trách giải quyết.
- + Thực hiện bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

LƯU Ý:

✓ Nguồn cấp vào tủ là điện 03 pha nên rất nguy hiểm cho người nếu bất cẩn hay không hiểu biết về điện. Mọi người khi vào hệ thống xử lý phải tuyệt đối tuân thủ các quy tắc an toàn khi tiếp xúc với điện.

✓ Đối với những người không được giao nhiệm vụ, tuyệt đối không tự ý đóng mở cũng như không được điều chỉnh các công tắc trên tủ điều khiển.

✓ Không ai được lắp đặt, điều chỉnh, sửa chữa điện ngoài những người có chứng chỉ, bằng cấp nghề điện và được người có thẩm quyền giao nhiệm vụ này.

✓ Không sờ mó vào dây điện, thiết bị điện trong tình trạng tay ướt.

✓ Không phun, để rơi vãi chất lỏng lên thiết bị điện.

✓ Không để đồ đạc hay các dụng cụ có tính dẫn điện trong tủ điện

✓ Không để dây dẫn vắt qua các thiết bị kim loại

✓ Khi lắp đặt, điều chỉnh, sửa chữa điện phải ngắt hẳn điện nguồn.

- Nguyên tắc hoạt động:

Trạm xử lý gồm có 2 chế độ vận hành chủ yếu cho các thiết bị xử lý khí thải như sau:

Chế độ:

ON - Bật thiết bị

OFF - Tắt thiết bị

• **Quy trình vận hành**

- Kiểm tra:

Trước khi tiến hành cho hệ thống hoạt động cần kiểm tra toàn bộ hệ thống gồm:

+ Kiểm tra các thiết bị điện

Kiểm tra công tắc của tất cả các thiết bị đã ở vị trí OFF hoặc ON hay chưa;

Bật CB tổng trong tủ điện và kiểm tra 3 đèn báo xem có đủ 3 pha hay không;

Nhìn đồng hồ Vol kế ngoài mặt tủ xem điện áp có đủ 380V hay không.

+ Kiểm tra hệ thống

Kiểm tra hoạt động của motor và quạt hút

Kiểm tra các van của đường ống thu gom.

LƯU Ý:

✓ Đối với những người không được giao nhiệm vụ, tuyệt đối không tự ý đóng mở các van trên đường ống, điều chỉnh vít xoay của các bơm cũng như không được điều chỉnh các công tắc trên tủ điều khiển, nếu không có trang bị bảo hộ lao động.

✓ Người không trực tiếp vận hành hoặc khách tham quan hệ thống phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của nhân viên vận hành.

- Hoạt động hệ thống:

+ Trạng thái tự động:

Bước 1: Nhấp vào hệ thống để hiển thị màn hình vận hành bằng tiếng Trung.

Bước 2: Nhấp vào cài đặt áp suất gió của đường ống.

Bước 3: Điền giá trị áp suất gió đầu vào, chọn xác nhận.

Sau khi hoàn thành cài đặt áp suất gió, hãy quay lại màn hình đang chạy.

Nhập tối đa giới hạn: 5000

Bước 4: Chọn số lượng đường ống

1~4 đường ống có thể chọn sử dụng (ON) theo ý muốn, Không sử dụng (OFF)

1~4 đường ống đều được chọn không sử dụng (OFF), Quạt sẽ không hoạt động.

Bước 5: Nhấn nút “Khởi động tự động” trên tủ điều khiển, hệ thống tự động vận hành.

Nhấn nút “Dừng tự động” tại tủ điều khiển, hệ thống được dừng tự động.

Bước 6: Hiện thị giá trị áp suất gió hiện tại.

Nhấn vào trang tiếp theo để vào sơ đồ đường cong áp suất gió để xem sự thay đổi của đường cong áp suất gió. Bấm để quay lại trang trước để về màn hình vận hành.

Nhấp vào trang tiếp theo để vào màn hình IO, bạn có thể thấy trạng thái đầu vào và đầu ra. Bấm để quay lại trang trước để về màn hình vận hành.

+ Trạng thái thủ công:

Bước 1: Chọn “Vào hệ thống”, hiển thị màn hình vận hành bằng tiếng Trung.

Bước 2: Chọn số lượng đường ống.

1~4 Đường ống có thể chọn sử dụng (BẬT) và không sử dụng (TẮT)

1~4 Đường ống đều được chọn không sử dụng (TẮT). Quạt sẽ không chạy

Bước 3: Xả liệu

Chọn theo thứ tự “Van Rotaly 1” → “trục xoắn ốc 1”

Chọn theo thứ tự “Van Rotaly 2” → “trục xoắn ốc 2”

Vui lòng chọn theo thứ tự “1 đến 1”, “2 đến 2”

Bước 4: Chọn van điện từ rũ bụi “ON rũ bụi”, “OFF tắt rũ bụi”

Bước 5: Vận hành quạt hút bụi

Nhấp vào “Vận hành biến tần số 1 ON”, “Tắt biến tần số 1 OFF”

Nhấp vào “Vận hành biến tần số 2 ON”, “Tắt biến tần số 2 OFF”

Cần vận hành cả 2 biến tần cùng lúc, không được vận hành chỉ 1 máy

Hoạt động thủ công mà không cần kiểm soát cài đặt áp suất gió

Bước 6: Điều chỉnh áp suất

“Nút +” Tăng áp suất, tăng tốc biến tần.

“Nút -” Giảm áp suất, giảm tốc biến tần.

• **Định mức tiêu hao điện năng của hệ thống xử lý khí thải**

Bảng 3. 8 Định mức điện năng tiêu hao của hệ thống khí thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Hạng mục	Số lượng	Máy chạy	Thời gian hoạt động	Công suất	Điện năng tiêu thụ
	Đơn vị	Bộ	Bộ	Giờ	kWh	kWh/ngày
1	Quạt hút	1	1	24	30	720

(Nguồn: Tính toán tổng hợp)

b. Các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển

Để giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Biện pháp quản lý:
 - + Đối với xe chở hàng của nhà máy, người phụ trách lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể;
 - + Đối với các phương tiện là xe máy ra vào nhà máy phải tắt máy, dắt bộ;
 - + Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông;
 - + Bố trí bãi đậu xe hợp lý trong khuôn viên nhà máy;
 - + Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên;
 - + Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do khả năng hấp thu nhiệt của bê tông gây ra, nhất là vào mùa nắng;
 - + Trồng cây xanh xung quanh nhà máy nhằm hạn chế phát tán bụi và khí thải ra môi trường, đồng thời tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu khu vực nhà máy.
- Biện pháp kỹ thuật:
 - + Xe của nhà máy được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường;
 - + Xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông như chằng, neo đảm bảo an toàn, thời gian lưu thông, phủ bạt chống bụi, không bóp còi nơi cần yên tĩnh.

3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

Chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải phát sinh khoảng 450 kg/ngày, được thu gom vào các thùng chứa. Dự án bố trí 18 thùng chứa có dung tích 120L vật liệu PVC, có nắp đậy, đặt các

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

thùng chứa tại các khu vực phát sinh. Sau đó, chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng chứa này được tập kết về khu vực lưu trữ của dự án. Vào cuối ngày có nhân công tập chung rác ở khu vực cổng dự án (định kỳ thu gom 2 ngày/lần) và bàn giao cho Công ty Dịch vụ Vệ sinh Đô thị - Vận tải Nguyễn Xuân Lộc.



Hình 3. 10 Thùng chứa CTRSH

Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp bàn giao chất thải rắn sinh hoạt cho Dịch vụ Vệ sinh Đô thị- Vận tải Nguyễn Xuân Lộc theo Hợp đồng Kinh tế về việc vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt theo Hợp đồng số 01/HĐKT ký ngày 01/06/2022, Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 01 năm.

Tần suất: 2 ngày/lần.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đối với chất thải rắn công nghiệp không nguy hại bao gồm giấy văn phòng, pallet thải, bao bì carton thừa, bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, đinh, ghim thừa,... Dự án thu gom và lưu giữ toàn bộ đưa vào kho chứa.

Bảng 3. 9 Số lượng và thành phần chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Mã CTR công nghiệp thông thường	Khối lượng (kg/tháng)
1	09 01 03	35
2	11 04 03	4,42
3	18 01 05	536,98
4	12 06 13	1.365

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” - Giai đoạn 1

TT	Mã CTR công nghiệp thông thường	Khối lượng (kg/tháng)
Tổng khối lượng		1.941,40

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp)

Dự án đã xây dựng kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng diện tích 42 m², có kết cấu tường gạch, nền bê tông, mái tôn, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm, bố trí sẵn bình chữa cháy trong khu vực kho chứa, kho đảm bảo khả năng lưu chứa lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh.



Hình 3. 11 Kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường cho Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh theo Hợp đồng Xử lý Chất thải số 94/2022/HĐXL-TDX ký ngày 01/10/2022, Hợp đồng có thời hạn là 01 năm.

Tần suất: 1 tháng/2 lần.

4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Dự án đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại riêng biệt, đúng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và có diện tích lưu trữ 30 m². Kho chứa đảm bảo khả năng lưu chứa lượng chất thải nguy hại phát sinh. Kho chứa có nền gạch chống thấm, mái che, tường bao, có gờ, rãnh, rôn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ, có đầy đủ các phương tiện, thiết bị PCCC và có dán nhãn chất thải nguy hại,....

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp bàn giao CTNH cho Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh theo Hợp đồng Xử lý Chất thải số 94/2022/HĐXL-TDX ký ngày 01/10/2022, Hợp đồng có thời hạn là 01 năm.

Tần suất: 1 năm/lần.



Hình 3. 12 Kho chứa chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải phát sinh trong quá trình vận hành:

Bảng 3. 10 Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván ép và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	09 01 01	1.500
2	Giẻ lau thải	Rắn	18 02 01	950
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	10
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	500

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Khối lượng (kg/năm)
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	900
6	Dầu nhớt thải, dầu động cơ	Lỏng	17 02 03	40
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	12
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	200
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	15
10	Cặn sơn, sơn	Lỏng	08 01 01	5
Tổng cộng				4.177

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp)

5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Để giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung từ các hoạt động sản xuất, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt máy móc thiết bị mới có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn;
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, định kỳ 3 tháng bôi trơn dầu máy;
- Chủ đầu tư tiến hành đăng ký kiểm tra giám định máy móc thiết bị hàng năm để tránh các sự cố liên quan, các máy móc đã lắp đặt được bảo dưỡng thường xuyên;
- Trồng cây xanh có tán xung quanh dự án, diện tích cây xanh đạt 20% so với tổng diện tích của dự án.

6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH

a. Đối với sự cố cháy nổ

Dự án được cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 356/TĐ-PCCC ngày 31/12/2019 của Phòng CS PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Phước; Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 202/KĐ-PCCC của Phòng CS PCCC&CNCH - Công an tỉnh Cần Thơ.

Để quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, Công ty sẽ áp dụng các biện

pháp như sau:

- Dự án đã hoàn thành xây dựng 2 bể PCCC với diện tích 280 m² (kích thước: 35x4), xây ngầm dưới đất.
- Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa hóa chất, kho chứa nguyên liệu với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất. Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu và hóa chất theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng;
- Cần định rõ khu nhà kho, khu trữ nguyên liệu đảm bảo vệ sinh công nghiệp, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển,... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị;
- Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả;
- Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và phải được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật;
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ: cát chữa cháy, bình khí CO₂ và bình bột cầm tay tại các khu vực dễ phát sinh cháy nổ như khu vực kho chứa hóa chất, khu vực lưu trữ CTNH để kịp thời ngăn chặn khi có đám cháy nhỏ phát sinh;
- Có phương án PCCC và đội PCCC của Công ty được phân công nhiệm vụ và trách nhiệm khi có sự cố cháy nổ;
- Tập huấn và đào tạo cho đội PCCC của Công ty và định kỳ 1 lần/năm diễn tập PCCC cho toàn bộ công nhân trong nhà máy;
- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị, đến niên hạn thay mới phải lập kế hoạch thay mới, tránh trường hợp khi có sự cố cháy nổ lại không sử dụng được;
- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tuân thủ các qui định về Phòng cháy Chữa cháy của tỉnh Bình Phước.

Phòng ngừa cháy nổ do bụi và hơi hóa chất

- Xây dựng nhà xưởng theo quy định hiện hành PCCC và phải được cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt về PCCC.
- Đảm bảo về khoảng cách an toàn, bậc chịu lửa, các cấu kiện ngăn cháy, có giải pháp chống cháy lan, có vách ngăn cách nhiệt khu vực chứa hóa chất và khu vực xưởng sản xuất phát sinh bụi;
- Đảm bảo an toàn giao thông, nguồn nước phục vụ PCCC và phương tiện PCCC tại chỗ của dự án đầu tư;

- Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công nghiệp, thu gom bụi gỗ, mùn cưa và hóa chất rơi vãi. Các chất thải được thu gom, lưu trữ trong kho được đảm bảo an toàn, cách xa khu vực sản xuất; không lưu trữ quá lâu phải chuyển giao cho đơn vị thu gom và xử lý đúng quy định;

- Tại công đoạn gia công chi tiết bố trí động cơ điện có hộp bảo vệ chống bụi gỗ, phoi bào, mùn cưa rơi vào;

- Thiết bị khởi động máy trong xưởng sản xuất gỗ là khởi động từ, không sử dụng cầu dao khởi động.

- Tách riêng nguồn điện sản xuất, nguồn điện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn và điện phục vụ hệ thống PCCC.

- Trong các hệ thống thông gió, hút bụi và khí thải dùng các loại quạt an toàn chống sinh ra tia lửa khi hoạt động, khi có sự cố va chạm. Đường ống thông gió, bụi, khí thải phải có van khóa đóng mở tự động hoặc bằng tay bố trí ở phần hút của động cơ, sau bộ phận lọc bụi.

Ứng phó sự cố cháy nổ

- Trang bị trang thiết bị, cát, bình CO₂ và nguồn nước để PCCC;

- Khi sự cố xảy ra nhân viên dự án đầu tư phát hiện báo ngay cho tổ chức ứng phó sự cố và thông báo cho Ban ứng phó sự cố cấp dự án đầu tư. Ban ứng phó sự cố cấp dự án đầu tư báo cho Thường trực Ban chỉ đạo ứng phó sự cố cấp tỉnh các nội dung về tình hình sự cố theo quy định và nhờ hỗ trợ nếu sự cố xảy ra nằm ngoài tầm ứng phó cấp dự án đầu tư;

- Sơ cấp cứu cho nạn nhân và chuyển nạn nhân đến dự án đầu tư y tế gần nhất để chữa trị.

Quy trình chữa cháy

- Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, cát, nước để dập lửa;

- Áp dụng các hướng dẫn xử lý sự cố cháy nổ hóa chất, sự cố tai nạn lao động theo khuyến cáo của nhà sản xuất;

- Dọn dẹp: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực;

- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

b. Sự cố tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động trong nhà máy, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

Phòng ngừa tai nạn lao động

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy, Công ty phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Từng máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn lập thành bảng gắn tại vị trí hoạt động và thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị;

- Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt;

- Về an toàn kỹ thuật điện: nhà máy chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của các phân xưởng. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy;

- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động;

- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, nút tay chống ồn, găng tay, kính bảo vệ mắt,...

- Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ;

- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ;

- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa,...

Ứng phó tai nạn lao động

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động;

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

c. Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông

Để giảm thiểu tai nạn giao thông tại khu vực Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Cấu trúc đường giao thông trong nội bộ công trường thi công được bố trí hợp lý, tránh xung đột giao thông, gây nguy hiểm cho người và phương tiện thi công công trình;
- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người qua lại cao;
- Có hệ thống cọc tiêu, đèn báo nguy hiểm tại lối ra, lối rẽ, trong công trường, tại những vị trí dễ xảy ra tai nạn, đề phòng tai nạn;
- Chở đúng tải trọng quy định;
- Bố trí xe có trọng tải phù hợp để tránh làm hư hỏng đường sá;
- Phải lập rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ,...

d. Sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng HTXLNT;
- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;
- Hàng ngày khi vận hành cần kiểm tra máy khi có tiếng kêu hay rung động lạ;
- Định kỳ kiểm tra bơm định lượng, vệ sinh màng bơm;
- Sơn lại các kết cấu bằng kim loại hàng năm;
- Nhân viên vận hành phải có trình độ để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh;
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống XLNT;
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Một số biện pháp khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3. 11 Bảng phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống xử lý nước thải

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Máy bơm nước thải	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục
	Bơm làm việc nhưng không lên nước	Van đang mở bị nghẹt hoặc hư	Kiểm tra, phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng thì thay
		Đường ống bị tắc nghẽn	Kiểm tra và khắc phục
		Buồng bơm không có nước	Mỗi nước
	Lưu lượng bơm giảm	Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống, lupbe	Kiểm tra khắc phục
		Nguồn điện cung cấp không đúng	Kiểm tra khắc phục
Máy bơm định lượng	Máy phát ra tiếng kêu lớn	Khô dầu	Tra dầu máy
	Máy làm việc bình thường nhưng lưu lượng bơm giảm	Màng bơm bị bẩn	Vệ sinh màng bơm

e. Sự cố hệ thống xử lý bụi gỗ

Để kiểm soát sự cố hiệu suất xử lý không đạt của hệ thống xử lý bụi gỗ, Công ty thực hiện các biện pháp dưới đây:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế;
- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi thường xuyên;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành;
- Thực hiện tốt chương trình quan trắc.

f. Sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất

Để phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất trong nhà máy, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp sau:

Phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất

- Công ty xây dựng kho chứa hóa chất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kho chứa hóa chất.

+ Nhà kho có lối, cửa thoát hiểm. Lối thoát hiểm có bảng hiệu, đèn báo và thiết kế thuận tiện cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn khi cần thiết.

+ Sàn kho chứa không gây trơn trượt, có rãnh thu gom và thoát nước.

- Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp tuân thủ chặt chẽ các quy trình xuất nhập và tồn chứa trong kho: các thùng chứa hóa chất được xếp đúng theo quy cách, đảm bảo an toàn ngăn nắp và có thể nhìn thấy nhãn. Thùng hóa chất không được xếp cao quá 2m, không xếp sát trần kho chứa và được kê trên bục gỗ, tránh hóa chất tiếp xúc trực tiếp với nền nhà. Không xếp gần nhau các loại hóa chất mà phản ứng với nhau tạo ra các chất nguy hiểm;

- Công ty tiến hành thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT;

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn khi vận chuyển. Tránh chất đông bừa bãi trong quá trình vận chuyển. Những thùng chứa chất lỏng dễ cháy phải được sắp xếp một cách có khoa học để đảm bảo chống va đập và ngăn chặn sự phát sinh lửa do chính chất lỏng tạo ra;

- Các loại hóa chất được mua cách ngày hoặc 1 lần/tuần tránh tình trạng lưu trữ qua đêm với số lượng lớn, được vận chuyển đến kho chứa hóa chất bằng các phương tiện;

- Tuyển chọn công nhân lành nghề vận hành xe nâng để bốc dỡ và nạp liệu nhằm hạn chế tối đa việc rơi đổ hóa chất;

- Lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thủng trong quá trình di chuyển;

- Tiến hành xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất gồm các nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật Hóa chất;

- Ban hành biện pháp và xuất trình các cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu theo khoản 1, 2 Điều 21 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Lưu trữ, sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản và vận chuyển;

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm quần áo bảo hộ lao động, bao tay bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang than hoạt tính,... cho công nhân khi thao tác với hóa chất trong quá trình sản xuất;

- Công nhân làm việc trong Công ty phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn về hóa chất, biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố hóa chất xảy ra;

- Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo Thông tư 32/2017/TT-BCT các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất;

- Thông tin về hóa chất được thông báo đầy đủ và có sẵn ở nơi dễ thấy;
- Lắp đặt dấu hiệu cảnh báo đối với các hóa chất độc hại, dễ cháy đồng thời lắp đặt nội dung sơ cấp cứu trong khu vực nhà máy để thực hiện khi cần thiết;
- Trang bị tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu trong khu vực Nhà máy;
- Niêm yết địa chỉ, số điện thoại liên hệ cấp cứu khi cần thiết;
- Đối với khu vực kho chứa hoá chất và nguyên liệu áp dụng các biện pháp sau:
 - + Các thùng chứa không rò rỉ và được sắp xếp hợp lý, không cản trở gây vấp ngã.
 - + Mỗi loại hoá chất có quy định, đánh dấu, dán nhãn đầy đủ.
 - + Thường xuyên cập nhật số lượng hoá chất trong kho vào sổ.
 - + Không để các hoá chất có tính tương kỵ gần nhau, không để các hoá chất dễ cháy nổ gần các hoá chất duy trì sự cháy.
 - + Nơi có hoá chất nguy hiểm, độc hại có bảng hướng dẫn quy cách sử dụng, bảo quản, vận chuyển an toàn và được đặt ở vị trí dễ thấy, dễ đọc.
 - + Người không có trách nhiệm không được vào kho hoá chất.
 - + Cấm ăn uống, tụ tập, ngủ nghỉ trong kho hoá chất.
 - + Chỉ nên lưu giữ số lượng hoá chất cần thiết cho hoạt động.

Ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất

- Nhanh chóng thu gom toàn bộ lượng hóa chất rò rỉ, rơi vãi để tái sử dụng sản xuất. Khu vực sản xuất được đảm bảo sạch sẽ để hóa chất rò rỉ, rơi vãi sau khi thu gom có thể tái sử dụng được;
- Nhanh chóng sơ tán công nhân ra khỏi nơi rò rỉ, tràn đổ hóa chất để tiến hành thu gom hóa chất;
- Công nhân thu gom được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc với hóa chất trong quá trình ứng cứu;
- Sơ cấp cứu cho công nhân nhiễm độc nếu có theo quy trình sơ cấp cứu đã được ban hành và nhanh chóng chuyển công nhân đến bệnh viện gần nhất.

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

- Dùng các vật liệu thấm hút: vải, mút xốp, cát,...;
- Thông gió diện tích tràn đổ hóa chất và khoanh vùng xảy ra sự cố;
- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành thu gom, xử lý;
- Thu hồi hóa chất tràn đổ vào thùng chứa chất thải hóa học kín;
- Hóa chất tràn đổ và vật liệu dùng để thu gom hóa chất phải được chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại xử lý.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

- Khi phát hiện sự cố tràn đổ, người phát hiện nhanh chóng dựng thùng hóa chất bị đổ (nếu có), dùng vải, mút xốp, cát,... ngăn chặn đầu nguồn tràn, vây xung quanh hóa chất bị tràn đổ, không cho hóa chất lan rộng, chảy xuống hệ thống cống nước mưa. Đồng thời báo cho ban giám đốc và phòng an toàn lao động để được hỗ trợ xử lý;

- Quản lý bảo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực sự cố. Nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiến hành sơ cấp cứu rồi chuyển xuống phòng y tế dự án đầu tư;

- Công nhân viên được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ mới được tham gia xử lý sự cố. Dùng những thiết bị thích hợp như bơm tay, bơm máy, dụng cụ khác,... để thu hóa chất vào trong thùng chứa;

- Ngăn không cho hóa chất tác động lên nhau gây cháy, nổ;

- Dùng dây bao quanh khu vực sự cố treo biển “Cấm đến gần”;

- Báo cáo Ban Quản lý KCN Bắc Đồng Phú biết để hỗ trợ xử lý;

- Phòng an toàn lao động điều tra nguyên nhân, đưa ra phương pháp cải thiện và ngăn chặn tái phát sinh, lưu giữ hồ sơ liên quan và rút kinh nghiệm sau này;

- Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất;

- Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm khắc phục khi có sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất xảy ra tại khu vực nhà máy;

- Công ty thực hiện các yêu cầu theo quy định của Luật Hóa chất và Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.

g. Sự cố bể tự hoại

Để phòng ngừa sự cố bể tự hoại, Chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

Phòng ngừa sự cố bể tự hoại

- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại;

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại;

- Bổ sung men vi sinh cho bể tự hoại.

Ứng phó sự cố bể tự hoại

- Ngưng sử dụng nhà vệ sinh;

- Cần liên hệ cho đơn vị hút bùn quá tải trong bể;
- Sử dụng men vi sinh pha chế theo nồng độ để giảm mùi hôi.

7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

7.1. Các nội dung thay đổi so với ĐTM

Về quy trình sản xuất và chất thải

Trong thời gian hoạt động, chủ dự án có thay đổi quy trình sản xuất của dự án để phù hợp với hiện trạng, nguồn khách hàng và loại sản phẩm chính của Công ty. Một số thay đổi cụ thể như sau:

Bảng 3. 12 Thay đổi về quy trình sản xuất và chất thải

Quy trình Sản xuất	ĐTM	Hiện trạng	Ghi chú
Tủ, giường gỗ	Nguyên liệu (gỗ, ván) → Cưa, cắt, khoan → Chà nhám → Trám bột → Sơn, sấy → Lắp ráp → Thành phẩm → Đóng gói	Nguyên liệu (ván ép) → Dán giấy → Cưa, cắt, khoan → Lắp ráp → Thành phẩm → Đóng gói	- Nguyên liệu dự án sử dụng cho sản xuất là ván ép đã được dán giấy và chưa được dán giấy. - Loại bỏ:
Các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất	Nguyên liệu (gỗ, ván) → Cưa, cắt, khoan → Chà nhám → Bột trét → Sơn, sấy → Thành phẩm → Đóng gói	Nguyên liệu (ván ép) → Dán giấy → Cưa, cắt, khoan → Thành phẩm → Đóng gói	+ Công đoạn chà nhám, trám bột. + Công đoạn sơn, sấy. + Công đoạn dán keo trong lắp ráp sản phẩm. - Bổ sung: + Công đoạn dán giấy cho nguyên liệu. + Thực hiện lắp ráp bằng đinh, ghim.

Về nhu cầu nguyên vật liệu và hóa chất

Bảng 3. 13 Thay đổi về nguyên, nhiên liệu so với ĐTM

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Tên nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng		Ghi chú
			Theo ĐTM	Hiện trạng	
A	Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất				
1	Gỗ thông xẻ sấy	M ³ /năm	1.858,47	Không đầu tư	Dự án sử dụng ván ép cho sản xuất, không sử dụng gỗ, giấy nhám.
2	Gỗ điều xẻ sấy	M ³ /năm	58,69	Không đầu tư	
3	Gỗ tràm sấy	M ³ /năm	254,32	Không đầu tư	
4	Gỗ cao su xẻ sấy	M ³ /năm	48,91	Không đầu tư	
5	Giấy nhám	Tấn/năm	10,19	Không đầu tư	
6	Giấy dán gỗ	Tấn/năm	Không đầu tư	30	Giấy dán gỗ được sử dụng dán trên bề mặt ván ép.
B	Hóa chất phục vụ cho sản xuất				
1	Dầu chuối	Tấn/năm	51,7	Không đầu tư	Bỏ công đoạn sơn → Dự án không sử dụng sơn và dung môi pha sơn (dầu chuối).
2	Sơn	Tấn/năm	93,5	Không đầu tư	
4	Sơn đã pha	Tấn/năm	Không đầu tư	0,2	Dự án sử dụng bút, cọ chấm Sơn đã được pha che phủ các bề mặt sản phẩm bị trầy, lỗi nhỏ trong công đoạn lắp ráp.
5	Bột trét poly	Tấn/năm	1,22	Không đầu tư	Dự án không sử dụng gỗ nên không dùng bột trét khắc phục các lỗi bề mặt gỗ.
6	Keo sữa dán gỗ	Tấn/năm	9,44	Không đầu tư	Bỏ công đoạn dán keo trong lắp ráp sản phẩm → Dự án không sử dụng keo

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Tên nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng		Ghi chú
			Theo ĐTM	Hiện trạng	
					sửa dán gỗ.
7	Keo sữa trắng dán giấy	Tấn/năm	Không đầu tư	20	Dự án sử dụng keo sữa dán lên bề mặt nguyên liệu (ván ép).
C	Xử lý khí thải				
1	Than hoạt tính	Tấn/năm	26,64	Không đầu tư	Dự án không xây dựng HTXL khí thải từ quá trình sơn → Không sử dụng than hoạt tính.

Về hệ thống xử lý bụi gỗ và khí thải

Bảng 3. 14 Thay đổi về HTXL bụi và khí thải

	ĐTM	Hiện trạng	Ghi chú
Hệ thống xử lý bụi gỗ	06 hệ thống	01 hệ thống	Bỏ công đoạn chà nhám → Dự án giảm việc xây dựng 6 HTXL bụi gỗ xuống còn 1 hệ thống.
Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn	02 hệ thống	Không xây dựng	Bỏ công đoạn sơn, sấy → Dự án không xây dựng HTXL khí thải từ quá trình sơn.
Hệ thống xử lý hơi keo	05 hệ thống	Không xây dựng	Bỏ công đoạn dán keo trong lắp ráp sản phẩm → Dự án không xây dựng HTXL hơi keo.

Về nguồn phát sinh nước thải

Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp

59

Địa chỉ dự án đầu tư: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

- Dự án không phát sinh nước thải từ nhà ăn do sử dụng suất ăn công nghiệp từ bên ngoài cho công nhân viên.

- Dự án sẽ tiếp nhận và xử lý nước thải sinh hoạt của các đơn vị thuê nhà xưởng tại dự án.

Về hạng mục xây dựng

Bảng 3. 15 Hạng mục xây dựng thay đổi so với ĐTM

TT	ĐTM		Hiện trạng		Tăng/ Giảm
	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Hạng mục	Diện tích (m ²)	
A	Công trình chính				
1	Nhà xưởng 2	5.400	Nhà xưởng 2	6.992	+1592
2	Nhà xưởng 3	5.400	Nhà xưởng 3	6.675,08	+1.275,08
			Nhà văn phòng xưởng 3	211,28	+211,28
3	Nhà xưởng 4	5.400	Nhà xưởng 4	6.992	+1592
4	Nhà xưởng 5	6.000	Nhà xưởng 5	6.992	+992
5	Nhà xưởng 7	6.000	Nhà xưởng 7	7.423,68	+1.423,68
			Nhà văn phòng xưởng 7	211,28	+211,28
6	Nhà xưởng 8	6.000	Nhà xưởng 8	7.752	+1.752
7	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà xưởng 9	7.752	
8	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà xưởng10	7.752	
9	Nhà kho xưởng 1	5.400	-	Không đầu tư xây dựng	
10	Nhà kho xưởng 2	6.000	-	Không đầu tư xây dựng	
11	Nhà kho	7.200	Nhà kho	7.200	0
			Gác sàn trong nhà kho	471,375	+471,375
11.1	Kho chứa nguyên liệu	7.000	-	Không đầu tư xây dựng	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	ĐTM		Hiện trạng		Tăng/ Giảm
	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Hạng mục	Diện tích (m ²)	
11.2	Kho chứa hóa chất	200	-	Không đầu tư xây dựng	
12	Nhà văn phòng	931,5	Nhà văn phòng	587	-344,5
B	Công trình phụ trợ				
13	Nhà ăn và nhà xe 1	1.200	Nhà ăn và nhà xe	2.080	-320
14	Nhà ăn và nhà xe 2	1.200			
15	-	Không đầu tư xây dựng	Mái che lối đi xưởng	112	
16	Nhà vệ sinh xưởng 1	78,75	Nhà vệ sinh xưởng 1	78,75	0
17	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà vệ sinh xưởng 2	36	
18	Nhà vệ sinh xưởng 3	78,75	Nhà vệ sinh xưởng 3	36	-42,75
19	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà vệ sinh xưởng 4	36	
20	Nhà vệ sinh xưởng 6	78,75	Nhà vệ sinh xưởng 6	78,75	0
21	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà vệ sinh xưởng 7	36	
22	Nhà vệ sinh xưởng 8	78,75	Nhà vệ sinh xưởng 8	36	-42,75
23	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà vệ sinh xưởng 9	36	
24	Cây xanh	25.027,26	Cây xanh	25.052,23	+24,97
25	Đường giao thông và sân bãi	31.938,04	Đường giao thông và sân bãi	19.087,67	-12.850,37
C	Công trình bảo vệ môi trường				
26	Kho chứa rác sinh hoạt	20	-	Không đầu tư xây dựng	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	ĐTM		Hiện trạng		Tăng/ Giảm
	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Hạng mục	Diện tích (m ²)	
27	Hệ thống xử lý nước thải	200	Hệ thống xử lý nước thải	45	-155
27.1	Bể chứa nước thải	90	Bể chứa nước thải 1	45	-45
			Bể chứa nước thải 2	6,9	+6,9
28	-	Không đầu tư xây dựng	Nhà hút bụi	77,86	

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. Nội dung cấp phép nước thải

1.1 Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp
- + Nguồn số 02: Nước thải từ các nhà máy thuê xưởng

Bảng 4. 1 Nguồn phát sinh nước thải

TT	Nguồn phát sinh	Lưu lượng xả (m ³ /ngày)
1	Nước thải sinh hoạt Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp	45
2	Nước thải từ các nhà máy thuê xưởng	49,3
Tổng lượng nước thải (Q)		94,3
Hệ số không điều hòa (K)		1,2
Tổng lượng nước thải (Q*K)		113

1.2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống chung của KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Vị trí xả nước thải: đầu nối tại 01 vị trí trên đường D5, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15' múi chiếu 3°): X=1268852, Y=567978.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa theo công suất thiết kế hệ thống: 125 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: sau hệ thống xử lý nước thải được bơm cưỡng bức vào hệ thống ống dẫn nước thải của KCN Bắc Đồng Phú.

- Các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, Tổng Coliforms, Dầu mỡ tổng.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào HTXL KCN Bắc Đồng Phú phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

thải theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bảng 4. 2 Bảng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
			Tiêu chuẩn tiếp nhận (QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B)
1	Lưu lượng	-	-
2	pH	-	5,5 - 9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
7	Tổng nitơ	mg/l	40
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
9	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000

(Nguồn: Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú)

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 125 m³/ngày để xử lý.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank 1,2 → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Công dẫn nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) → HTXL nước thải KCN Bắc Đồng Phú.

- Công suất thiết kế: 125 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chlorine, NaOH, H₂SO₄.

1.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường, được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành, ứng phó sự cố.
- Định kỳ hàng năm Công ty tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải.
- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

1.2.1. Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: 03 tháng, sau khi Giấy phép môi trường được cấp.

1.2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

1.2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Vị trí 01: 01 Mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập chung 125 m³/ngày đêm.

- Vị trí 02: 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập chung 125 m³/ngày đêm trước thi đấu nối vào hố ga KCN Bắc Đồng Phú.

1.2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 1.2 Phần A ở trên.

1.2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong quá trình vận hành thử nghiệm:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, thực hiện quan trắc trong 75 ngày với 05 đợt (mỗi đợt cách nhau 15 ngày).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, thực hiện quan trắc trong 03 ngày liên tiếp với 3 đợt.

1.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

1.3.1. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

1.3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

1.3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP XẢ THẢI KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

A. Nội dung cấp phép xả khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn gia công xưởng 1 (cưa, cắt, khoan).

Bảng 4. 3 Nguồn phát sinh bụi

TT	Nguồn phát sinh	Lưu lượng xả (m ³ /h)
1	Bụi phát sinh từ công đoạn gia công gỗ (cưa, cắt, khoan)	6.000

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả bụi, khí thải: xả thải qua 04 ống thoát của hệ thống xử lý bụi.
- Tọa độ xả khí thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15' múi chiếu 3⁰):
- + Ống xả 1: X=1268568, Y=567992;
- + Ống xả 2: X=1268568, Y=567988;
- + Ống xả 3: X=1268584, Y=567991;
- + Ống xả 4: X=1268584, Y=567988.
- Lưu lượng xả bụi, khí thải tối đa theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý: 6.000 m³/h.
- Phương thức xả khí thải: xả cưỡng bức.
- Các chất ô nhiễm: Lưu lượng, bụi.
- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với K_p=1, K_v=1,0 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Bảng 4. 4 Bảng giới hạn chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với K _p =1, K _v =1,0
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Bụi	mg/Nm ³	200

(Nguồn: QCVN 19:2009/BTNMT)

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

2.1.1. Thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý: bằng chụp hút, quạt hút và thu gom về hệ thống lọc bụi túi vải.

2.1.2. Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn gia công:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút → Cyclone → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 6.000 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

2.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị xử lý bụi, khí thải thường xuyên.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, Công ty sẽ dừng hệ thống xử lý khí thải; kiểm tra hệ thống túi lọc bụi. Trường hợp hỏng, tiến hành thay thế, sửa chữa.

- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị.

2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: 03 tháng, sau khi Giấy phép môi trường được cấp.

2.2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí

- Vị trí 01: 01 mẫu tại ống thoát của hệ thống xử lý bụi.

2.2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng bụi, khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A ở trên.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong quá trình vận hành thử nghiệm

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, thực hiện quan trắc trong 75 ngày với 05 đợt (mỗi đợt cách nhau 15 ngày).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, thực hiện quan trắc trong 03 ngày liên tiếp với 3 đợt.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.3.1. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

2.3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

A. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh:

- + Khu vực cưa, cắt, khoan xường 1.

3.2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực cưa, cắt, khoan xường 1.
- Tọa độ phát sinh tiếng ồn độ rung (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15' múi chiều 3⁰): X=1268558, Y=568055.

- Giới hạn tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Bảng 4. 5 Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	55

(Nguồn: QCVN 26:2010/BTNMT)

- Giới hạn theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4. 6 Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực thông thường	70	60

(Nguồn: QCVN 27:2010/BTNMT)

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn;

- Chủ đầu tư tiến hành đăng ký kiểm tra giám định máy móc thiết bị hàng năm để tránh các sự cố liên quan, các máy móc đã lắp đặt được bảo dưỡng thường xuyên;

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

3.2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. Quản lý chất thải:

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván ép và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	09 01 01	1.500
2	Giẻ lau thải	Rắn	18 02 01	950
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	10
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	500
5	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	900
6	Dầu nhớt thải, dầu động cơ	Lỏng	17 02 03	40
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	12
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	200
9	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	15
10	Cặn sơn, sơn	Lỏng	08 01 01	50

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Khối lượng (kg/năm)
Tổng cộng				4.177

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 1.941,40 kg/tháng.

4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 450 tấn/ngày.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

4.2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ lượng CTNH phát sinh được thu gom, phân loại, lưu giữ vào các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn, mã số chất thải trong kho lưu chứa.

4.2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: Diện tích khoảng 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có nền gạch chống thấm, mái che, tường bao, có gờ, rãnh, rón thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng trong trường hợp tràn đổ. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

4.2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom, phân loại, lưu giữ vào kho chứa.

4.2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: Diện tích khoảng 42 m².

- Thiết kế, cấu tạo: có kết cấu tường gạch, nền bê tông, mái tôn, có gờ chắn để ngăn không cho nước mưa tràn vào gây ô nhiễm, bố trí sẵn bình chữa cháy trong khu vực kho chứa, kho đảm bảo khả năng lưu chứa lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

4.2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom vào các thùng chứa có dung tích 120L vật liệu PVC, có nắp đậy.

4.2.3.2. Khu vực lưu chứa

- Khu vực lưu chứa đảm bảo khả năng lưu chứa lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án.

B. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

5.1. Hạng mục, công trình sản xuất

- Dự án “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” được chia làm 2 giai đoạn, hiện tại dự án đang đề nghị thực hiện đề nghị cấp giấy phép môi trường cho giai đoạn 1. Đối với giai đoạn 2 của dự án, tiếp tục được vận hành các dây chuyền sản xuất cũ và ổn định, Chủ đầu tư sẽ tiến hành xây dựng các nhà xưởng còn lại và công trình phụ trợ.

- Quy mô thực hiện giai đoạn 2 (sau năm 2022) cụ thể như sau:

+ Xây dựng các nhà xưởng 4, 5, 9, 10 và các công trình phụ trợ.

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
1	Nhà xưởng 4	6.992
2	Nhà xưởng 5	6.992
3	Nhà xưởng 9	7.752
4	Nhà xưởng 10	7.752
5	Nhà vệ sinh xưởng 4	36
6	Nhà vệ sinh xưởng 9	36
7	Nhà ăn và nhà xe	2.080
8	Mái che lối đi xưởng	112
Tổng		31.752

5.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Trong giai đoạn 2 của dự án, các hạng mục công trình bảo vệ môi trường hiện hữu được giữ nguyên, bao gồm: hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải; 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 125 m³/ngày đêm; 01 hệ thống xử lý bụi công suất 6.000 m³/giờ; kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, kho chất thải nguy hại.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ đầu tư rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Tên dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1 do Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp làm Chủ đầu tư tại Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi Giấy phép môi trường được cấp

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Sau 03 tháng, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm

- Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc dự án là 125 m³/ngày đêm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Để đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 5, Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Công ty đề xuất kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu như sau:

Bảng 5. 1: Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý chất thải của Dự án

TT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Loại mẫu	Thời gian và tần suất quan trắc, lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát và Quy chuẩn/Tiêu chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý chất thải			
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 125 m³/ngày đêm			
-	Tại đầu vào và đầu ra của HTXLNT công suất 125 m ³ /ngày đêm	Tổ hợp	- Thời gian: 75 ngày đầu tiên kể từ khi vận hành thử nghiệm. - Tần suất 05 đợt (mỗi đợt cách nhau tối thiểu 15 ngày).	- Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Tổng P, Tổng Coliforms, Dầu mỡ tổng - QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
2	Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn gia công (cưa, cắt, khoan) công suất 6.000 m³/h			
-	Tại đầu ra của 4 ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn gia công (cưa, cắt, khoan) công suất 6.000 m ³ /h	Tổ hợp	- Thời gian: 75 ngày đầu tiên kể từ khi vận hành thử nghiệm. - Tần suất 05 đợt (mỗi đợt cách nhau tối thiểu 15 ngày).	- Lưu lượng, Bụi - QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với Kp = 1, Kv = 1,0
II	Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải			
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 125 m³/ngày đêm			
-	Tại đầu vào và đầu ra của HTXLNT công suất 125	Mẫu đơn	- Thời gian: trong thời gian vận hành ổn định.	- Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD ₅ , Tổng N, Tổng P, Tổng Coliforms, Dầu mỡ tổng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” - Giai đoạn 1

TT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Loại mẫu	Thời gian và tần suất quan trắc, lấy mẫu	Chỉ tiêu giám sát và Quy chuẩn/Tiêu chuẩn so sánh
	m ³ /ngày đêm		- Tần suất: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất là 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.	- QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
2	Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn gia công (cưa, cắt, khoan) công suất 6.000 m³/h			
-	Tại đầu ra của 4 ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn gia công (cưa, cắt, khoan) công suất 6.000 m ³ /h	Mẫu đơn	- Thời gian: trong thời gian vận hành ổn định. - Tần suất: 03 đợt (liên tục 3 ngày, mỗi ngày một mẫu).	- Lưu lượng, Bụi - QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với Kp = 1, Kv = 1,0.

 Tổ chức thực hiện quan trắc môi trường dự kiến:

Đơn vị dự kiến lấy mẫu: **Công ty Cổ phần dịch vụ tư vấn môi trường Hải Âu**

Địa chỉ: Số 3, Tân Thới Nhất 20, KP. 4, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP.Hồ Chí Minh.

Đơn vị đã được chứng nhận: Vilas số 505 và được Bộ Tài nguyên Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số Vimcerts 117.

2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

• Giám sát không khí khu vực sản xuất

- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + Khu vực cửa, cắt, khoan;
- + Khu vực dán giấy.
- Thông số giám sát:
- + Khu vực cắt, khoan và chà nhám: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi;
- + Khu vực dán giấy: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, vinyl acetate ($C_4H_6O_2$), VOC;
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 02-2019/BYT; QCVN 22:2016/TT-BYT; QCVN 26:2016/TT-BYT; QCVN 24:2016/BYT; Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT và các quy định hiện hành.

• Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hồ ga trước hồ ga đầu nối với KCN Bắc Đồng Phú.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Coliforms, Dầu mỡ tổng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

• Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 04 vị trí tại ống thoát khí của HTXL bụi gỗ.
- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p=1$, $K_v=1,0$.

• Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt .
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, biên bản bàn giao.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

• **Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại**

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải công nghiệp không nguy hại

- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và biên bản bàn giao.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

• **Giám sát chất thải nguy hại**

- Vị trí giám sát: khu vực tập kết chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ thu gom.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục.

3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.

Bảng 5. 2 Kinh phí về hoạt động quan trắc môi trường của Công ty

TT	Hoạt động	Kinh phí (đồng/năm)
1	Giám sát không khí khu vực sản xuất	4.000.000
2	Giám sát nước thải	4.000.000
3	Giám sát khí thải	6.600.000
4	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt	600.000
5	Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	600.000
6	Giám sát chất thải nguy hại	600.000
Tổng		16.400.000

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông qua báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án này, Chủ đầu tư xin cam kết thực hiện tất cả các nội dung sau:

- Chủ dự án cam kết tính chính xác, trung thực các nội dung đã đưa ra của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này.

- Chủ dự án cam kết giám sát môi trường lao động của dự án để theo dõi nồng độ phát sinh khí thải, bụi để đảm bảo môi trường trong khu vực nhà xưởng nằm trong giới hạn cho phép của Bộ Y Tế.

- Áp dụng tất cả các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, giảm thiểu các tác động môi trường như xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn như đã đề cập trong Chương 3 của báo cáo đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và các quy định hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam và thực hiện đầy đủ các chương trình giám sát môi trường định kỳ khi dự án đi vào hoạt động theo Chương 5 của báo cáo.

- Đào tạo cán bộ có năng lực và chuyên môn về môi trường nhằm nâng cao khả năng quản lý, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường,... đồng thời khi xảy ra sự cố sẽ tích cực phối hợp chính quyền địa phương để khắc phục nhằm giảm thiểu tối đa mức độ thiệt hại.

- Trong quá trình hoạt động nếu có yếu tố môi trường nào phát sinh, chủ dự án trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

- Quản lý các nguồn phát sinh ô nhiễm bụi, không khí để giảm thiểu ô nhiễm không khí ngay tại nguồn; bụi, khí thải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Toàn bộ nước thải phát sinh của dự án được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn tiếp nhận của Khu công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

- Thực hiện các biện pháp không chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động.

- Thực hiện thu gom và quản lý chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thu gom và quản lý chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “*Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa*”- Giai đoạn 1

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động. Công ty kết hợp với các cơ quan chuyên môn và cơ quan quản lý môi trường địa phương trong quá trình hoạt động của dự án để thiết kế, vận hành các hệ thống xử lý ô nhiễm không khí, ồn rung và nước thải nhằm đạt tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước Việt Nam.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”- Giai đoạn 1

PHỤ LỤC

TT	Tên tài liệu
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
3	Sổ đất, Hợp đồng thuê đất
4	Giấy phép xây dựng
5	Quyết định phê duyệt ĐTM
6	Giấy chứng nhận thẩm định PCCC, nghiệm thu công trình PCCC
7	Hợp đồng thu gom chất thải
8	Biên bản bàn giao mặt bằng đấu nối vào KCN Bắc Đồng Phú
9	Các bản vẽ công trình bảo vệ môi trường
10	Phiếu an toàn hóa chất

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801184160

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 09 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 29 tháng 05 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHENG YE WOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CHENG YE WOOD CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị Trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0934.683.710

Fax:

Email: steven@chengyefurniture.com

Website:

3. Vốn điều lệ 91.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi một tỷ đồng

Tương đương 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: OU SHUNGUANG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/10/1978

Dân tộc:

Quốc tịch: Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: EE7741828

Ngày cấp: 17/01/2019

Nơi cấp: Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc tại Tp.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hualixi Chun, Simapu Town, Chao Nan, Shan Tou City, Guang Dong, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Lô N6 Đường N3, Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, Xã Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: OU SHUNGUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/10/1978

Dân tộc:

Quốc tịch:

Trung Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: EE7741828

Ngày cấp: 17/01/2019

Nơi cấp: Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc tại
Tp.HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hualixi Chun, Simapu Town, Chao Nan, Shan
Tou City, Guang Dong, Trung Quốc

Chỗ ở hiện tại: Lô N6 Đường N3, Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, Xã
Hội Nghĩa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

K. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Duy Hải

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 6513982923.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 12 tháng 9 năm 2018.

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 02 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định về Quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước; ;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 07 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6513982923 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 01 năm 2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184160 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ hai ngày 29 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ



[Handwritten signature]

sơ kèm theo do Công ty TNHH một thành viên gỗ Thành Nghiệp nộp ngày 29 tháng 05 năm 2020,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GỖ; mã số dự án 6513982923, do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 01 năm 2020; được đăng ký điều chỉnh thay đổi lần thứ hai: Tổng vốn đầu tư dự án, vốn góp và tiến độ góp vốn; tiến độ thực hiện dự án.

Nhà đầu tư:

- Ông Ou Shunguang; sinh ngày 17/10/1978; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số EE7741828, cấp ngày 17/01/2019 do Đại Sứ Quán Trung Quốc tại TP. Hồ Chí Minh; địa chỉ thường trú tại Hualixi Chun, Simapu Town, Chao Nan, Shan Tou city, Guang Dong, Trung Quốc; chỗ ở hiện nay tại lô N6, đường N3, khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; email: steven@chengyefurniture.com; số điện thoại: 0934.683.710.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH một thành viên gỗ Thành Nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184160 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ hai ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC SẢN PHẨM GỖ.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất; sản xuất, gia công các chi tiết bằng kim loại dành cho nội thất; sản xuất, gia công gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván MDF, ván PB và ván mỏng khác; cho thuê nhà xưởng dư thừa.

3. Quy mô dự án: Sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với quy mô 80.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với quy mô 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công các chi tiết bằng kim loại dành cho nội thất với quy mô 160.000 sản phẩm/năm; sản xuất, gia công gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván MDF, ván PB và ván mỏng khác với quy mô 100.000 m²/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

5. Diện tích mặt đất: 125.136,3 m².

6. Tổng vốn đầu tư dự án: 159.250.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi

chín tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 7.000.000 USD (Bảy triệu đô la Mỹ).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là: 113.750.000.000 VNĐ (Một trăm mười ba tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 5.000.000 USD (Năm triệu đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 71,42% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

- Ông Ou Shunguang: 113.750.000.000 VNĐ (Một trăm mười ba tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 5.000.000 USD (Năm triệu đô la Mỹ), bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp.

Tiền độ góp vốn: Đã góp đủ 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), tương đương 91.000.000.000 VNĐ (Chín mươi một tỷ đồng) và số tiền dự kiến bổ sung nguồn vốn góp là 1.000.000 USD (Một triệu đô la Mỹ), tương đương 22.750.000.000 VNĐ (Hai mươi hai tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) sẽ góp đủ trong tháng 12/2021.

(Tỷ giá đô la Mỹ tính theo thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu ngày 12/09/2018).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến hết ngày 23/11/2059.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Hoàn thành các thủ tục, hồ sơ pháp lý (như Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, môi trường, PCCC, Giấy phép xây dựng...) từ tháng 9/2018 đến tháng 09/2019.

- Giai đoạn 1: xây dựng nhà xưởng giai đoạn 1, hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử từ 11/2019 đến 02/2021. Hoạt động từ tháng 03/2021.

- Giai đoạn 2: xây dựng nhà xưởng giai đoạn 2 từ tháng 07/2021 đến 07/2022. Đi vào hoạt động từ tháng 08/2022.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

3. Các hình thức hỗ trợ đầu tư:

Được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND

Đỗ Văn

ngày 19/7/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Công ty TNHH một thành viên gỗ Thành Nghiệp phải đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài và báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật.

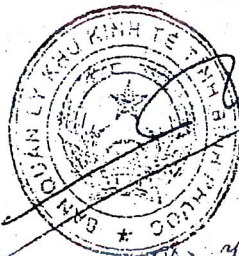
2. Các quy định khác đối với nhà đầu tư khi thực hiện dự án: Công ty TNHH một thành viên gỗ Thành Nghiệp thực hiện đúng các quy định về đầu tư, môi trường, xây dựng, lao động... theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Công ty TNHH một thành viên gỗ Thành Nghiệp chỉ được phép cho thuê nhà xưởng dư thừa, sau khi nhà xưởng dư thừa đã được xác nhận hoàn thành tài sản gắn liền với đất theo quy định.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6513982923 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 01 năm 2020.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước. / *đ*

đ **TRƯỞNG BAN**
PHÓ TRƯỞNG BAN



Đào Văn Hoàng

Đào Văn Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Một thành viên gỗ Thành Nghiệp

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801184160 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 1 ngày 06/01/2020.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

CT 766497

II. Thừa cất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 48, tờ bản đồ số: 1 (khu công nghiệp Bắc Đồng Phú),
b) Địa chỉ thừa đất: thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước,
c) Diện tích: 125.136,3 m²,
(Bằng chữ: một trăm hai mươi lăm nghìn một trăm ba mươi sáu phẩy ba mét vuông),
d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 23/11/2059,
g) Nguồn gốc sử dụng: thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

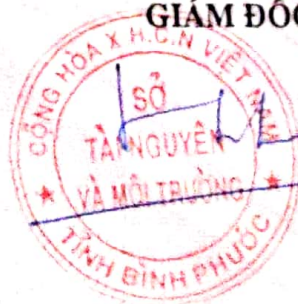
3. Công trình xây dựng khác:

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

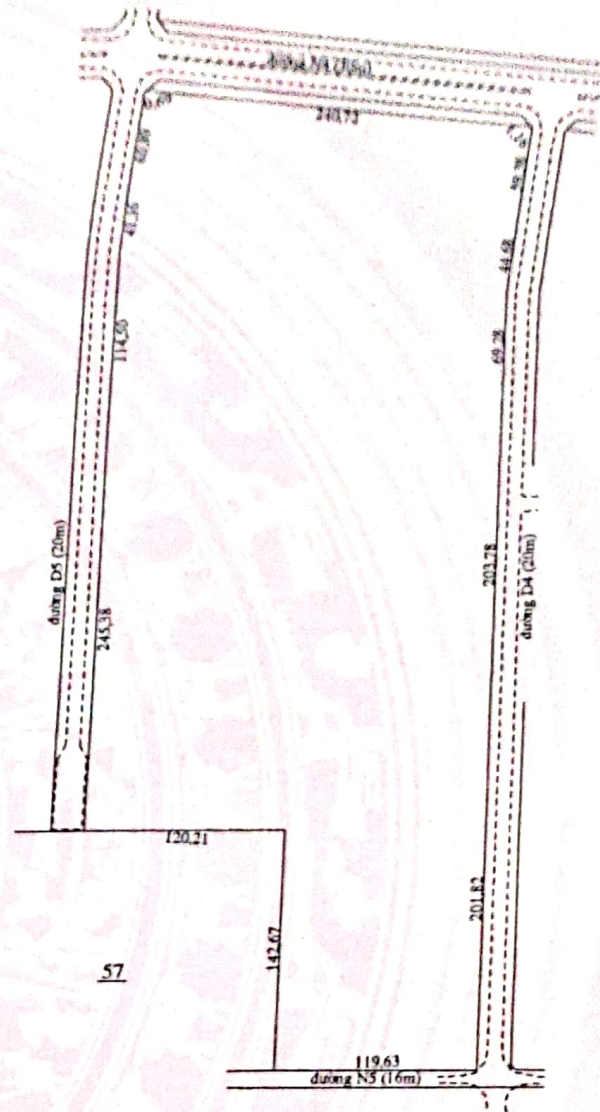
Bình Phước, ngày 04. tháng 02. năm 2020
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Lâm

Số vào sổ cấp GCN: CT...21462...

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 09/02/2021 Điều chỉnh hình thức thuê đất từ " thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp " thành " thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp" theo Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Bình Phước./.	PHÓ GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI Lê Văn Ngọc

TRANG BỎ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 48

Tờ bản đồ số: 1 (KCN Bắc Đập)

Số phát hành GCN: 01766497 Số vào sổ cấp GCN: 21462

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Đăng ký thế chấp tài sản hình thành trong tương lai cho Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam địa chỉ liên hệ: KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo HĐTC số 162/2020/11731460/HĐBD ngày 14/5/2020 và theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 14/5/2020./. <i>(Handwritten: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương - Phòng giao dịch Nam Tân Uyên.)</i>	14/5/2020 <i>(Red stamp: VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, PHÓ GIÁM ĐỐC)</i> <i>(Signature: Lê Văn Ngọc)</i>
..	
Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 15/12/2020 tại hợp đồng thế chấp số 162/2020/11731460/HĐBD theo phiếu yêu cầu ngày 24/12/2020./.	
Ngày 24/12/2020 Xoá nội dung đăng ký thế chấp ngày 14/5/2020 tại hợp đồng thế chấp số 162/2020/11731460/HĐBD theo phiếu yêu cầu ngày 24/12/2020./.	PHÓ GIÁM ĐỐC <i>(Red stamp: VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, SỞ TÀI CHÍNH VÀ KHOẢN MÔ TƯỢNG TỈNH)</i> <i>(Signature: Lê Văn Ngọc)</i>

Trang bổ sung số: 3554.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 09/2018/HĐ-BDP

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số: 6513982923 ngày 12/09/2018

Căn cứ giấy ĐKKD số: 3801184160 ngày 17/09/2018

Căn cứ nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 9 năm 2018, Chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê lại đất (sau đây gọi là bên A) :

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Trụ sở : Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Giấy ĐKKD: 3800565639

Tài khoản tiền đồng: 1004382147

Tại : Ngân Hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, CN Bình Phước

Do ông : **PHẠM PHI ĐIỀU**

CMND số : 285 345 089 cấp ngày 06/03/2008 tại CA tỉnh Bình Phước

Chức vụ : Tổng Giám Đốc

Làm đại diện pháp nhân.

Bên thuê lại đất (sau đây gọi là bên B)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Giấy ĐKKD: 3801184160

Địa Chỉ : Lô K1 - K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Người đại diện: **OU SHUNGUANG**

Chức vụ : Giám Đốc

Người phiên dịch

Họ và tên: **GIP THANH TUYỀN**

Địa chỉ: Tân Thành, Thanh Bình, Trảng Bom, Đồng Nai.

CMND số: 272589178 Ngày cấp: 04/04/2013 Nơi cấp: CA Tỉnh Đồng Nai

Căn cứ hợp đồng lao động số: 01/HĐLĐ ngày 21/9/2018.

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê lại đất theo các thoả thuận sau đây:

ĐIỀU 1

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ LẠI

Bên A đồng ý cho bên B thuê lại đất đã được xây dựng xong kết cấu hạ tầng đối với quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG436083 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CT08527 do Sở Tài Nguyên Và Môi Trường Tỉnh Bình Phước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2017; Địa chỉ thửa đất: Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước; Tổng diện tích theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: 859.517,7



m² (Tám trăm năm mươi chín ngàn năm trăm mười bảy phẩy bảy mét vuông)
Trong đó:

- Đất thương mại dịch vụ có diện tích: **82.318,7** (Tám mươi hai ngàn ba trăm mười tám phẩy bảy mét vuông).

- Đất khu công nghiệp có diện tích: **777.199** (Bảy trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm chín mươi chín mét vuông).

2. Diện tích đất cho Bên B thuê lại: **125.136,3** m² (Một trăm hai mươi lăm ngàn một trăm ba mươi sáu phẩy ba mét vuông), cụ thể như sau :

- Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp

- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 23/11/2059;

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Vị trí đất thuê lại lô K1 đến K8, 1 phần lô K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú.

- Bản đồ xác định vị trí và diện tích của khu đất thuê lại là một bộ phận pháp lý không tách rời của Hợp Đồng Thuê Lại Đất, và được đính kèm theo đây như là **Phụ Định-01**.

3. Bên A cam đoan đã đầu tư xây dựng xong cơ bản kết cấu hạ tầng tại khu công nghiệp. Việc cho thuê lại đất thuê đã được xây dựng xong kết cấu hạ tầng không làm mất đi quyền sở hữu của nhà nước Việt Nam đối với đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê lại đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng đến ngày 23 tháng 11 năm 2059.

Khi hết thời hạn thuê lại đất, nếu thời hạn thuê đất của Bên A với Nhà nước Việt Nam và thời hạn đầu tư của Bên B được **Cơ quan Nhà nước** có thẩm quyền gia hạn, thì thời hạn thuê lại đất của Bên B sẽ được Bên A xem xét cho gia hạn tương ứng. Mức phí sử dụng đất trong thời gian gia hạn sẽ được hai Bên thoả thuận lại theo giá thời điểm phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê lại đất của Bên B phải phù hợp với mục đích sử dụng đất nêu tại Điều-1 trong Hợp đồng thuê lại đất này và phù hợp với Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh (hoặc chứng nhận đầu tư) do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam phê duyệt cấp cho Bên B và phải phù hợp với ngành nghề được tiếp nhận đầu tư vào KCN Bắc Đồng Phú.

ĐIỀU 4 VIỆC XÂY DỰNG

1. Việc xây dựng các công trình phải phù hợp với mục đích theo như quy định tại **Điều 3** của Hợp đồng này và phải phù hợp với tiêu chuẩn xây dựng như đã ghi trong giấy phép xây dựng do cơ quan chức năng tỉnh Bình Phước cấp cho Bên B. Đồng thời bên B phải thực hiện các thủ tục trước khi xây dựng, thiết kế và thi công theo đúng quy định về quản lý xây dựng của khu công nghiệp Bắc Đồng Phú.

2. Trước khi tiến hành thiết kế kỹ thuật xây dựng, Bên B phải liên hệ với Bên A để thống nhất cao trình xây dựng, đảm bảo thiết kế kỹ thuật các hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước sạch và các hạng mục xây dựng khác trên diện tích đất đã thuê lại của Bên B phải được kết nối hoàn hảo với hệ thống hạ tầng chung của Khu Công Nghiệp Nam Đồng Phú. Bên A sẽ có văn bản thỏa thuận về việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật để bên B xin Giấy phép xây dựng.

3. Trước khi xây dựng bên B nộp cho bên A bản sao Giấy phép xây dựng và các bản vẽ thiết kế kèm theo: mặt bằng tổng thể, san nền, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước sạch. Bên B chỉ tiến hành xây dựng khi đã nộp cho bên A các văn bản và bản vẽ nêu trên.

4. Bên B phải xây dựng các công trình trên diện tích đất thuê theo đúng như cam kết trong nội dung dự án đầu tư của giấy chứng nhận đầu tư đã được BQL Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.

5. Đối với những doanh nghiệp không xin giấy chứng nhận đầu tư, thời hạn cho phép tối đa không quá 02 năm doanh nghiệp phải tiến hành xây dựng công trình trên diện tích đất thuê kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất chính thức.

6. Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng theo những cam kết của Khoản 4, Khoản 5, Điều 4 thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày đến hạn. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, thu hồi lại diện tích đã cho thuê và tất cả các khoản thanh toán đều không được hoàn trả lại cho Bên B.

ĐIỀU 5

GIÁ THUÊ, TIỀN THUÊ ĐẤT VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá cả, tiền cơ sở hạ tầng, tiền thuê đất và các loại phí

1.1 Tiền cơ sở hạ tầng, tiền thuê đất: Bao gồm những chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu, giải tỏa đền bù và giải phóng Mặt Bằng, chi phí rà phá bom mìn, chi phí chuyên mục đích sử dụng đất, lệ phí trước bạ cho việc đăng ký giấy cấp chứng nhận thuê lại đất trong khu công nghiệp và nghĩa vụ tài chính trả cho Nhà Nước.

a) Đơn giá: 653.240 VND/m² (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi ba ngàn hai trăm bốn mươi đồng).

$$653.240 \text{ VND/m}^2_{\text{THTLB}} \times 125.136,3 \text{ m}^2 = 81.744.036.612 \text{ VND}_{\text{THTLB}}$$

(Bằng chữ: Tám mươi một tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm mười hai đồng).

b) Thuế GTGT 10%:

$$81.744.036.612 \text{ VND}_{\text{THTLB}} \times 10\% = 8.174.403.661 \text{ VND}_{\text{THTLB}}$$

(Bằng chữ: Tám tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm lẻ ba ngàn sáu trăm sáu mươi một đồng).

c) Tổng giá trị tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất(a+b) :

$$81.744.036.612 \text{ VND} + 8.174.403.661 \text{ VND} = 89.918.440.273 \text{ VND}_{\text{THTLB}}$$

(Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ chín trăm mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Tổng giá trị Tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất là: 89.918.440.273 VND/THTLB (Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ chín trăm mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng).

1.2 Phí quản lý: là khoản trả hàng năm, bao gồm Phí quản lý hạ tầng KCN bao gồm đường giao thông, điện chiếu sáng, cây xanh...

Phí quản lý hạ tầng KCN được tính với giá là: 9.332 VND/m²/mỗi năm (Bằng chữ: *Chín ngàn ba trăm ba mươi hai đồng*)(Chưa bao gồm thuế GTGT). Số tiền này tăng tối đa 10% (Mười phần trăm) sau mỗi 05 (năm). Khi đến thời hạn tăng giá, bên A sẽ gửi văn bản thông báo chính thức đến bên B.

$$9.332 \text{ VND/m}^2/\text{mỗi năm} \times 125.136,3 \text{ m}^2 = 1.167.771.952 \text{ VND/mỗi năm}$$

(Bằng chữ: *Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn chín trăm năm mươi hai đồng*).

1.3 Phí xử lý nước thải là: 6.999 VND/m³ (Bằng chữ: *Sáu ngàn chín trăm chín mươi chín đồng*) cho mỗi mét khối nước thải (Chưa bao gồm thuế GTGT). Tổng lượng nước thải được tính dựa trên đồng hồ đo được lắp tại của xả của Bên B. Phí này sẽ tăng tối đa 10% (mười phần trăm) sau mỗi 05 (năm). Phí xử lý nước thải này sẽ được tính và thanh toán theo Hợp đồng xử lý nước thải được ký kết giữa Bên A và Bên B.

1.4 Bên B không phải thanh toán bất kỳ khoản tiền thuê, lệ phí, phí, và chi phí nào khác, ngoài các khoản đã được liệt kê tại Điều 1.1, 1.2, và 1.3 của hợp đồng này cho mục đích thuê và sử dụng Khu Đất. Phí thu gom rác thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt sẽ được Bên A thông báo đến Bên B bằng văn bản trước khi cung cấp dịch vụ thu gom rác cho Bên B; đây được xem là dịch vụ khác ngoài giá tiền thuê lại đất.

2. Phương thức thanh toán:

2.1 Thanh toán tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất

Bắt đầu từ ngày ký Hợp Đồng Thuê Lại Đất chính thức, việc thanh toán tiền sẽ do Bên B đảm nhiệm thực hiện chi trả cho Bên A như sau:

1) **Đợt 1:** Bên B chi trả cho Bên A với số tiền là: 17.983.688.054 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi bốn đồng*) thanh toán đợt 1 trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng thuê lại đất chính thức.

2) **Đợt 2:** Bên B phải tiến hành thanh toán đợt 2 cho bên A với số tiền là 17.983.688.054 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi bốn đồng*). Thanh toán lần 2 chậm nhất 19/03/2019

3) **Đợt 3:** Bên B phải tiến hành thanh toán đợt 3 cho bên A với số tiền là: 17.983.688.055 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*). Thanh toán lần 3 chậm nhất 19/9/2019

4) **Đợt 4:** Bên B phải tiến hành thanh toán đợt 4 cho bên A với số tiền là: 17.983.688.055 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*). Thanh toán lần 4 chậm nhất 19/3/2020

5) **Đợt 5:** Bên B phải tiến hành thanh toán đợt 4 cho bên A với số tiền là: 17.983.688.055 VND (Bằng chữ: *Mười bảy tỷ chín trăm tám mươi ba triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn không trăm năm mươi lăm đồng*). Thanh toán lần 4 chậm nhất 19/9/2020

Đây được xem là khoản thanh toán cuối cùng Tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất của Bên B đối với Bên A.

2.2. Phí quản lý hạ tầng KCN: (Thanh toán hàng năm)

Ngày mà Bên B bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh trên diện tích đất thuê lại sẽ được tính là thời điểm để Bên B bắt đầu đóng phí quản lý hạ tầng với số tiền là 1.167.771.952 VND/mỗi năm (Bằng chữ: Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn chín trăm năm mươi hai đồng). Việc thanh toán phí quản lý hạ tầng sẽ được thực hiện hàng năm; năm đầu tiên sẽ được thực hiện trước ngày 31/12 của năm bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Những năm tiếp theo sẽ được thanh toán một lần chậm nhất trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Giá trị thanh toán hàng năm này sẽ tăng tối đa 10% (mười phần trăm) sau mỗi 05 (năm) năm. Khi đó, Bên A sẽ có văn bản gửi đến Bên B trước ngày thanh toán để thông báo định kỳ tăng giá.

Trường hợp bên B không xây dựng nhà xưởng để đi vào hoạt động kinh doanh thì khi hết thời hạn xây dựng ghi trong Dự án đầu tư hoặc Phương án kinh doanh của bên B, được xác lập trước khi ký hợp đồng chính thức, bên B vẫn phải thanh toán Phí quản lý hạ tầng Khu Công nghiệp cho bên A như đã nêu trên.

2.3 Đối với những lần thanh toán tiếp theo kể từ lần thanh toán thứ nhất trở về sau, Bên A sẽ gửi giấy đề nghị chi trả tiền đến Bên B trong vòng **30 (ba mươi)** ngày trước ngày đáo hạn thanh toán kế tiếp để thông báo cho Bên B. Việc thanh toán các khoản chi phí được thực hiện bằng phương thức chuyển khoản. Phí chuyển tiền sẽ do người chuyển tự thanh toán.

Trong trường hợp có bất cứ sự thay đổi nào hoặc cần phải làm rõ hơn về phương thức thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng thì hai bên có thể thỏa thuận với nhau bằng một phụ lục hợp đồng đính kèm.

2.4 Tất cả tiền của khoản thanh toán hay tiền hoàn trả do một bên này nợ bên kia theo hợp đồng này sẽ được thực hiện trong thời hạn 5 (ngày) tính từ ngày những số tiền đó đáo hạn phải trả. Tất cả những sự thanh toán hay tiền hoàn trả sẽ được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

2.5 Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu bất kỳ Bên nợ nào chậm thanh toán cho bên còn lại, thì lãi suất 1%/tháng sẽ được áp dụng trên tổng số nợ đến hạn phải trả và ngày đáo hạn thanh toán sẽ là ngày áp dụng lãi suất. Mọi chi phí phát sinh có liên quan đến việc chậm thanh toán sẽ do bên nợ gánh chịu.

2.6 Trường hợp Bên B cố ý và không thực hiện việc thanh toán tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất, phí quản lý theo như đã quy định trong Hợp Đồng thuê lại đất này cho Bên A và để những khoản nợ kéo dài quá 6 (sáu) tháng kể từ ngày các khoản nợ này đến hạn cần phải trả mà không có bất kỳ sự chấp thuận bằng văn bản chính thức nào của Bên A cho phép Bên B chậm thanh toán thì Hợp Đồng Thuê Lại Đất này sẽ tự động chấm dứt. Khi đó bên A được quyền thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng và số tiền mà Bên B đã chi trả cho Bên A sẽ không được hoàn trả lại.

ĐIỀU 6

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao diện tích đất cho thuê lại nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B đúng tiến độ theo quy định của hợp đồng;
 - Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất thuê lại đúng mục đích;
 - Nộp thuế sử dụng đất;
 - Thu gom nước thải loại B của bên B vào hệ thống thu gom chung của Khu Công nghiệp về nhà máy xử lý nước thải tập trung của bên A để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn loại A trước khi thải ra môi trường.
 - Bên A Cung cấp cho bên B các tài liệu kỹ thuật trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng: hồ sơ địa chất, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, cấp nước sạch, cao độ bàn giao mặt bằng, ranh đất, đầu nối giao thông, bản vẽ hiện trạng các công trình xung quanh liên quan... và các tài liệu liên quan khác nhằm mục đích phục vụ công tác thiết kế kỹ thuật thi công và triển khai xây dựng tại công trình của bên B.
 - Bên A chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh vòng ngoài, trông và chăm sóc cây xanh vòng ngoài, Phòng cháy chữa cháy chung khu công nghiệp theo pháp luật.
 - Bên A có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B hoàn tất việc thanh toán tiền cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất theo qui định tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 5 hoặc kể từ ngày bên B có giấy bảo lãnh của ngân hàng xác nhận sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng (tiền thuê cơ sở hạ tầng trả 1 lần) thay cho bên B.
2. Bên A có các quyền sau đây:
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất thuê lại không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;
 - Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê lại đã hết.
- ĐIỀU 7**
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B
1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
- Xây dựng các công trình trên thửa đất thuê lại sau khi ký hợp đồng chính thức theo đúng thời hạn xây dựng đã cam kết trong dự án với chủ đầu tư, không quá 2 năm kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, bên B phải xây dựng hoàn thiện công trình trên diện tích đất thuê lại, theo đúng mục đích sử dụng đất, đúng thời hạn thuê lại và đúng giấy phép xây dựng. trong trường hợp bên B không xây dựng theo đúng như tiến độ đã cam kết trong dự án với chủ đầu tư, bên A sẽ áp dụng các điều khoản quy định hình thức xử phạt theo như luật hiện hành quy định về việc sử dụng đất thuê lại trong Khu Công Nghiệp.
 - Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất thuê lại;
 - Trả đủ tiền thuê lại đất và tiền cơ sở hạ tầng theo phương thức đã thoả thuận tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 5.
 - Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Đảm bảo nước thải thải ra từ các hoạt động kinh doanh trên diện tích đất thuê lại của bên B phải đạt tiêu chuẩn tối thiểu từ loại B trở lên (được quy định bởi QCVN 40-2011).

- Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất đối với Khu đất thuê; Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê lại;

2. Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất có đầy đủ hạ tầng đúng như đã thỏa thuận;

- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận.

- Được quyền thế chấp Quyền sử dụng đất tại ngân hàng.

- Được quyền thay đổi mục đích sử dụng đất ban đầu nhưng phải tuân thủ đúng theo Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy phép đăng ký kinh doanh của Bên B và phù hợp với các ngành nghề được phê duyệt trong đánh giá tác động môi trường của Khu Công Nghiệp Nam Đồng Phú.

- Bên B có thể bán toàn bộ hay một phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên Khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam và được sự chấp thuận của Bên A bằng văn bản. Khi đó Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao và Bên được chuyển nhượng (Bên thứ 3) phải ký một Hợp đồng thuê lại đất khác với Bên A trên cơ sở tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất này.

- Đồng thời hai bên có các quyền và nghĩa vụ theo như luật hiện hành quy định.

ĐIỀU 8

VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ LẠI ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký cho thuê lại đất, xin cấp Giấy chứng nhận Quyền Sử Dụng Đất thuê tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Lệ phí liên quan đến việc đăng ký cho thuê lại đất, cấp Giấy chứng nhận Quyền Sử Dụng Đất thuê theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 9

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 10

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan

1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất và kết cấu hạ tầng đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê lại theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

- Thửa đất thuê lại không có tranh chấp;
- Quyền sử dụng đất, kết cấu hạ tầng không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất thuê lại và kết cấu hạ tầng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 11

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này. Hợp đồng này được lập thành 11 bản, mỗi bên giữ 5 bản, Văn Phòng Công Chứng giữ lưu 1 bản chính./.

Bên A

CÔNG TY CỔ PHẦN KCN
BẮC ĐỒNG PHÚ
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHI ĐIỀU

Bên B

CÔNG TY TNHH MTV
CÔNG TY TNHH NGHIỆP
GỖ THẠNH NGHIỆP



OU SHUNGUANG

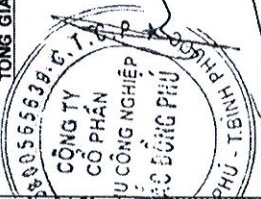
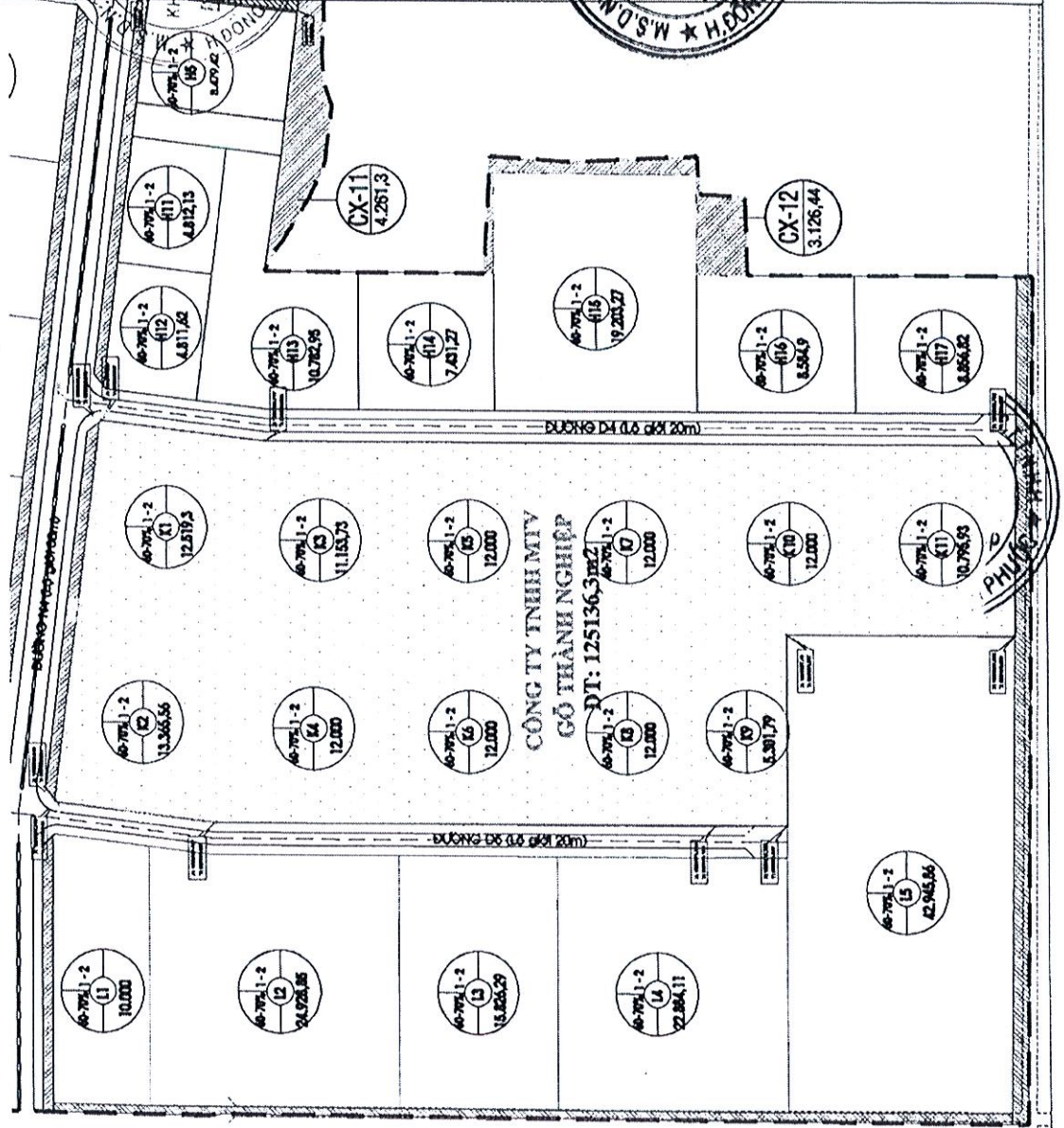
Tôi Cam kết đã dịch đúng và đủ cho ông Ou Shun Guang
nghe, hiểu và đồng ý ký vào hợp đồng số 09/2018/HA-BDP
Ngày 19/9/2018

Giep Thanh Trung

PHU ĐÍNH 01:
SƠ ĐỒ BÀN GIAO MẶT BẰNG CHO CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ
THÀNH NGHIỆP - LÃ KIỆT ĐẾN KHI KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐÔNG PHÚ
(Chỉ làm theo)



TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP KCN BẮC ĐÔNG PHÚ
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Phi Diệu

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP



OU SHUNGUANG

Handwritten signature 'Nhan'.

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay ngày 26 tháng 9 năm 2018 (ngày hai mươi sáu, tháng chín, năm hai ngàn không trăm mười tám), tại Văn phòng công chứng Hoàng Kim Vinh, tỉnh Bình Phước, địa chỉ: 1355 Phú Riềng Đỏ, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tôi*Mai Văn Lê Lan*....., Công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Kim Vinh, tỉnh Bình Phước.

CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp số 09/2018/HĐ-BDP (kèm theo Phụ đính 1) được giao kết giữa:

BÊN CHO THUÊ LẠI ĐẤT (gọi tắt là Bên A):

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: **3800565639** do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước Cấp ngày 21/05/2009.

Đại diện là ông : **PHẠM PHI ĐIỀU** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Sinh năm : 1965

Chứng minh nhân dân số : **285 345 089**

Làm đại diện pháp nhân

BÊN THUÊ LẠI ĐẤT (gọi tắt là Bên B):

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp : 380 118 4160

Địa chỉ : Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Đại diện là : **Ông OU SHUNGUANG** chức vụ: **Giám đốc**

Hộ chiếu số : G 38288699

Người phiên dịch:

Họ và tên : **GIP THANH TUYỀN** Sinh năm: 1990

Chứng minh nhân dân số : **272 589 178**

Địa chỉ : Tân Thành, Thanh Bình, Trang Bom, Đồng Nai

(Căn cứ Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ ngày 21/9/2018, Công ty TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP đã ký hợp đồng phiên dịch với bà **Gip Thanh Tuyền**)

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp này;

- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số : 22/GPXD

I. Cấp cho Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng dự án: “Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa”.

Mật độ xây dựng: 64,73%

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 22 do Công ty TNHH MTV Tư Vấn Xây dựng Kiến Thành Phát lập.

Vị trí xây dựng: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng:

- Cách 15m tính từ tim đường D4; D5
- Cách 27m tính từ tim đường N4.

Nội dung và quy mô đầu tư công trình:

1. Nhà xưởng 2: 01 nhà (Thay thế mục 2. Nhà xưởng 2, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $92\text{m} \times 76\text{m} = 6.992\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

2. Nhà xưởng 3 + văn phòng: 01 nhà (Thay thế mục 9. Nhà kho xưởng 1, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng

- Diện tích xây dựng nhà xưởng: $(76\text{m} \times 85,05\text{m}) + (15,2\text{m} \times 6.95\text{m} \times 2) = 6.675,08 \text{ m}^2$.
- Diện tích xây dựng nhà văn phòng: $30,4\text{m} \times 6,95\text{m} = 211,28 \text{ m}^2$.
- Diện tích sàn văn phòng 02 tầng: $(30,4\text{m} \times 6,95\text{m}) \times 2 \text{ tầng} = 422,56 \text{ m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $6.675,08 \text{ m}^2 + 422,56 \text{ m}^2 = 7.097.64 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Nhà xưởng: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính; Nhà văn phòng: khung, cột, sàn, mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic, hệ thống cửa nhôm kính.

3. Nhà xưởng 4: 01 nhà (Thay thế mục 3. Nhà xưởng 3, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $92\text{m} \times 76\text{m} = 6.992 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ± 0.200 .
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

4. Nhà xưởng 5: 01 nhà (Thay thế mục 4. Nhà xưởng 4, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $92\text{m} \times 76\text{m} = 6.992 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

5. Nhà xưởng 7 + văn phòng: 01 nhà (Thay thế mục 6. Nhà xưởng 6, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III

- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng nhà xưởng: $(76m \times 94,8m) + (15,2m \times 7,2m \times 2) = 7.423,68m^2$.
- Diện tích xây dựng nhà văn phòng: $30,4m \times 7,2m = 218,88 m^2$.
- Diện tích sàn nhà văn phòng 02 tầng: $(30,4m \times 7,2m) \times 2 \text{ tầng} = 437,76m^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $7.423,68m^2 + 437,76m^2 = 7.861,44 m^2$.
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: : Nhà xưởng: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính; Nhà văn phòng: khung, cột, sàn, mái bằng bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch Ceramic, hệ thống cửa nhôm kính.

6. Nhà xưởng 8: 01 nhà (Thay thế mục 10. Nhà kho xưởng 2, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $102m \times 76m = 7.752 m^2$
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

7. Nhà xưởng 9: 01 nhà (Thay thế mục 7. Nhà xưởng 7, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $102m \times 76m = 7.752 m^2$
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

8. Nhà xưởng 10: 01 nhà (Thay thế mục 8. Nhà xưởng 8, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $102\text{m} \times 76\text{m} = 7.752 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 16,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

9. Nhà kho: 01 nhà (Thay thế mục 11. Nhà kho, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng tầng 1: $120\text{m} \times 60\text{m} = 7.200 \text{ m}^2$
- Diện tích xây dựng sàn: $22,5\text{m} \times 20,95\text{m} = 417,375\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $7.200 \text{ m}^2 + 417,375\text{m}^2 = 7.617,375\text{m}^2$
- Chiều cao công trình: 15,9m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

10. Nhà văn phòng: 01 nhà (Thay thế mục 12. Nhà văn phòng, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 04 tầng
- Diện tích xây dựng tầng 1: $(28\text{m} \times 20\text{m}) + (4,5\text{m} \times 4,2\text{m}) = 578,9\text{m}^2$.
- Diện tích xây dựng tầng 2, 3, 4: $(28\text{m} \times 20\text{m}) \times 3 \text{ tầng} = 1.680\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng xin điều chỉnh: $578,9\text{m}^2 + 1.680\text{m}^2 = 2.258,9\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 17m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,35m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền lát gạch Ceramic, tường xây gạch, mái bằng BTCT; hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

11. Nhà ăn + nhà xe: 01 nhà (Thay thế mục 15. Nhà ăn + nhà xe, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV

- Số tầng: 02 tầng
- Diện tích xây dựng: $80\text{m} \times 26\text{m} = 2.080\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $2.080\text{m}^2 \times 2 \text{ tầng} = 4.160\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 9,150m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic, tường xây gạch, mái lợp tole, hệ thống cửa sắt- nhôm kính.

12. Nhà vệ sinh: 06 nhà (*Cấp mới và thay thế 03 nhà vệ sinh tại mục 16. Nhà vệ sinh, Giấy phép xây dựng số 05/GPXD ngày 13/2/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế*)

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $(18\text{m} \times 2\text{m}) \times 6 \text{ nhà} = 216 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 3,2m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic, tường xây gạch, mái lợp tole, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt- nhôm kính

13. Mái che lối đi nối xưởng 1 & 6: (*Cấp mới*)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $8\text{m} \times 14\text{m} = 112\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: 7,050m
- Cốt nền công trình: Cao hơn cốt nền hoàn thiện công trình 0,2m.
- Diện tích xây dựng xin điều chỉnh: $8\text{m} \times 14\text{m} = 112\text{m}^2$.
- Giải pháp kết cấu: móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; mái lợp tole, xà gồ thép.

14. Bể xử lý nước thải: 03 bể (*Cấp mới*)

- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $(15\text{m} \times 4\text{m}) \times 3 \text{ bể} = 180\text{m}^2$.
- Thể tích xây dựng: $(15\text{m} \times 4\text{m} \times 3\text{m}) \times 3 \text{ bể} = 540\text{m}^3$
- Cốt nền công trình: Thấp hơn so với mặt hoàn thiện là 3m.
- Giải pháp kết cấu: Đáy, vách, nắp bể bằng Bê tông cốt thép.

15. Nhà hút bụi: 01 nhà (*Ký hiệu số 20*)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01 tầng
- Diện tích xây dựng: $17m \times 4,58m = 77,86m^2$.
- Chiều cao công trình: 6,780m
- Cốt nền công trình: Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ± 0.000 .

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông, tường xây gạch mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : Diện tích $125.136,3m^2$, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 21462 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp ngày 04/02/2020.

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng./

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 06 tháng 5 năm 2021.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Huy Hoàng

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P.QHXDTNMT.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số : 05./GPXD

I. Cấp cho Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng dự án: “Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng với công suất 15.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất với công suất 30.000 sản phẩm/năm”

Mật độ xây dựng: 54,54 %.

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 25 do Công ty TNHH Kiến trúc – Xây dựng nhà Đồng Á lập.

Vị trí xây dựng: Lô K1 đến K8, một phần lô K9, lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng :

- Cách 15m tính từ tim đường D4.
- Cách 15m tính từ tim đường D5.
- Cách 27m tính từ tim đường N4.

Nội dung và quy mô đầu tư công trình:

1. Nhà xưởng 1: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90m \times 60m = 5.400 m^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

2. Nhà xưởng 2: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90m \times 60m = 5.400 m^2$

- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

3. Nhà xưởng 3: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90\text{m} \times 60\text{m} = 5.400 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

4. Nhà xưởng 4: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90\text{m} \times 60\text{m} = 5.400 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

5. Nhà xưởng 5: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

6. Nhà xưởng 6: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 13m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

7. Nhà xưởng 7: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 13m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

8. Nhà xưởng 8: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 13m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6,0 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

9. Nhà kho xưởng 1: 01 nhà



- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $90\text{m} \times 60\text{m} = 5.400 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

10. Nhà kho xưởng 2: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $100\text{m} \times 60\text{m} = 6.000 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13,000 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6,0 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

11. Nhà kho: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $120\text{m} \times 60\text{m} = 7.200 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 13,000 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,200$.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền bê tông; tường xây gạch cao 6 m, phía trên ốp tole; mái lợp tole, xà gỗ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

12. Nhà văn phòng: 01 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 02
- Diện tích xây dựng tầng 1: $(51\text{m} \times 18\text{m}) + (7\text{m} \times 5\text{m}) = 953 \text{ m}^2$

- Diện tích xây dựng tầng 2: $51\text{m} \times 18\text{m} = 918\text{ m}^2$
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $953\text{ m}^2 + 918\text{ m}^2 = 1.871\text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 12,395 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ bằng mặt sân hoàn thiện là 0,48m.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép hình; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái lợp ngói, xà gồ thép; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

13. Nhà bảo vệ: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $(5\text{m} \times 3\text{m}) \times 2\text{ nhà} = 30\text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 4,8 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.



14. Hồ nước PCCC: 02 hạng mục.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình: Cấp III.
- Số tầng: 01
- Diện tích xây dựng: $(35\text{m} \times 4\text{m}) \times 2\text{ hạng mục} = 280\text{ m}^2$
- Thể tích xây dựng: $(35\text{m} \times 4\text{m} \times 4,15\text{m}) \times 2\text{ hạng mục} = 1.162\text{ m}^3$
- Chiều cao công trình: 4,15 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$ thấp hơn so với mặt hoàn thiện là 4,0m.

- Giải pháp kết cấu : Đáy, vách, nắp bể bằng Bê tông cốt thép

15. Nhà ăn + nhà xe: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng: 02
- Diện tích xây dựng: $(60\text{m} \times 20\text{m}) \times 2\text{ nhà} = 2400\text{ m}^2$
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $2400\text{ m}^2 \times 2\text{ tầng} = 4800\text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 8,6 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

16. Nhà vệ sinh công nhân: 05 nhà.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $(22,5\text{m} \times 3,5\text{m}) \times 5 \text{ nhà} = 393,75\text{m}^2$

- Chiều cao công trình: 3,7 m.

- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

17. Nhà phụ trợ: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: $(28\text{m} \times 5\text{m}) \times 2 \text{ nhà} = 280 \text{ m}^2$

- Chiều cao công trình: 4,6 m.

- Cốt nền công trình : Bằng cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; nền lát gạch Ceramic; tường xây gạch; mái bê tông, phía trên trang trí bằng hệ khung thép tròn; hệ thống cửa sắt - nhôm kính.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: 125.136m^2 ; Theo Hợp đồng thuê lại đất trong Khu công nghiệp số 09/2018/HĐ-BĐP giữa Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp ngày 19/9/2018. (Được xem xét cấp Giấy phép xây dựng tại Công văn số 3893/UBND-SX ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh).

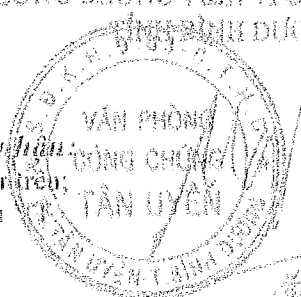
IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép này có hiệu lực thời gian xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 13 tháng 02 năm 2020

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu



KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



CHÚ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN NHỮNG NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh :

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của Giấy phép :

.....

.....

.....

Bình Phước, ngày tháng năm 201.

TRƯỞNG BẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 1517/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 07 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án:
“Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” do Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp làm chủ đầu tư tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” họp ngày 20/02/2020 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 03/CV-TN ngày 24/6/2020 của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 55/TTr-BQL ngày 03/7/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 02/GXN-BQL ngày 16/01/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế hết hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 6. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH

MTV Gỗ Thành Nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- UBND thị trấn Tân Phú;
- Công ty CP KCN Bắc Đồng Phú;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-32-QĐPD-BQL).

101 CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

101 CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án: “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” do Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp làm chủ đầu tư tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số ..1517../QĐ-UBND ngày ..07../7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Gỗ Thành Nghiệp.

Địa chỉ liên hệ: Lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng từ công suất 15.000 sản phẩm/năm lên 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất từ công suất 30.000 sản phẩm/năm lên 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa” thực hiện trên diện tích 125.136,3 m² tại lô K1 đến lô K8, một phần lô K9, lô K10, lô K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8; nhà kho xưởng 1, nhà kho xưởng 2 và nhà kho.

- Công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sơn, hệ thống xử lý hơi keo, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, kho chứa chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại).

- Đường giao thông nội bộ, sân.

- Cây xanh.

- Các công trình phụ trợ.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

1.5.1. Quy trình sản xuất đồ gỗ gia dụng (tủ, giường gỗ):

Gỗ, ván nguyên liệu (đã được ngâm tẩm) → Cưa, cắt, khoan lỗ → Chà nhám → Trám bột → Sơn, sấy → Lắp ráp → Thành phẩm → Đóng gói.

1.5.2. Quy trình sản xuất chi tiết các sản phẩm nội thất:

Gỗ, ván nguyên liệu (đã được ngâm tẩm) → Cưa, cắt, khoan lỗ → Chà nhám → Bột trét → Sơn, sấy → Thành phẩm → Đóng gói.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Gồm bụi từ quá trình thi công san nền, đào đất; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công; khí thải phát sinh từ các phương tiện thi công; khí thải từ quá trình chà nhám, sơn, hàn công trình; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải xây dựng; chất thải nguy hại...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển; bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan và chà nhám; bụi, khí thải từ quá trình sơn, sấy; hơi keo từ quá trình lắp ráp các chi tiết sản phẩm; mùi, khí thải từ quá trình nấu ăn; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại... Riêng các đơn vị thuê xưởng phải có trách nhiệm lập hồ sơ môi trường cho các dự án của mình, căn cứ vào ngành nghề sản xuất để đánh giá tác động và đề xuất biện pháp giảm thiểu phù hợp đối với các loại chất thải phát sinh của dự án, tự chịu trách nhiệm đối với các loại chất thải phát sinh từ dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 2,25 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 05 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm là chất rắn lơ lửng, TDS, COD.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt, nước thải từ nhà ăn:* Phát sinh khoảng 105 m³/ngày, thành phần gồm pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform.

- *Nước thải sản xuất:* Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình thi công san nền, đào đất:* Bụi thô, có kích thước lớn.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị; từ các máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, SO₂, HC.

- *Khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình*: Quá trình sơn, hàn phát sinh chủ yếu là bụi, hơi dung môi và hơi kim loại.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy*: Thành phần khí thải gồm bụi, NO_x , SO_x , CO, C_xH_y ...

- *Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất*: Chủ yếu phát sinh từ quá trình cưa, cắt, khoan và chà nhám; quá trình sơn.

- *Khí thải từ quá trình sơn, sấy*: Thành phần khí thải gồm xylen, butyl acetate, n-butanol, VOC...

- *Hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết sản phẩm*: Thành phần chủ yếu chứa vinyl acetate, VOC...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 1.543,24 tấn trong suốt quá trình xây dựng, chủ yếu là sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu, giấy, thùng carton, gạch vỡ, tôn thừa và vật liệu khác...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 22,5 kg/ngày, thành phần gồm thực phẩm, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Khối lượng phát sinh như sau:

Khoảng 2.111,23 kg/tháng, gồm giấy văn phòng, pallet thải, bao bì carton thừa; đinh, ghim thừa; giấy nhám thừa; bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt...

Khoảng 355.280,17 kg/tháng, gồm mùn cưa, phôi bào, gỗ thừa; ván và gỗ vụn (trường hợp kết quả phân định là chất thải rắn thông thường).

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 675 kg/ngày, gồm bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khối lượng phát sinh khoảng 47 kg/tháng, chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải, que hàn thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 3.039,17 kg/tháng, gồm giẻ lau dính dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, bao bì cứng thải bằng nhựa, than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải, tấm giấy lọc buồng sơn đã dính bụi sơn...

Ngoài ra còn một lượng chất thải bao gồm mùn cưa, phoi bào, gỗ thừa; ván và gỗ vụn (trường hợp kết quả phân định là chất thải nguy hại) với khối lượng phát sinh khoảng 355.280,17 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Bố trí hệ thống mương thu gom tạm thời; quản lý tốt nguyên vật liệu xây dựng, chất thải phát sinh; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn; tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Thuê 02 nhà vệ sinh di động sử dụng cho Dự án để công nhân sử dụng trong thời gian xây dựng bể tự hoại 03 ngăn. Mỗi nhà vệ sinh có dung tích chứa chất thải 1.000 lít.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà ăn:* Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà ăn: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) và nước thải từ nhà ăn (sau bể tách dầu) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải sản xuất:* Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Bắc Đồng Phú (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Đồng Phú để tiếp tục xử lý.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình thi công san nền, đào đất:* Lập tiến độ thi công và bố trí nhân lực hợp lý; các loại xe chuyên chở vật liệu phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; che chắn khu vực thi công; trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; từ các máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Các máy móc, phương tiện phải đảm

bảo đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; bảo dưỡng thường xuyên phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải; bố trí tuyến vận chuyển và thời gian vận chuyển hợp lý; bố trí thời gian thi công hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình:* Bố trí thời gian thi công hợp lý; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí cho công nhân; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào Nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan và chà nhám:* Lắp đặt 06 hệ thống xử lý bụi với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Các khu vực phát sinh bụi → Chụp hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát khí. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1$), được phát tán ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí thải. Ống thoát khí thải phải đảm bảo thoát khí thải sau xử lý ra ngoài môi trường đạt quy chuẩn xả thải và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình sơn:* Lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Khí thải từ quá trình sơn → Tầm lọc buồng sơn → Chụp hút → Tháp hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, được phát tán ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí thải. Ống thoát khí thải phải đảm bảo thoát khí thải sau xử lý ra ngoài môi trường đạt quy chuẩn xả thải và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Biện pháp xử lý hơi keo từ quá trình lắp ráp chi tiết sản phẩm:* Lắp đặt 05 hệ thống xử lý hơi keo với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Hơi keo → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí. Khí thải sau khi xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải

công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, được phát tán ra ngoài môi trường bằng ống thoát khí thải. Ống thoát khí thải phải đảm bảo thoát khí thải sau xử lý ra ngoài môi trường đạt quy chuẩn xả thải và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1$); QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh. Tái sử dụng đối với chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng. Đối với chất thải rắn xây dựng không thể tận dụng: Thu gom về khu vực lưu chứa tạm thời với diện tích khoảng 15 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo các quy định hiện hành.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa thích hợp để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Dự án, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom vào các thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 25 - 120 lít (được đặt ở khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt như văn phòng, nhà vệ sinh...), sau đó tập kết về khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 20 m². Khu vực lưu chứa có mái che và vách bao quanh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận

chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý: 01 ngày/lần.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sản xuất*: Thu gom, phân loại và đưa vào khu vực chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 42 m². Khu vực lưu chứa có mái che và vách bao quanh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý: 01 tuần/lần.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại*: Thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong khu vực tập kết chất thải nguy hại có diện tích 10 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ bao quanh, rãnh thoát nước... theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 01 lần trong quá trình thi công xây dựng.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại*: Thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, sau đó lưu giữ vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại có diện tích 30 m². Khu vực chứa chất thải nguy hại mái che, vách bao quanh và nền gạch chống thấm, có gờ bao quanh, rãnh thoát nước... theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý: 06 tháng/lần.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh

môi trường theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Sử dụng các xe chuyên dụng; sắp xếp thời gian thi công hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do độ rung:* Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm cao su; bố trí các máy móc, phương tiện có độ rung lớn hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:* Hạn chế thi công vào những ngày mưa; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông các cống thoát nước; không để rơi vãi dầu nhớt, nhiên liệu ra môi trường xung quanh; dọn dẹp sạch sẽ mặt bằng thi công đảm bảo thoát nước mặt, tránh gây ứ đọng nước...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động, nút bịt tai cho công nhân; trồng cây xanh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt thừa:* Bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng; thông thoáng nhà xưởng; bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường; trang bị quạt thông gió dọc theo hai bên tường nhà xưởng; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; trồng cây xanh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:* Lắp đặt hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải; nguyên liệu được lưu chứa trong nhà có mái che; lắp đặt lọc rác hoặc song chắn rác tại hố ga thoát nước mưa; thường xuyên kiểm tra, tu bổ hệ thống thoát nước mưa, thu dọn rác tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Bố trí mặt bằng trong khuôn viên Nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án. Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc

gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Công tác phòng cháy và chữa cháy:* Lắp đặt hệ thống báo cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống PCCC để đảm bảo các hoạt động này luôn hoạt động tốt; đặt biển báo dễ cháy nổ tại khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, nổ; công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:* Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt; trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân; đào tạo định kỳ về an toàn lao động; từng máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn lập thành bảng gắn tại vị trí hoạt động và thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động...

- *Phương án phòng ngừa tai nạn giao thông:* Cấu trúc đường giao thông trong nội bộ Dự án được bố trí hợp lý, tránh xung đột giao thông, gây nguy hiểm cho người và phương tiện giao thông; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại; hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người qua lại cao; chờ đúng tải trọng quy định; bố trí xe có trọng tải phù hợp để tránh làm hư hỏng đường sá...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm:* Nhập nguyên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng; khu vực ăn uống phải được vệ sinh sạch sẽ; khám sức khỏe định kỳ cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại:* Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại; thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn; bổ sung men vi sinh giúp quá trình phân hủy chất bẩn được diễn ra nhanh hơn...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên theo dõi kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; nhân viên vận hành được tập huấn kỹ thuật, chuyên môn...

- *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải, hơi keo*: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải, hơi keo; có nhật ký vận hành, nhật ký kiểm tra, sửa chữa; tập huấn công nhân vận hành trực tiếp hệ thống xử lý...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất*: Bố trí khu vực lưu chứa hóa chất theo đúng quy định; sắp xếp, sử dụng hóa chất hợp lý; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước*: Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn; thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất; không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; khóa van đầu nguồn và tiến hành thay thế đường ống cấp thoát nước bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất, sau khi khắc phục xong sự cố rò rỉ, vỡ đường ống mới mở van cấp hoặc xả nước thải...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn: 13 bể tự hoại, có tổng dung tích là 201 m³.
- Bể tách dầu: 01 bể, dung tích 8,1 m³.
- Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 20 m².
- Công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất, diện tích 42 m².
- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích 30 m².
- Công trình, hệ thống xử lý bụi: 06 hệ thống; công suất thiết kế: 9.000 m³/giờ.
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn: 02 hệ thống; công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.
- Công trình, hệ thống xử lý hơi keo: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 11.000 m³/giờ.
- Công trình, hệ thống xử lý hơi keo: 04 hệ thống; công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 125 m³/ngày.đêm.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga trước hố ga đầu nối với KCN.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, SS, tổng N, tổng P, amoni, coliform.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong suốt quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị (chỉ giám sát sau khi Nhà máy xây dựng xong bể tự hoại và công nhân thi công, xây dựng sử dụng bể tự hoại).

- Quy chuẩn so sánh/ Quy định áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy chuẩn so sánh/ Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- Vị trí, thông số giám sát: 06 vị trí tại các khu vực sau:

+ Khu vực cửa, cắt, khoan và chà nhám: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

+ Khu vực lắp ráp chi tiết: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, vinyl acetate ($C_4H_6O_2$), ethylbenzen.

+ Khu vực sơn: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, xylen, butyl acetate, phenol, butanol.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 22:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- Vị trí, thông số, quy chuẩn so sánh: 26 vị trí tại các khu vực sau:

+ Vị trí: 06 điểm tại đầu vào của 06 hệ thống xử lý bụi gỗ, 06 điểm tại 06 ống thoát khí của 06 hệ thống xử lý bụi. Thông số: Lưu lượng, bụi. Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$; $k_v = 1$).

+ Vị trí: 02 điểm tại đầu vào 02 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn, 02 điểm tại 02 ống thoát khí của 02 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn. Thông số: Lưu lượng, bụi, n-butyl acetate ($C_6H_{12}O_2$), xylene ($C_6H_4(CH_3)_2$). Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B ($k_p = 1$; $k_v = 1$), QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

+ Vị trí: 05 điểm tại đầu vào 05 hệ thống xử lý hơi keo, 05 điểm tại 05 ống thoát khí của 05 hệ thống xử lý hơi keo. Thông số: Lưu lượng, cyclohexane (C_6H_{12}), ethybenzen (C_8H_{10}). Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, 01 điểm tại hố ga đầu nối với KCN.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, tổng coliform, dầu mỡ tổng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần. Định kỳ 1 năm/lần nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ về Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Tài nguyên Môi trường Bình Phước.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bắc Đồng Phú (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại :

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục; báo cáo định kỳ về cơ quan chức năng theo quy định.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Số: 356 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 27. /12 / 2019 của: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.....

Người đại diện là Ông/Bà: OU SHUNGUANG..... Chức danh: ...Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỨNG NHẬN:

.....Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm gỗ.....

Địa điểm xây dựng:..... KCN Bắc Đồng Phú, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, Bình Phước

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế:..... Công ty TNHH kiến trúc xây dựng nhà Đồng Á.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy, vách tường, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

Chủ đầu tư...;

.....;

- Lưu: PC07..

Bình Phước, ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Văn Vĩnh

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy số 356/TĐ-PCCC, ngày 31 tháng 12 năm 2019)

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Bản vẽ tổng thể	TT 01	
2	- Nhà xưởng 1: DT 5.400m ² ; 01 tầng - Kho xưởng 1: DT 5.400m ² ; 01 tầng - Nhà xưởng 3: DT 5.400m ² ; 01 tầng - Nhà xưởng 4: DT 5.400m ² ; 01 tầng - Nhà xưởng 5: DT 6.000m ² ; 01 tầng - Kho xưởng 2: DT 6.000m ² ; 01 tầng; - Nhà xưởng 7: DT 6.000m ² , 01 tầng, - Nhà xưởng 8: DT 6.000m ² , 01 tầng, Nhà văn phòng 2F: DT 931,5m ² ; 02 tầng. Nhà kho: DT 7.200m ² ; 01 tầng; Nhà ăn + Nhà xe (GD1): DT 1.200m ² ; 02 tầng Nhà ăn + Nhà xe (GD2): DT 1.200m ² ; 02 tầng Bể nước PCCC 15a Bể nước PCCC 15b Nhà phụ trợ 1: DT 140m ² Nhà phụ trợ 2: DT 140m ² Nhà bảo vệ 1, nhà bảo vệ 2: DT 15m ² /nhà 05 nhà vệ sinh: DT 78.75m ² /nhà	Các bản vẽ kiến trúc	
3	Mặt bằng chữa cháy tổng thể		
4	Bản vẽ hệ thống cấp nước chữa cháy	PCCC 01	
	vách tường, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động.	Đến PCCC 05	
5	Bản vẽ hệ thống chống sét đánh thẳng	CS 01; CS 02	

Số: 158/TD-PCCC&CNCH

Bình Phước, ngày 15 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 356/TD-PCCC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế điều chỉnh về phòng cháy và chữa cháy số 01 ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ CỦA CÔNG TRÌNH

Bổ sung 02 hạng mục

- Nhà xưởng 02: Diện tích 5.400m², 01 tầng.
- Nhà xưởng 06: Diện tích 6.000m², 01 tầng.

II. NỘI DUNG THẨM DUYỆT

Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng, trang bị đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, trang bị bình chữa cháy.

Quy mô hạng mục công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về điều chỉnh phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này. / *Lee*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT – PC07.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Văn Vĩnh

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số:/TD-PCCC&CNCH ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước)

[illegible]

Số: 174/NT-PC07

Bình Phước, ngày 11 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

Căn cứ Điều 16 Luật Phòng cháy và chữa cháy; Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ; Điều 08 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an, quy định việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 356/TD-PCCC ngày 31/12/2019 của Phòng CS.PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Biên bản kiểm tra về PCCC&CNCH nghiệm thu hệ thống PCCC lập ngày 11/12/2020.

Xét hồ sơ và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 07/12/2020 của: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

Người đại diện là ông: Ou Shung Quang - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Bình Phước chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với: ***“Nhà máy sản xuất, giai công các sản phẩm gỗ nội thất thuộc Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp”***, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: KCN Bắc Đồng Phú, TT.Tân Phú, H.Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH gỗ Thành Nghiệp.

Đơn vị xây dựng: Công ty TNHH SX&TM Quỳnh Phúc.

Đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH PCCC Đại Hưng Phú.

Nội dung được nghiệm thu: Bậc chịu lửa, khoảng cách ngăn cháy, đường và lối thoát nạn, giao thông phục vụ chữa cháy; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường; hệ thống chữa cháy tự động; hệ thống chống sét đánh thẳng; đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; các phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Quy mô các hạng mục công trình:

- Xưởng 01: Diện tích xây dựng $(90 \times 60) = 5.400\text{m}^2$; 01 tầng.
- Xưởng 06: Diện tích xây dựng $(100 \times 60) = 6.000\text{m}^2$; 01 tầng.
- Kho số 12: Diện tích xây dựng $(120 \times 60) = 7.200\text{m}^2$; 01 tầng.
- Nhà bảo vệ; trạm bơm và bể nước PCCC khối tích 500m^3 .

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 11/12/2020.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng. / *Được*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: PC07.



TRƯỞNG PHÒNG

[Signature]
Thượng tá Nguyễn Văn Vịnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

“V/v vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt”

Số 01/HĐKT

Ngày 01 tháng 06 năm 2022

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự và Luật thương mại đã được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2015;

- Căn cứ vào Luật bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

- Căn cứ vào Nghị định 80/CP/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên

BÊN A: DỊCH VỤ VỆ SINH ĐÔ THỊ - VẬN TẢI NGUYỄN XUÂN LỘC

Do ông: **Nguyễn Xuân Lộc** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Địa chỉ: Kp Tân An, TT. Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0918.035 246

Số tài khoản: 0102018036 tại: Ngân hàng TMCP Đông Á – chi nhánh tỉnh Bình Phước.

MST: 3800788963

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Người đại diện: **Ông/Bà OU SHUN GUANG**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, Lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú. Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 02713.832 388

MST: 3801184160

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

II. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

1. Nội dung:

- Bên B giao cho Bên A vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trong hoạt động kinh doanh của bên B.



- Bên A chịu trách nhiệm vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt của bên B theo quy trình, mỗi ngày thu gom rác 2 ngày/1 lần, không để quá 03 ngày (trừ chủ nhật và lễ tết).

- Tần suất: Khối lượng dao động khoảng: Dưới 3 tấn/ tháng
- Bên B phải đảm bảo vệ sinh trong khu vực tập kết rác của bên B.
- Địa điểm tập kết: tại nhà máy của bên B, sau đó bên A vận chuyển đi xử lý.

2. Giá trị hợp đồng:

- Được tính theo tháng, với giá trị là 3.500.000đ (Bằng chữ: Ba triệu năm trăm ngàn đồng) % VAT.
- Được tính theo tháng, giao nhận các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (không nhận rác ngày chủ nhật và ngày lễ, tết).

3. Hình thức và phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thanh toán hàng tháng vào ngày đầu tháng (nếu ngày đầu tháng trùng vào ngày chủ nhật thì thanh toán vào ngày tiếp theo).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN:

1. Trách nhiệm của bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom và tập kết rác đến địa điểm tập kết tại công ty chứa trong bọc hoặc thùng rác theo quy chuẩn bảo vệ môi trường.
- Thanh toán cho bên A theo đúng giá trị hợp đồng.
- Không để lẫn rác thải sinh hoạt với các loại rác thải công nghiệp và nguy hại khác.

2. Trách nhiệm của bên A:

- Vận chuyển đi xử lý rác của bên B theo quy trình
- Trang bị bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ cho người lao động.

IV. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong vòng 6 tháng
- Hai bên quan hệ chặt chẽ với nhau trên tinh thần hợp tác cùng hoàn thành trách nhiệm theo nội dung hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A


NGUYỄN XUÂN LỘC
MST: 3800788963
Thị Trấn Tân Phú-Đông Phú-Bình Phước
ĐT: 0918.035.246
Nguyễn Xuân Lộc

ĐẠI DIỆN BÊN B


OUY SHUNGUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

“V/v vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt”

Số 01/HĐKT

Ngày ..31... tháng 5 năm 2021

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự và Luật thương mại đã được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá II kỳ họp thứ VII thông qua và ban hành ngày 14/06/2015;

- Căn cứ vào Luật bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

- Căn cứ vào Nghị định 80/CP/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên

BÊN A: DỊCH VỤ VỆ SINH ĐÔ THỊ - VẬN TẢI NGUYỄN XUÂN LỘC

Do ông: **Nguyễn Xuân Lộc** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Địa chỉ: Kp Tân An, TT. Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 0918.035 246

Số tài khoản: 0102018036 tại: Ngân hàng TMCP Đông Á – chi nhánh tỉnh Bình Phước.

MST: 3800788963

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

Người đại diện: **Ông/Bà OU SHUN GUANG**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, Lô K10, K11 Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú. Thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 02713.832 388

MST: 3801184160

Hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

II. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

1. Nội dung:

- Bên B giao cho Bên A vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trong hoạt động kinh doanh của bên B.

CHỖ VỆ SINH ĐÔ THỊ
NGUYỄN XUÂN LỘC
MST: 3800788963
Trần Tân Phú - Đồng Phú
ĐT: 0918.035 246

M.S.D.N. 3801184160
CÔNG TY TNHH
GỖ THÀNH NGHIỆP
H. ĐỒNG PHÚ

- Bên A chịu trách nhiệm vận chuyển đi xử lý rác thải sinh hoạt của bên B theo quy trình, mỗi ngày thu gom rác 2 ngày/1 lần, không để quá 03 ngày (trừ chủ nhật và lễ tết).

- Tần suất: Khối lượng dao động khoảng: Dưới 3 tấn/ tháng
- Bên B phải đảm bảo vệ sinh trong khu vực tập kết rác của bên B.
- Địa điểm tập kết: tại nhà máy của bên B, sau đó bên A vận chuyển đi xử lý.

2. Giá trị hợp đồng:

- Được tính theo tháng, với giá trị là 3.500.000đ (Bằng chữ: Ba triệu năm trăm ngàn đồng) % VAT.
- Được tính theo tháng, giao nhận các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (không nhận rác ngày chủ nhật và ngày lễ, tết).

3. Hình thức và phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thanh toán hàng tháng vào ngày đầu tháng (nếu ngày đầu tháng trùng vào ngày chủ nhật thì thanh toán vào ngày tiếp theo).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN:

1. Trách nhiệm của bên B:

- Chịu trách nhiệm thu gom và tập kết rác đến địa điểm tập kết tại công ty chứa trong bọc hoặc thùng rác theo quy chuẩn bảo vệ môi trường.
- Thanh toán cho bên A theo đúng giá trị hợp đồng.
- Không để lẫn rác thải sinh hoạt với các loại rác thải công nghiệp và nguy hại khác.

2. Trách nhiệm của bên A:

- Vận chuyển đi xử lý rác của bên B theo quy trình
- Trang bị bảo hộ lao động, công cụ, dụng cụ cho người lao động.

IV. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

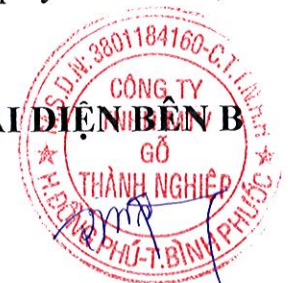
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong vòng 01 năm.
- Hai bên quan hệ chặt chẽ với nhau trên tinh thần hợp tác cùng hoàn thành trách nhiệm theo nội dung hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A


DỊCH VỤ VỆ SINH ĐÔ THỊ-VẬN TẢI
NGUYỄN XUÂN LỘC
MST: 3800788963
Thị Trấn Tân Phú-Đông Phú-Bình Phước
ĐT: 0918.035.246

Nguyễn Xuân Lộc

ĐẠI DIỆN BÊN B



CU SHUNGUANG

KHANTAI
LỘC
3963
Bình Phước
246

60-G.T. THANH
TY
MTV
GHIẾP
BÌNH PHƯỚC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HỘ KINH DOANH**

Số: 44B80185930

Đăng ký lần đầu, ngày 05/4/2016

Thay đổi lần thứ: 2, ngày 21/11/2016

1. Tên biển hiệu, hoặc tên cá nhân, hoặc tên đại diện hộ gia đình:

NGUYỄN XUÂN LỘC

2. Địa điểm kinh doanh: KP Tân An, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0918.035246

Fax:

3. Ngành, nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa, thu mua nông sản, thu mua phế liệu; Mua bán và sửa chữa xe ô tô, xe máy cũ; Thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt, công nghiệp; Hút và vận chuyển chất thải.

4. Vốn kinh doanh: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

5. Họ và tên đại diện hộ kinh doanh: NGUYỄN XUÂN LỘC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/9/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh nhân dân số: 285103310

Ngày cấp: 14/02/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Tân Đồng, TX Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện tại: Phường Tân Đồng, TX Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đồng Phú, ngày 21 tháng 11 năm 2016

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thanh Cường

BIÊN BẢN SƠ SINH ĐÔ THỊ
NGUYỄN XUÂN
MST: 380078
Thị trấn Tân Phú - Đồng Phú
ĐT: 0918.035

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số:
Form No
10- MST

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUẾ
CERTIFICATE OF TAX REGISTRATION

MÃ SỐ NGƯỜI NỘP THUẾ TAX IDENTIFICATION NUMBER	3 8 0 0 7 8 8 9 6 3
TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ FULL NAME OF TAXPAYER	NGUYỄN XUÂN LỘC
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH HOẶC GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ NUMBER AND DATE OF BUSINESS REGISTRATION CERTIFICATE OR ESTABLISHMENT AND OPERATION CERTIFICATE, INVESTMENT CERTIFICATE	4 4 8 0 1 8 5 9 3 0 21/11/2016
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP NUMBER AND DATE OF ESTABLISHMENT DECISION	
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM, NƠI CẤP CHỨNG MINH THƯ NHÂN DÂN NUMBER OF IDENTITY CARD ISSUED ON (DD/MM/YY) IN.....	2 8 5 1 0 3 3 1 0 14/02/2006 CA Bình Phước
NGÀY CẤP MÃ SỐ THUẾ DATE OF ISSUING TAX IDENTIFICATION NUMBER	02/11/2011
CƠ QUAN THUẾ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP TAX DEPARTMENT IN CHARGE	CHI CỤC THUẾ HUYỆN ĐỒNG PHÚ

Ngày ..29...tháng...11...năm2016
(dd/mm/yy).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Tạ Hoàng Giang



THẢO DƯƠNG XANH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH

Ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Tel: 02713 708 900 – Fax: 02713 708 900

Website: www.thaoduongxanh.com

Số: 118/2021/HDXL-TDX

Bình Phước, ngày 01 tháng 10 năm 2021

平福，2021年10月01日。

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

废物处理合同

Hôm nay chúng tôi đứng tên dưới đây gồm có:

今天我们双方有：

BÊN A/甲方 : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP
诚业木业有限公司

Địa chỉ/地址 : Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú,
Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

K1 到 K8, 一份 K9, K10, K11, 北同福工业区, 新福镇, 同福县, 平福省。

Điện thoại/电话 : Fax:

Mã số thuế/税号 : 3801184160

Đại diện/代表 : **OU SHUN GUANG**

Chức vụ/职务: **GIÁM ĐỐC/经**

理

Tài khoản số/账号 : tại Ngân Hàng. 银行

BÊN B/乙方 : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THẢO DƯƠNG XANH
草羊绿环境股份公司

Địa chỉ/地址 : ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

平福省，汉管线，新官车来村

Điện thoại/电话 : 02713.708.900 - Fax: 02713.708.900

Mã số thuế/税号 : 3800.769.008

Đại diện/代表: **LÊ THIÊN ĐỨC**. Chức vụ/职务: **Tổng Giám Đốc** 经理

Tài khoản số/账号 : 117000132226 tại Vietinbank PGD Hớn Quản Bình Phước

Vietinbank 银行.

Các bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

双方同意签署以下条款的合同:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG 第一条: 合同的内容和期限

1.1. Nội dung hợp đồng 合同内容

- Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của bên A. Các chất thải của bên A được đưa về xử lý tại nhà máy bên B (ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước) theo đúng quy chuẩn kỹ thuật mà bên B đã được cơ quan quản lý môi trường cấp phép hành nghề căn cứ vào quy định của pháp luật Việt Nam.

甲方同意指派乙方收集，运输，储存和处理甲方生产过程中产生的各种废物，将甲方的废物进行处理。该工厂由乙方工厂管理平福省，漠管线，新官车来村根据越南法律法规，乙方已获得环境管理机构许可的技术法规

1.2. Thời hạn hợp đồng/:合同期限

Hợp đồng này có thời hạn là 01 năm tính từ ngày hợp đồng được các bên ký.

该合同自双方签署之日起一年

ĐIỀU 2: THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN VÀ ĐƠN GIÁ XỬ LÝ CHẤT

THẢI. 第2条：时间，接收和废物处理单价。

2.1 Thời gian và địa điểm tiếp nhận chất thải接收废物的时间和地点:

Bên B sẽ tiến hành thu gom theo định kỳ các bên tự thông báo cho nhau.

乙方将进行定期搜集，双方互相告知。

Địa điểm thu gom chất thải废物收集地点: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu Công Nghiệp Bắc Đồng Phú, Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước.

K1 到 K8,一份K9,K10,K11,北同福工业区，新福镇，同福县，平福省。

Địa điểm xử lý chất thải: 废物处理地点: Nhà máy xử lý chất thải nguy hại bên B tại ấp Xa Lách, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

草羊绿环境股份公司，平福省，漠管线，新官车来村。

2.2. Số lượng chất thải废物量:

Được tính theo số lượng thực tế mà bên A giao cho bên B thông qua biên bản giao nhận hoặc phiếu xuất kho hoặc chứng từ chất thải có xác nhận của đại diện các bên.

它是根据甲方通过交割记录或交割单或经双方代表证明的废物文件向乙方交付的实际数量计算的。

2.3. Đơn giá xử lý chất thải废物处理单价:

I- Đơn giá xử lý处理单价:

STT序号	Loại chất thải废物种类	Mã CTNH毒害垃圾 号码	Đơn Vị Tính单位	Đơn giá xử lý单价 (VNĐ)
1	Chất thải nguy hại các loại各种 毒害垃圾	/	Kg公斤	4.000
2	Chất thải công nghiệp生活垃圾	/	Kg公斤	Miễn phí免 费

Bên B đồng ý xử lý miễn phí rác công nghiệp cho Bên A với điều kiện bên A phải cho nhân công và phương tiện chuyên dùng hỗ trợ lên hàng cho bên B.

乙方同意为甲方免费处理工业废物，条件是甲方必须允许工人和专用车辆来支持乙方的装载。

II- Đơn giá thu mua phế liệu单价废料采购价格:

STT序号	Loại phế liệu种类	Đơn Vị Tính单位	Đơn giá thu mua单 价 (VNĐ)
1	Sắt phế liệu废铁	Kg公斤	6.500
2	Giấy Carton废纸	Kg公斤	3.000

3	Bọc Nilon trắng sạch干净尼龙带	Kg公斤	7.000
4	Dây Đai打包带	Kg公斤	3.000
5	Gỗ vụn thải các loại废板料	Xe 3,5 tấn 3.5吨车	1.300.000
6	Mùn cưa, dăm bào木灰	Xe 3,5 tấn 3.5吨车	Miễn phí

Ghi chú: Đơn giá trên được tính bằng Việt Nam Đồng (VND), đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chưa bao gồm thuế VAT. Thảo Dương Xanh không hoàn trả bao bì chứa chất thải.

注意：以上单价是以越南盾（VND）计算的，包括收集，运输，存储和处理成本，不包括增值税。草阳绿不退还废物包装。

ĐIỀU 3: HÌNH THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN第3条：付款时间

3.1. Điều kiện thanh toán: Khi bên B xuất hóa đơn tài chính cho bên A.

3.1. 付款条件：当乙方向甲方开具财务发票时

3.2. Hình thức thanh toán付款方式: Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) vào tài khoản sau将越南盾（VND）汇款到以下帐户：

Tài khoản số账号: 117000132226 tại Ngân hàng Vietinbank - PGD Hớn Quản Bình Phước. Vietinbank银行

Tên tài khoản账户: Công ty cổ phần môi trường Thảo Dương Xanh.

草阳绿环境股份公司。

3.3. Thời hạn thanh toán3.3. 付款期限: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hoá đơn trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận đủ hóa đơn tài chính của bên B.

甲方自收到乙方完整的财务发票之日起七（七）天内，向乙方支付发票金额的100%。

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN第4条：缔约方的责任

a) Trách nhiệm bên A甲方的责任:

Toàn bộ chất thải bên A phải có trách nhiệm phân loại thành từng loại riêng biệt theo đúng quy định của pháp luật về môi trường hiện hành. Các loại chất thải sau khi phân loại phải chứa trong các thùng chứa riêng biệt có dán nhãn chất thải và lưu giữ tại một khu vực cố định trước khi bàn giao cho bên B.

甲方的所有废物必须根据现行的环境法分为不同的类别。分拣后的废物必须移交给乙方，然后再存储在标有废物的单独容器中，并存储在固定区域中。

Bên A có trách nhiệm kiểm tra chính xác phương tiện tới thu gom chất thải tại nhà máy của Quý công ty, các phương tiện đó phải nằm trong danh sách phương tiện được đăng ký trong giấy phép hành nghề của Công ty cổ phần môi trường Thảo Dương Xanh, Trong trường hợp bên A bàn giao chất thải không đúng phương tiện như đã nêu trên của bên B, thì mọi hệ lụy liên quan sau này bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

甲方负责准确检查在您的工厂收集废物的车辆，这些车辆必须在环境合股公司的执业许可证中注册的车辆清单中。如乙方上述，所有相关后果，由甲方承担全部责任。

Lập chứng từ khi bàn giao chất thải, và cung cấp cho người đại diện của bên B khi bàn giao chất thải. 记录废物的移交，并在移交废物时将其提供给乙方代表。

Thông báo bên B thu gom chất thải khi nhận thấy chất thải sắp tồn đọng tại kho lưu của bên A. 当意识到废物将要留在甲方的仓库中时，通知乙方收集废物。

b) Trách nhiệm bên B 乙方的责任:

Cử người đại diện liên hệ với bên A chịu trách nhiệm trong việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý dưới hình thức tận thu/tái chế hoặc thiêu hủy chất thải tại nhà máy của bên B theo quy định hiện hành về quản lý chất thải của Nhà nước Việt Nam.

根据越南国家现行的废物管理规定，指派一名代表与甲方联系，以在乙方工厂中以废物的回收/再循环或焚烧的形式负责收集，运输，储存和处理。

Bên B chỉ đồng ý ký xác nhận chứng từ CTNH theo quy định pháp luật cho những những đợt thu gom bởi phương tiện của bên B, ngoài ra nếu chất thải đó được thu gom bởi phương tiện không phải của bên B thì bên B sẽ từ chối ký xác nhận bộ chứng từ đó.

乙方仅同意依法对毒害废物的车辆批次进行签名认证，此外，如果该废物是由乙方以外的其他车辆收集的，则乙方拒绝对该文件进行认证。

Cung cấp phương tiện vận chuyển ra khỏi Công ty của bên A. Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ nhằm đảm bảo an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải.

提供离开甲方公司的运输工具。配备齐全的设备和工具，以确保收集废物时的必要安全。

Bên B có trách nhiệm thực hiện thu gom chất thải theo yêu cầu của bên A để tránh tình trạng tồn đọng kho bãi. 乙方应甲方的要求负责收集废物，以免产生库存。

Phương tiện vận chuyển và công nhân của bên B khi ra vào Công ty của bên A phải chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A và thực hiện đúng nội quy của bên A.

乙方进出甲方的运输工具和工人，必须接受甲方的检查和监督，并严格遵守甲方的规定

Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi Công ty của bên A. Bên B phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

如果废物从甲方公司运出后泄漏到环境中，则要依法追究法律责任，乙方必须严格遵守执业许可证的注册规定，并按照规定收集，运输和处理废物法律。

Không nhận chất thải ngoài danh mục 2.3 điều 2, cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với danh mục trên. 请勿接受第2.3条第2款以外的废物以及上述清单中性质不同的废物。

Thực hiện kiểm tra, xác nhận và chuyển giao lại Chứng từ chất thải cho bên A.

进行检查，认证，并将废旧文件退还给甲方。

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG 第5条：一般条款

Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc thỏa thuận tại Hợp đồng này. Mọi tranh chấp phát sinh các bên cùng giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của nhau, trường hợp không thể thương lượng được thì một trong các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để giải quyết theo luật định.

双方承诺严格遵守本协议中的协议。各方之间发生的任何争端均应在尊重彼此利益的基础上通过谈判解决，在无法进行谈判的情况下，任何一方均有权在主管人民法院提起诉讼，以解决法定决定。

Mọi thay đổi phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng này mà chưa được các bên thỏa thuận thì phải lập thành văn bản dưới hình thức “*Phụ lục hợp đồng*”. *Phụ lục hợp đồng* phải được xác nhận, ký tên và đóng dấu hợp pháp, *Phụ lục hợp đồng* là phần không thể tách rời đối với Hợp đồng này.

在履行本合同过程中发生的任何变化但未得到双方同意的，必须以“合同附录”的形式以书面形式进行。合同附录必须经过认证，签名和合法盖章，合同附录是本合同的组成部分。

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu một trong các bên tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước cho bên kia 30 ngày.

在履行合同期间，如果任何一方单方面终止合同，则必须提前30天通知另一方

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt khi hết thời hạn hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

本合同自签订之日起生效，并在合同期限届满或法律规定终止时终止。

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản song ngữ với đầy đủ các chữ ký và con dấu của các bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

合同分为04（四份）种双语版本，并带有各方签字和盖章。每一方保留02（两份）同等效力的副本。

ĐẠI DIỆN BÊN A

经理签名



ĐẠI DIỆN BÊN B

经理签名



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thiện Đức

Bình Phước, ngày 01 tháng 4 năm 2021

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: 70.000411.T
(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3832388

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3801184160 đăng ký lần đầu ngày 17/9/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/5/2020.

Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh chất thải nguy hại kèm theo Danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động. / *Chu*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp;
- GD, PGD Sở;
- Lưu: CCBVMT.

GIÁM ĐỐC



Dương Hoàng Anh Tuấn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 70.000411.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2021)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ, gia dụng, công suất 80.000 sản phẩm/năm; các chi tiết bằng gỗ dành cho nội thất, công suất 160.000 sản phẩm/năm; cho thuê nhà xưởng dư thừa.

Địa chỉ: Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, KCN Bắc Đồng Phú, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Điện thoại: 0271.3832388

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Lỏng	50	08 01 01
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	10	08 02 04
3	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	300	08 03 01
4	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, vụn và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại (mùn thu từ ngâm, tẩm gỗ)	Rắn	1.500	09 01 01
5	Các loại chất bảo quản gỗ thải khác có các thành phần nguy hại	Lỏng	50	09 02 05
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	12	16 01 06
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	40	17 02 03
8	Bao bì mềm thải	Rắn	900	18 01 01
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	500	18 01 02

10	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia)	Rắn	200	18 01 03
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	950	18 02 01
12	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	15	19 06 01
Tổng số lượng			4.527	

3. Danh sách chất thải nguy hại đăng ký tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở (nếu có): không có

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI

SỐ: 36/NTĐN

Công trình: Hệ thống thoát nước thải Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp

Hạng mục: Hồ ga đầu nối, van và đồng hồ đo lưu lượng

Hôm nay, vào lúc 8h00 ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp, chúng tôi gồm có:

+ Đại diện: Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (Bên A)

Ông: Phan Văn Trinh

– Chức vụ: P. Tổng Giám Đốc

Ông: Nguyễn Việt Khanh

– Chức vụ: T. Phòng CN – MT

Ông: Phan Đức Trí

– Chức vụ: CV. Phòng CN – MT

+ Đại diện: Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp (Bên B)

Ông: OU SHUN GUANG

– Chức vụ: Giám đốc

Ông: GONG JIA BING

– Chức vụ: Hiệp lý

I/ Nội dung làm việc:

Chúng tôi tiến hành kiểm tra và xác nhận tại hồ ga đầu nối nước thải giữa Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp như sau:

1. Phần xây dựng:

- Đã thi công hoàn thiện phần hồ ga đầu nối theo thỏa thuận đầu nối ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty cổ phần khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

2. Phần thiết bị và hồ sơ:

- Đã lắp đặt 1 van cổng DN80, 1 đồng hồ đo lưu lượng DN80.

- Công văn số 02/TN.22 về việc xin chấp thuận đầu nối nước thải ngày 13/9/2022 của Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp.

- Kết quả thử nghiệm số: 2022.693/KQ-EUC ngày 04/8/2022 của Công ty TNHH Công ty TNHH MTV gỗ Thành Nghiệp, lấy mẫu ngày 25/7/2022. Lấy mẫu nước thải sau xử lý.

II/ Kết luận:

Bên A đồng ý tiếp nhận nguồn nước thải của bên B theo tiêu chuẩn cột B QCVN40:2011/BTNMT tại hồ ga đầu nối thoát nước thải (ký hiệu: HT7 giữa bên B và bên A).

Bên B quản lý, bảo vệ tài sản bao gồm: Van khóa nước (01 cái), đồng hồ nước (01 cái).

Người kiểm tra và xác nhận số lượng nước thải và hư hỏng của thiết bị:

Bên A: Các Ông/Bà là nhân viên của Phòng Phòng CN – MT, SĐT liên hệ: 02713834789

Bên B: Ông: SUN ZHI XIANG Chức vụ: Nhân viên, SĐT liên hệ: 0937524523

Biên bản kết thúc vào lúc 11h00 cùng ngày, được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị ngang nhau. Các bên đồng ý ký tên, *chữ*

CÔNG TY CP KHU CÔNG NGHIỆP

BẮC ĐỒNG PHÚ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Văn Trinh

CÔNG TY TNHH MTV

GỖ THÀNH NGHIỆP

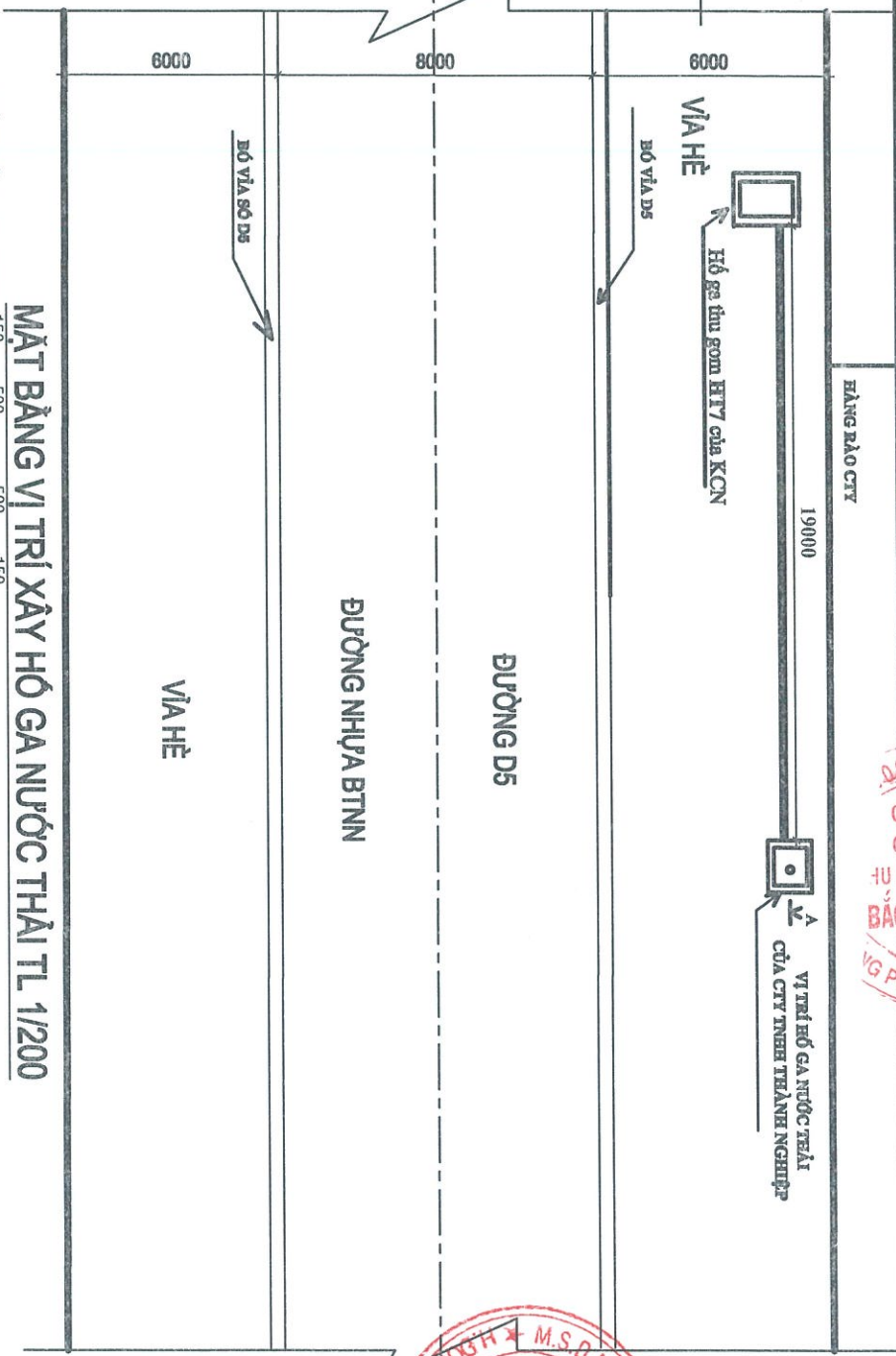
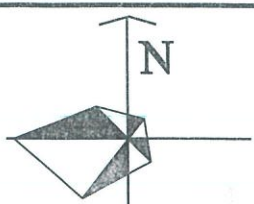


GONG JIA BING

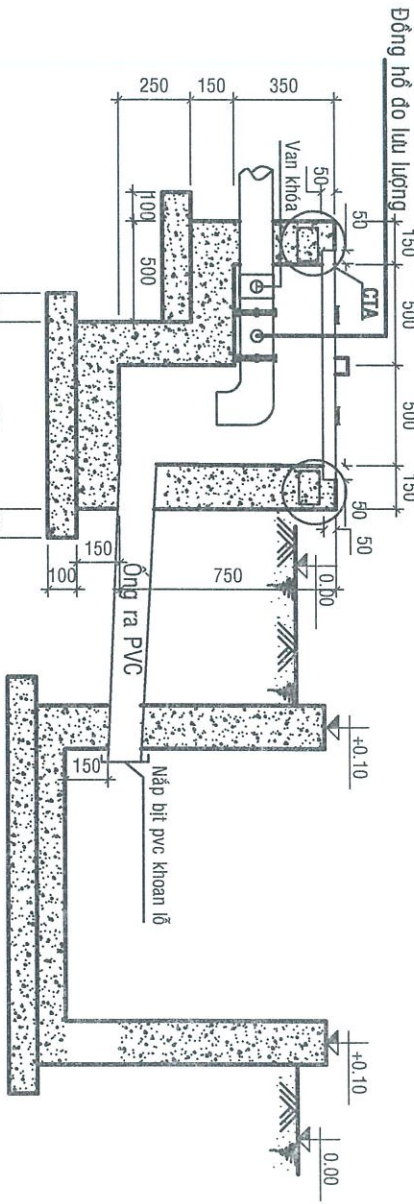
BIÊN BẢN BÀN GIAO MẶT BẰNG ĐẦU NÓI

OU SHUNGUANG

ĐỒ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN
HỖ GA NƯỚC THẢI
BẮC ĐÔNG
V. T. B
V. G. P. H.



MẶT BẰNG VỊ TRÍ XÂY HỒ GA NƯỚC THẢI TL 1/200



MCA - A HỒ GA NT MTV THÀNH NGHIỆP TL 1/10

MC HỒ GA NƯỚC THẢI KCN TL 1/10

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG VỊ TRÍ XÂY HỒ
GA NƯỚC THẢI

CÔNG TRÌNH: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CƠ SỞ HÀ TẦNG KỸ THUẬT
KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐÔNG PHÚ
HÀNG MŨC: HỒ GA NƯỚC THẢI

NGUYỄN VIỆT KHANH
THIẾT KẾ
PHAN ĐỨC TRÍ

CÔNG TY CP KCN BẮC ĐÔNG PHÚ
PHÒNG CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG

ĐỒ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP
TỈNH MTV
GỖ
THÀNH NGHIỆP
H. H. H.
M. S. D. N. 380
1184100-0
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

HOÀN THÀNH: 04 - 2022

BVCN

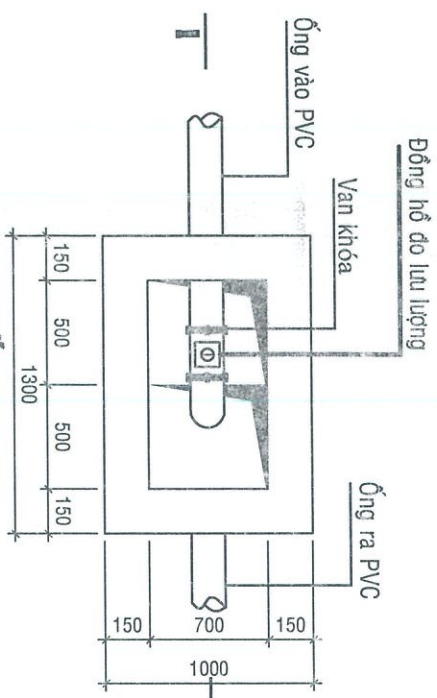
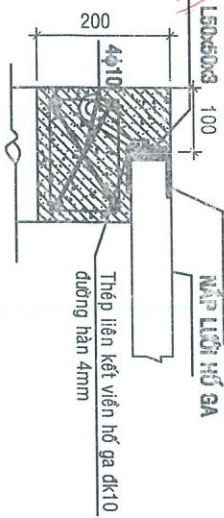
01

01

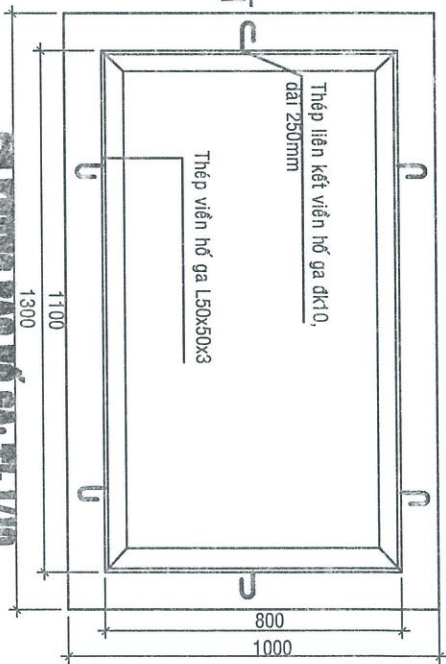
KẾ HOẠCH THI CÔNG CÔNG TRÌNH MẶT BÀN VỊ TRÍ XÂY HỒ GA NƯỚC THẢI



Kích thước thép L50x50x3
 MẶT LƯỚI HỒ GA



MẶT HỒ GA; T.L 1/20



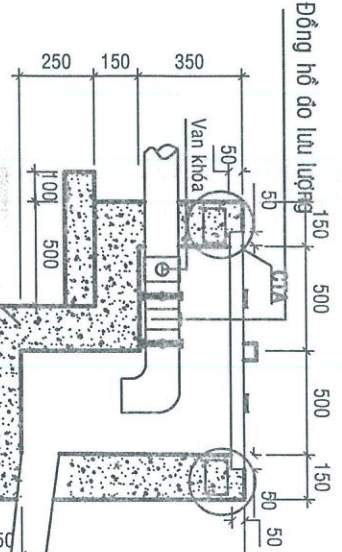
CƠ KIỆN MẶT HỒ GA; T.L 1/10

CƠ KIỆN MẶT HỒ GA; T.L 1/10

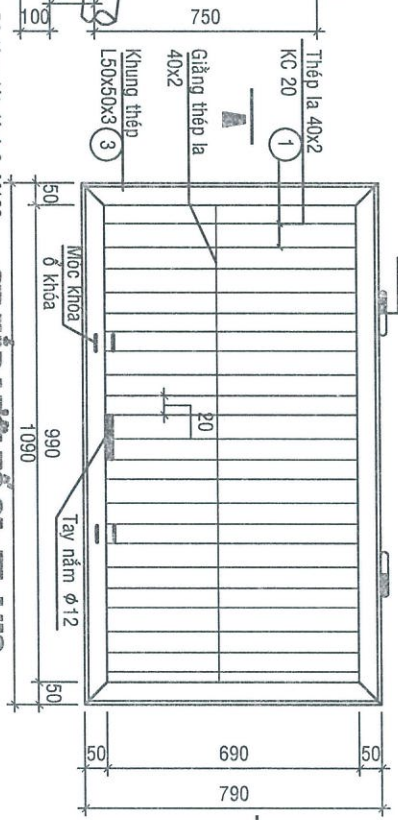


CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHỆP
 CÔNG TY CP KCN BẮC ĐÔNG PHÚ

OU SHUNGUANG



MẶT HỒ GA; T.L 1/20



CƠ KIỆN MẶT HỒ GA; T.L 1/10

Ghi chú:

- Ống đầu vào hồ ga doanh nghiệp sử dụng ống PVC ph ụ thuộc vào tiết diện mà doanh nghiệp lắp đặt. Ống ra sử dụng ống PVC lớn hơn ống đầu vào, phải có độ nghiêng chảy ra hồ ga của KCN và phải có nắp bịt có nhiều lỗ khoan phi 6
- Đồng hồ đo lưu lượng: doanh nghiệp tự tính toán để lắp đặt đồng hồ cho phù hợp.
- Thành hồ ga đổ toàn khối bằng BTCT đá 1x2 M200 và Các cấu kiện bằng thép được sơn 2 lớp chống sét và 2 lớp sơn màu.
- Van khóa: Doanh nghiệp lắp trước đồng hồ và sử dụng van theo kích thước phù hợp.
- Độ sâu hồ ga doanh nghiệp phải cao hơn độ sâu hồ ga của KCN.

TÊN BẢN VẼ	
MẶT BÀN VỊ TRÍ XÂY HỒ GA NƯỚC THẢI	
HOÀN THÀNH:	BVCN
04 - 2022	01

CÔNG TRÌNH: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐÔNG PHÚ
 HÀNG MŨC: HỒ GA NƯỚC THẢI
 NGUYỄN VIỆT KHANH
 THIẾT KẾ
 PHAN ĐỨC TRÍ

BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO

驗收單

Công trình thi công và lắp ráp ống hút bụi và linh kiện đồng bộ đính kèm

- Căn cứ HĐKT số VNTC-TN200925 đã ký ngày 25 tháng 09 năm 2020 giữa công ty TNHH

Tsung Chang International Việt Nam - công ty TNHH một thành viên gỗ Thành Nghiệp

- Căn cứ thực tế thi công tại công trình

Hôm nay, ngày tháng năm 2022, chúng tôi gồm:

今天，2022年 月 日，雙方簽署合約代表

BÊN A : CÔNG TY TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL VIET NAM (Bên bán)

A 方 (賣 方)

Do ông: **LIAO CHIH MING** Chức vụ: **Phó giám đốc**
Địa chỉ: **Số 240, đường D3, KP.1, P. Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.**
Điện thoại: **0274-3610830~1** Fax: **0274-3610832**
Mã số thuế: **3702700110**
Tài khoản: **TAIPEI FUBON COMMERCIAL BANK BINH DUONG BRANCH**
Số tài khoản: **960880012388 USD/VND**

BÊN B : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP (Bên mua)

B 方 (買 方)

Người đại diện: **OU SHUNGUANG** Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ: **Lô K1 đến K8, 1 phần K9, lô K10, K11, Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú**
Thị trấn Tân Phú, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Điện thoại: Fax:
Mã số thuế: **3801184160**
Tài khoản:
Số tài khoản:

Sau khi kiểm tra tình hình thực hiện thực tế tại công trình, hai bên cùng thống nhất nghiệm thu

bàn giao công trình như sau:

在工程的事實情況檢查後，雙方同意驗收工程如下：

ĐIỀU 1 : Nội dung công việc

第一條：內容如下：

STT	Ký hiệu 次序	Chi tiết 明細	Số lượng 數量	Đơn vị 單位
Hệ thống hút bụi và linh kiện đồng bộ				
1	TCP-916-100-FRE	Quạt hút bụi TCP-916-100-FRE 100HP抽風機含變頻馬達	4	SET
2	TCP-838-30	Quạt hút bụi TCP-838-30HP 30HP抽風機含馬達	1	SET
3	CAT-1400A	Hệ thống cyclone 1400A 旋風式集塵器含鐵架 1400mm	1	SET
4	T-260U9	Thùng vuông túi vải T-260U9 袋式集塵機 濾袋 6m	2	SET
5	T-66V5	Thùng vuông túi vải T-66V5 袋式集塵機 濾袋 4m	1	SET
6	RAT-3A	Máy quay xuống liệu RAT-3A 翻轉閘含馬達減速機	1	SET
7	RAT-3	Máy quay xuống liệu RAT-3 翻轉閘含馬達減速機	5	SET
8	FRE-100HP*2	Tủ điện biến tần 100HP*2 Tủ 變頻啟動器, 100HP*2組	2	SET
9	AC-Y△-22KW	Hệ thống điều khiển motor 30HP Y△馬達啟動器, 30HP	1	UNIT

STT	Ký hiệu 次序	Chi tiết 明細	Số lượng 數量	Đơn vị 單位
10	LDR-GIR-IX-0100	Ống xoắn Φ 100 鍍鋅直螺旋管0.6MM-100MM	32.9	M
11	LDR-GIR-IX-0125	Ống xoắn Φ 125 鍍鋅直螺旋管0.6MM-125MM	44.1	M
12	LDR-GIR-IX-0150	Ống xoắn Φ 150 鍍鋅直螺旋管0.6MM-150MM	37.1	M
13	LDR-GIR-IX-0180	Ống xoắn Φ 180 鍍鋅直螺旋管0.6MM-180MM	14.4	M
14	LDR-GIR-IX-0200	Ống xoắn Φ 200 鍍鋅直螺旋管0.6MM-200MM	18.3	M
15	LDR-GIR-IX-0225	Ống xoắn Φ 225 鍍鋅直螺旋管0.6MM-225MM	19.2	M
16	LDR-GIR-IX-0250	Ống xoắn Φ 250 鍍鋅直螺旋管0.6MM-250MM	34.9	M
17	LDR-GIR-IX-0300	Ống xoắn Φ 300 鍍鋅直螺旋管0.8MM-300MM	62.3	M
18	LDR-GIR-IX-0350	Ống xoắn Φ 350 鍍鋅直螺旋管0.8MM-350MM	108	M
19	LDR-GIR-IX-0400	Ống xoắn Φ 400 鍍鋅直螺旋管0.8MM-400MM	36.8	M
20	LDR-GIR-IX-0450	Ống xoắn Φ 450 鍍鋅直螺旋管0.8MM-450MM	35.6	M
21	LDR-GIR-IX-0500	Ống xoắn Φ 500 鍍鋅直螺旋管0.8MM-500MM	42.5	M
22	LDR-GIR-IX-0550	Ống xoắn Φ 550 鍍鋅直螺旋管0.8MM-550MM	46.9	M
23	LDR-GIR-IX-0600	Ống xoắn Φ 600 鍍鋅直螺旋管0.8MM-600MM	153	M
24	LDR-GIR-IX-0650	Ống xoắn Φ 650 鍍鋅直螺旋管0.8MM-650MM	41.5	M
25	LDR-GIR-IX-0750	Ống xoắn Φ 750 鍍鋅直螺旋管1.0MM-750MM	29.4	M
26	LDR-GIR-IX-0900	Ống xoắn Φ 900 鍍鋅直螺旋管1.0MM-900MM	48.4	M
27	LDY-GI-M0100-90°	Co 90° 100MM 彎管 Φ 100 mm , 90°	9	PC
28	LDY-GI-M0125-90°	Co 90° 125MM 彎管 Φ 125 mm , 90°	13	PC
29	LDY-GI-M0150-90°	Co 90° 150MM 彎管 Φ 150 mm , 90°	11	PC
30	LDY-GI-M0180-90°	Co 90° 180MM 彎管 Φ 180 mm , 90°	4	PC
31	LDY-GI-M0200-90°	Co 90° 200MM 彎管 Φ 200 mm , 90°	8	PC
32	LDY-GI-M0225-90°	Co 90° 225MM 彎管 Φ 225 mm , 90°	4	PC
33	LDY-GI-M0250-90°	Co 90° 250MM 彎管 Φ 250 mm , 90°	9	PC
34	LDY-GI-M0300-90°	Co 90° 300MM 彎管 Φ 300 mm , 90°	9	PC
35	LDY-GI-M0350-90°	Co 90° 350MM 彎管 Φ 350 mm , 90°	15	PC
36	LDY-GI-M0450-90°	Co 90° 450MM 彎管 Φ 450 mm , 90°	2	PC
37	LDY-GI-M0500-90°	Co 90° 500MM 彎管 Φ 500 mm , 90°	2	PC
38	LDY-GI-M0550-90°	Co 90° 550MM 彎管 Φ 550 mm , 90°	2	PC
39	LDY-GI-M0600-90°	Co 90° 600MM 彎管 Φ 600 mm , 90°	11	PC
40	LDY-GI-M0650-90°	Co 90° 650MM 彎管 Φ 650 mm , 90°	2	PC

STT	Ký hiệu 次序	Chi tiết 明細	Số lượng 數量	Đơn vị 單位
41	LDY-GI-M0750-90°	Co 90° 750MM 彎管 ϕ 750 mm , 90°	2	PC
42	LDY-GI-M0900-90°	Co 90° 900MM 彎管 ϕ 900 mm , 90°	12	PC
43	LDY-GI-M0100-60°	Co 60° 100MM 彎管 ϕ 100 mm , 60°	5	PC
44	LDY-GI-M0125-60°	Co 60° 125MM 彎管 ϕ 125 mm , 60°	8	PC
45	LDY-GI-M0150-60°	Co 60° 150MM 彎管 ϕ 150 mm , 60°	7	PC
46	LDY-GI-M0180-60°	Co 60° 180MM 彎管 ϕ 180 mm , 60°	3	PC
47	LDY-GI-M0200-60°	Co 60° 200MM 彎管 ϕ 200 mm , 60°	2	PC
48	LDY-GI-M0225-60°	Co 60° 225MM 彎管 ϕ 225 mm , 60°	1	PC
49	LDY-GI-M0250-60°	Co 60° 250MM 彎管 ϕ 250 mm , 60°	4	PC
50	LDY-GI-M0300-60°	Co 60° 300MM 彎管 ϕ 300 mm , 60°	3	PC
51	LDY-GI-M0350-60°	Co 60° 350MM 彎管 ϕ 350 mm , 60°	2	PC
52	LDY-GI-M0500-60°	Co 60° 500MM 彎管 ϕ 500 mm , 60°	1	PC
53	LDY-GI-M0600-60°	Co 60° 600MM 彎管 ϕ 600 mm , 60°	4	PC
54	LDY-GI-M0125-45°	Co 45° 125MM 彎管 ϕ 125 mm , 45°	1	PC
55	LDY-GI-M0350-45°	Co 45° 350MM 彎管 ϕ 350 mm , 45°	4	PC
56	LDY-GI-M0500-45°	Co 45° 500MM 彎管 ϕ 500 mm , 45°	2	PC
57	LDY-GI-M0550-45°	Co 45° 550MM 彎管 ϕ 550 mm , 45°	2	PC
58	LDY-GI-M0600-45°	Co 45° 600MM 彎管 ϕ 600 mm , 45°	2	PC
59	LDY-GI-M0650-45°	Co 45° 650MM 彎管 ϕ 650 mm , 45°	2	PC
60	LDY-GI-M0750-45°	Co 45° 750MM 彎管 ϕ 750 mm , 45°	2	PC
61	LDY-GI-M0225-30°	Co 30° 225MM 彎管 ϕ 225 mm , 30°	1	PC
62	LDY-GI-M0300-30°	Co 30° 300MM 彎管 ϕ 300 mm , 30°	1	PC
63	LDY-GI-M0350-30°	Co 30° 350MM 彎管 ϕ 350 mm , 30°	1	PC
64	LDY-GI-M0450-30°	Co 30° 450MM 彎管 ϕ 450 mm , 30°	1	PC
65	LDY-GI-M0300-15°	Co 15° 300MM 彎管 ϕ 300 mm , 30°	1	PC
66	200>150y150	Ổng nhánh 200>150y150 縮小管含斜叉管	1	PC
67	250>150y150	Ổng nhánh 250>150y150 縮小管含斜叉管	1	PC
68	250>200y150	Ổng nhánh 250>200y150 縮小管含斜叉管	1	PC
69	300>225y200	Ổng nhánh 300>225y200 縮小管含斜叉管	2	PC
70	300>250y125	Ổng nhánh 300>250y125 縮小管含斜叉管	1	PC
71	350>150y300	Ổng nhánh 350>150y300 縮小管含斜叉管	1	PC

STT	Ký hiệu 次序	Chi tiết 明細	Số lượng 數量	Đơn vị 單位
72	350>250y125	Ống nhánh 350>250y125 縮小管含斜叉管	1	PC
73	350>250y225	Ống nhánh 350>250y225 縮小管含斜叉管	1	PC
74	350>250y250	Ống nhánh 350>250y250 縮小管含斜叉管	1	PC
75	350>300y200	Ống nhánh 350>300y200 縮小管含斜叉管	1	PC
76	400>350y180	Ống nhánh 400>350y180 縮小管含斜叉管	1	PC
77	400>250y250	Ống nhánh 400>250y250 縮小管含斜叉管	1	PC
78	450>250y350	Ống nhánh 450>250y350 縮小管含斜叉管	1	PC
79	450>300y300	Ống nhánh 450>300y300 縮小管含斜叉管	2	PC
80	450>350y225	Ống nhánh 450>350y225 縮小管含斜叉管	1	PC
81	450>400y125	Ống nhánh 450>400y125 縮小管含斜叉管	1	PC
82	500>400y300	Ống nhánh 500>400y300 縮小管含斜叉管	1	PC
83	500>450y100	Ống nhánh 500>450y100 縮小管含斜叉管	1	PC
84	500>450y200	Ống nhánh 500>450y200 縮小管含斜叉管	1	PC
85	500>450y300	Ống nhánh 500>450y300 縮小管含斜叉管	1	PC
86	550>450y300	Ống nhánh 550>450y300 縮小管含斜叉管	1	PC
87	550>450y350	Ống nhánh 550>450y350 縮小管含斜叉管	1	PC
88	550>500y125	Ống nhánh 550>500y125 縮小管含斜叉管	1	PC
89	550>500y200	Ống nhánh 550>500y200 縮小管含斜叉管	1	PC
90	600>400y500	Ống nhánh 600>400y500 縮小管含斜叉管	1	PC
91	600>500y300	Ống nhánh 600>500y300 縮小管含斜叉管	1	PC
92	600>550y180	Ống nhánh 600>550y180 縮小管含斜叉管	1	PC
93	600>550y300	Ống nhánh 600>550y300 縮小管含斜叉管	1	PC
94	750>650y450	Ống nhánh 750>650y450 縮小管含斜叉管	1	PC
95	400>300y180y125	Ống nhánh 400>300y180y125 縮小管含斜叉管	1	PC
96	400>350y125y125	Ống nhánh 400>350y125y125 縮小管含斜叉管	1	PC
97	500>350y350y125	Ống nhánh 500>350y350y125 縮小管含斜叉管	1	PC
98	650>550y250y225	Ống nhánh 650>550y250y225 縮小管含斜叉管	1	PC
99	650>600y180y100	Ống nhánh 650>600y180y100 縮小管含斜叉管	1	PC
100	250y100	Ống thẳng có nhánh 250y100 直插管	1	PC
101	250y150	Ống thẳng có nhánh 250y150 直插管	2	PC
102	400y125	Ống thẳng có nhánh 400y125 直插管	1	PC

STT	Ký hiệu 次序	Chi tiết 明細	Số lượng 數量	Đơn vị 單位
103	450y100	Ống thẳng có nhánh 450y100 直插管	2	PC
104	500y100	Ống thẳng có nhánh 500y100 直插管	3	PC
105	550y200	Ống thẳng có nhánh 550y200 直插管	1	PC
106	600y100	Ống thẳng có nhánh 600y100 直插管	1	PC
107	150>100-2	Nhánh hút bụi 150>100-2 分叉管150反100-2孔	3	PC
108	150>100-2 D	Nhánh hút bụi 150>100-2 D 分叉管150反100-2孔 含風門	4	PC
109	180>100-4	Nhánh hút bụi 180>100-4 分叉管180反100-4孔	1	PC
110	180>125-2	Nhánh hút bụi 180>125-2 分叉管180反125-2孔	1	PC
111	180>125-2 D	Nhánh hút bụi 180>125-2 D 分叉管180反125-2孔 含風門	1	PC
112	200>100-4	Nhánh hút bụi 200>100-4 分叉管200反100-4孔	3	PC
113	250>125-4 D	Nhánh hút bụi 250>125-4 D 分叉管250反125-4孔 含風門	2	PC
114	250>150-3	Nhánh hút bụi 250>150-3 分叉管250反125-3孔	1	PC
115	300>150-4	Nhánh hút bụi 300>150-4 分叉管300反150-4孔	1	PC
116	300>125-4	Nhánh hút bụi 300>125-4 分叉管350反125-4孔	4	PC
117	350>125-6	Nhánh hút bụi 350>125-6 分叉管350反125-6孔	1	PC
118	200>150-1+100-1	Nhánh hút bụi 200>150-1+100-1 分叉管200反150-1孔100-1孔	3	PC
119	225>150-2+100-1	Nhánh hút bụi 225>150-2+100-1 分叉管225反150-2孔100-1孔	3	PC
120	225>125-1+100-2	Nhánh hút bụi 225>125-1+100-2 分叉管225反125-1孔100-2孔	1	PC
121	300>200-2+125-1	Nhánh hút bụi 300>200-2+125-1 分叉管300反200-2孔125-1孔	1	PC
122	300>200-2+125-11	Nhánh hút bụi 300>200-2+125-11 分叉管300反200-2孔125-11孔	2	PC
123	350>200-3+150-1	Nhánh hút bụi 350>200-3+150-1 分叉管350反200-3孔150-1孔	1	PC
124	TAP-180-150	Đầu lớn đầu nhỏ 縮小管, $\phi 180\text{mm} > \phi 150\text{mm}$	1	PC
125	TAP-300-180	Đầu lớn đầu nhỏ 縮小管, $\phi 300\text{mm} > \phi 180\text{mm}$	1	PC
126	TAP-400-350	Đầu lớn đầu nhỏ 縮小管, $\phi 400\text{mm} > \phi 350\text{mm}$	2	PC
127	TAP-600-350	Đầu lớn đầu nhỏ 縮小管, $\phi 600\text{mm} > \phi 350\text{mm}$	1	PC
128	TAP-600-450	Đầu lớn đầu nhỏ 縮小管, $\phi 600\text{mm} > \phi 450\text{mm}$	1	PC
129	LDC-300-1	Tay kéo cửa sau 300-1 汽控式風閘 $\phi 300\text{mm}$, SS41	1	UNIT
130	LDC-350-1	Tay kéo cửa sau 350-1 汽控式風閘 $\phi 350\text{mm}$, SS41	1	UNIT
131	LDC-0550-2	Tay kéo cửa sau 550-1 汽控式風閘, $\phi 0550$, SS41	1	UNIT
132	LDC-0600-2	Tay kéo cửa sau 600-1 汽控式風閘, $\phi 0600$, SS41	3	UNIT
133	LDC-0650-2	Tay kéo cửa sau 650-1 汽控式風閘, $\phi 0650$, SS41	1	UNIT

STT	Ký hiệu 次序	Chi tiết 明細	Số lượng 數量	Đơn vị 單位
134	LDC-0750-2	Tay kéo cửa sau 750-l 汽控式風閘, Φ 0750, SS41	1	UNIT
135	XE-UP	Phí xe cầu 吊車	5	SET
136	WIRE-IN-	Dây điện từ máy đến hệ thống hút bụi 安裝電控制器第二次配線及線槽	5	SET
137	CTH-P	Linh kiện khác (Khóa rộng, đai ống, bù lon, tăng dơ, ốc siết cáp,...) 其他雜項 (鋼索 法蘭 束圈 運費 等)	1	SET
138	WRK-P	Phí thi công 安裝工資	1	SET

ĐIỀU II: KẾT LUẬN

第二條：結論

- Công trình đã được thi công theo đúng yêu cầu của bên B, hai bên đồng ý nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình nêu trên.
工程於B方的要求下拖工完成，雙方同意驗收全部工程。
- Biên bản này được lập thành 2 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.
本收據分作兩份，每方兩分，具有同樣的法律效力。

BÊN A (A 方)
CTY TNHH TSUNG CHANG INTERNATIONAL VIET NAM



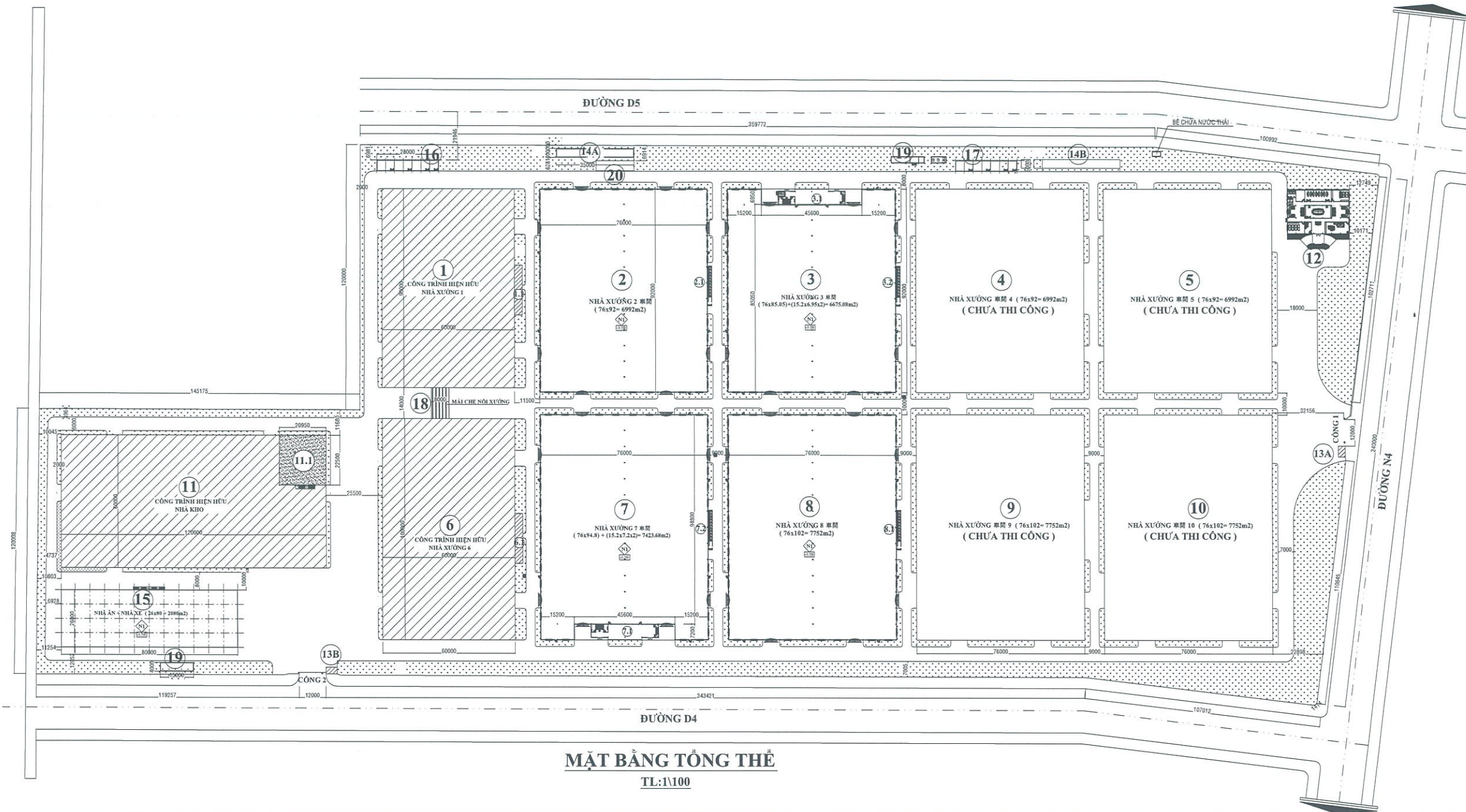
LIAO CHIH MING

BÊN B (B 方)
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP



GONG JIA BING





MẶT BẰNG TỔNG THỂ
TL: 1/100

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG					CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG					CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG					BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT								
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)	DT. SÀN 地板面积 (m ²)	STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)	DT. SÀN 地板面积 (m ²)	STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)	DT. SÀN 地板面积 (m ²)	STT	LOẠI ĐẤT 地种	DTSD ĐẤT 使用土地 (m ²)	MẬT ĐỘ 比率 (%)		
		DÀI 长	RỘNG 宽					DÀI 长	RỘNG 宽					DÀI 长	RỘNG 宽								
①	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑥	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑪	NHÀ KHO HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	120	60	7200	7200	1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136	100		
①.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑥.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑪.1	GÁC SÀN TRONG NHÀ KHO (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	22.5	20.95	471.375	471.375	2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	80996.1	64.73		
②	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑦	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑫	NHÀ VÂN PHÒNG (ĐÃ CẤP PHÉP)	50	18	931.5	1863	3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25052.23	20.02		
②	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992	⑦	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2				⑫	NHÀ VÂN PHÒNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	28	20			587	2267	4.	DIỆN TÍCH SÂN BÀI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	19087.67	15.25
②.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑦.1	NHÀ VÂN PHÒNG XƯỞNG 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28	422.56	⑬A	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3					15	15		
③	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑦.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑬B	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15	15	A CÂY XANH 绿化 B SÀN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO C DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG ĐÃ CẤP PHÉP D CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU					
③	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x85.05)+(15.2x6.95x2)=6675.08m2				⑧	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑭A	BỂ PCCC HIỆN HỮU (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140	560m3						
③.1	NHÀ VÂN PHÒNG XƯỞNG 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28	422.56	⑧	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑭B	BỂ PCCC (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140	560m3						
③.2	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑧.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑮	NHÀ ĂN + NHÀ XE . SL: 2 NHÀ (ĐÃ CẤP PHÉP)	60	20	1200	2400						
③.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑧.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑮	NHÀ ĂN + NHÀ XE . SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	60	20	1200	2400						
④	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑨	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑯	NHÀ PHỤ TRỢ 辅房 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140	140						
④	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992	⑨	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑰	NHÀ PHỤ TRỢ 辅房 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140	140						
④.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑨.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑱	MÁI CHE LỐI ĐI NỘI XƯỞNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	8	14	112	112						
④.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑩	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑲	BỂ XLNT SL: 2 CẢI (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	15	3	45	135m3						
⑤	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑩	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑳	NHÀ HÚT BỤI 木灰房 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	17	4.58	77.86	77.86						
⑤	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992																		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

M.S.D.N: 3011800000
CÔNG TY TNHH MTV
GỖ THÀNH NGHIỆP
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

KTP
KIẾN THÀNH PHÁT CO.,LTD

ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TEL.: 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

M.S.D.N: 3011800000
CÔNG TY TNHH MTV
TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT
TP. HỒ CHÍ MINH

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

LOẠI HỒ SƠ

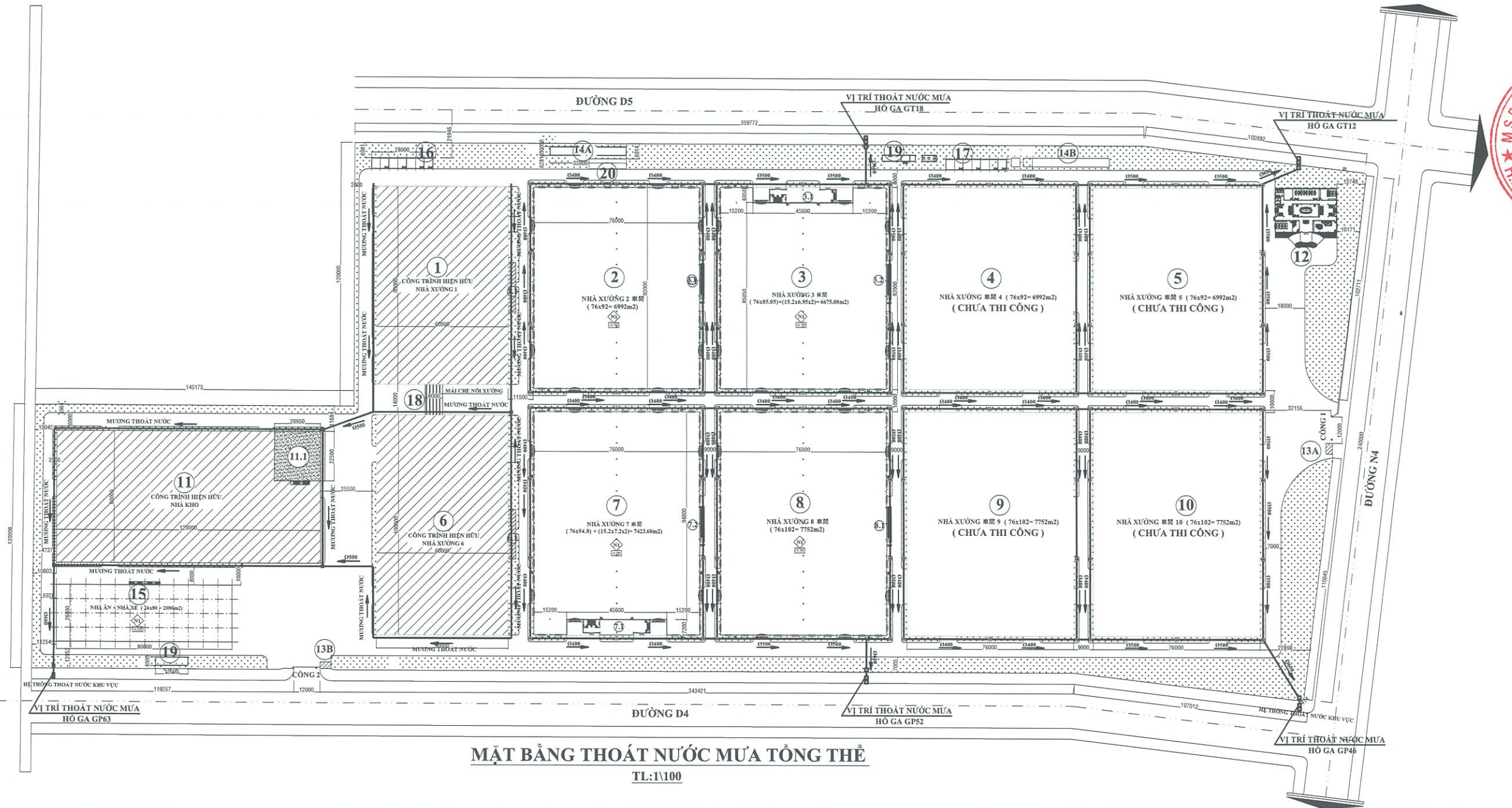
XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KỶ HIỆU BẢN VẼ

KT
01/03

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ
TL:1\100

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG						CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG						CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG						BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT					
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m²)	DT. SÀN 地板面积 (m²)	STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m²)	DT. SÀN 地板面积 (m²)	STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m²)	DT. SÀN 地板面积 (m²)	STT	LOẠI ĐẤT 地种	DTSD ĐẤT 使用土地 (m²)	MẬT ĐỘ 比率 (%)		
		ĐÀI 长	RỘNG 宽					ĐÀI 长	RỘNG 宽					ĐÀI 长	RỘNG 宽								
①	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑥	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑪	NHÀ KHO HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	120	60	7200	7200	1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136	100		
①.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑥.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑪.1	GÁC SÀN TRONG NHÀ KHO (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	22.5	20.95	471.375	471.375	2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	80996.1	64.73		
②	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑦	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑫	NHÀ VĂN PHÒNG (ĐÃ CẤP PHÉP)	50	18	931.5	1863	3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25052.23	20.02		
②	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992	⑦	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2				⑫	NHÀ VĂN PHÒNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	7	4.5			587	2267	4.	DIỆN TÍCH SÂN BÀI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	19087.67	15.25
②.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑦.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28	422.56	⑬A	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3					15	15		
③	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑦.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑬B	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15	15	A CÂY XANH 绿化 B SÀN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO C DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG ĐÃ CẤP PHÉP D CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU					
③	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x85.05)+(15.2x6.95x2)=6675.08m2				⑧	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑭A	BỂ PCCC HIỆN HỮU (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140	560m3						
③.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28	422.56	⑧	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑭B	BỂ PCCC (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140	560m3						
③.2	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑧.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑮	NHÀ ĂN + NHÀ XE . SL: 2 NHÀ (ĐÃ CẤP PHÉP)	60	20	1200	2400						
③.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑧.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑮	NHÀ ĂN + NHÀ XE. SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	60	20	1200	2400						
④	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑨	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑯	NHÀ PHỤ TRỢ 辅房 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140	140						
④	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992	⑨	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑰	NHÀ PHỤ TRỢ 辅房 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140	140						
④.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑨.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑱	MÁI CHE LỐI ĐI NỘI XƯỞNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	8	14	112	112						
④.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑩	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑲	BỂ XLNT SL: 2 CÁI (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	15	3	45	135m3						
⑤	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑩	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑳	NHÀ HÚT BỤI 水灰房 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	17	4.58	77.86	77.86						
⑤	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992																		

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

H. ĐÔNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT

KTP

KIẾN THÀNH PHÁT CO.,LTD

ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI - KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC MỚI, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TELL : 0986171391

EMAIL: xdkt@kienthaphat@gmail.com

NGƯỜI DẪN

TU VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT

THỦ DẪN MỘT-T.BÌNH DƯƠNG

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

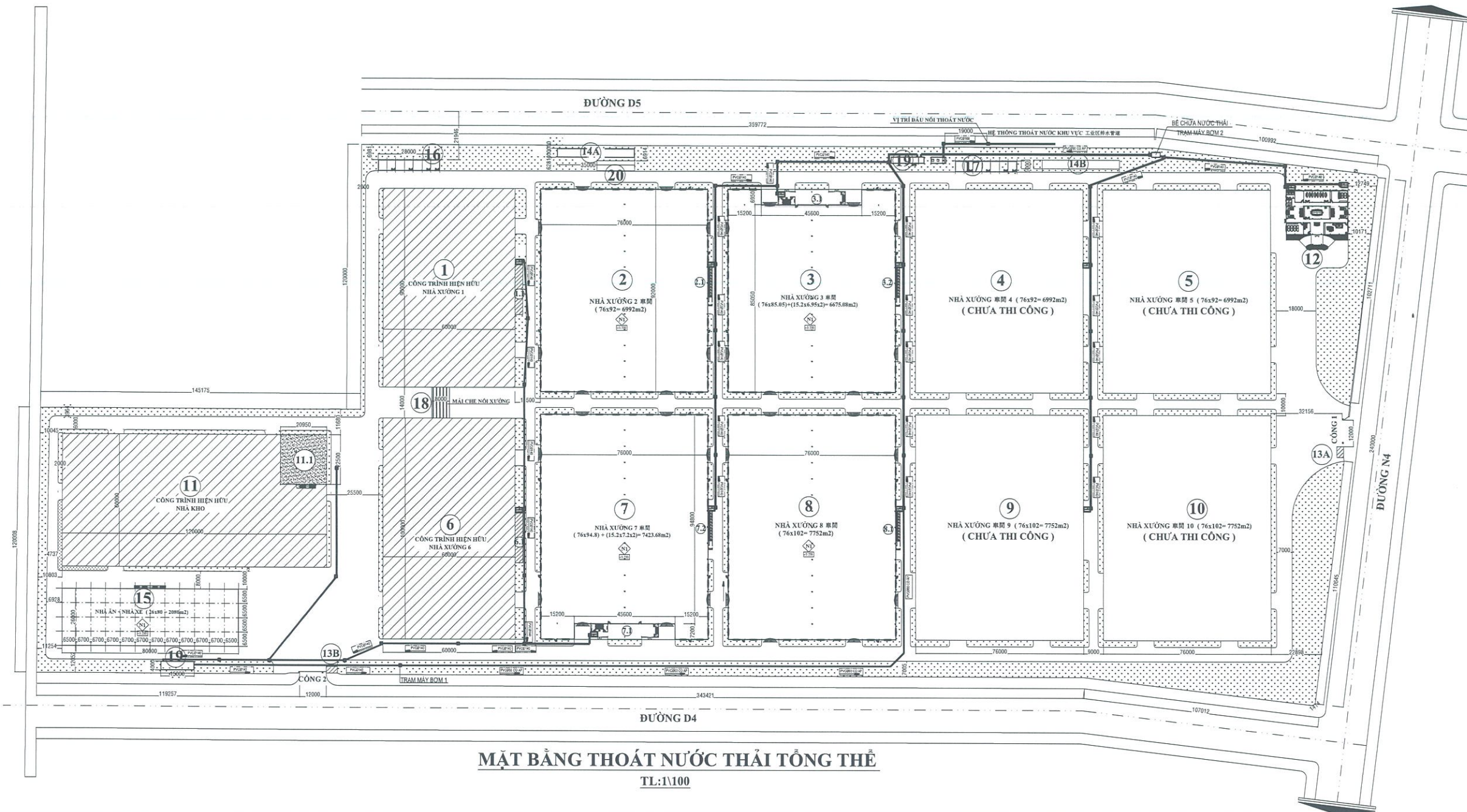
KỶ HIỆU BẢN VẼ

KT

02/03

NGÀY HOÀN THÀNH

...../2022



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ
TL:1\100

CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG						CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG						CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG						BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT				
STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)	DT. SÂN 地板面积 (m ²)	STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)	DT. SÂN 地板面积 (m ²)	STT	HẠNG MỤC 项目	KÍCH THƯỚC 尺寸		DTXD 建筑面积 (m ²)	DT. SÂN 地板面积 (m ²)	STT	LOẠI ĐẤT 地种		DTSD ĐẤT 使用土地 (m ²)	MẬT ĐỘ 比率 (%)
		ĐÀI 长	RỘNG 宽					ĐÀI 长	RỘNG 宽					ĐÀI 长	RỘNG 宽							
①	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑥	NHÀ XƯỞNG 1 HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑪	NHÀ KHO HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	120	60	7200	7200	1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136	100	
①.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑥.1	WC NAM + NỮ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑪.1	GÁC SÀN TRONG NHÀ KHO (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	22.5	20.95	471.375	471.375	2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	80996.1	64.73	
②	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑦	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑫	NHÀ VĂN PHÒNG (ĐÃ CẤP PHÉP)	50	18	931.5	1863	3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25052.23	20.02	
②	NHÀ XƯỞNG 車間 2 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992	⑦	NHÀ XƯỞNG 車間 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x94.8)+(15.2x7.2x2)=7423.68m2				⑫	NHÀ VĂN PHÒNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	28	20	587	2267	4.	DIỆN TÍCH SÂN BÃI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	19087.67	15.25	
②.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑦.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 7 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28	422.56	⑬A	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15	15	A CÂY XANH 绿化 B SÂN LỬNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO C DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG ĐÃ CẤP PHÉP D CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU				
③	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑦.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑬B	NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU (ĐÃ CẤP PHÉP)	5	3	15	15					
③	NHÀ XƯỞNG 車間 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	(76x85.05)+(15.2x6.95x2)=6675.08m2				⑧	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑭A	BỂ PCCC HIỆN HỮU (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140	560m3					
③.1	NHÀ VĂN PHÒNG XƯỞNG 3 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	30.4	6.95	211.28	422.56	⑧	NHÀ XƯỞNG 車間 8 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑭B	BỂ PCCC (35x4x4=560m3) (ĐÃ CẤP PHÉP)	35	4	140	560m3					
③.2	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑧.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑮	NHÀ ĂN + NHÀ XE . SL: 2 NHÀ (ĐÃ CẤP PHÉP)	60	20	1200	2400					
③.2	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑧.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑮	NHÀ ĂN + NHÀ XE. SL: 1 NHÀ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	60	20	1200	2400					
④	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑨	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑯	NHÀ PHỤ TRỢ 辅房 1 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140	140					
④	NHÀ XƯỞNG 車間 4 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992	⑨	NHÀ XƯỞNG 車間 9 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑰	NHÀ PHỤ TRỢ 辅房 2 (ĐÃ CẤP PHÉP)	28	5	140	140					
④.1	WC NAM + NỮ (ĐÃ CẤP PHÉP)	22.5	3.5	78.75	78.75	⑨.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑱	MÁI CHE LỐI ĐI NỘI XƯỞNG (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	8	14	112	112					
④.1	WC NAM + NỮ (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	18	2	36	36	⑩	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (ĐÃ CẤP PHÉP)	100	60	6000	6000	⑲	BỂ XLNT SL: 2 CÁI (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	15	3	45	135m3					
⑤	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (ĐÃ CẤP PHÉP)	90	60	5400	5400	⑩	NHÀ XƯỞNG 車間 10 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	102	76	7752	7752	⑳	NHÀ HÚT BỤI 木灰房 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	17	4.58	77.86	77.86					
⑤	NHÀ XƯỞNG 車間 5 (XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH)	92	76	6992	6992																	

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY
TNHH MTV
GỖ
THÀNH NGHIỆP
H. ĐÔNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ ĐẦU MỘT TỈNH BÌNH DƯƠNG
TEL : 0986171397
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC
TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT
THỦ ĐẦU MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THANH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT
03/03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT**

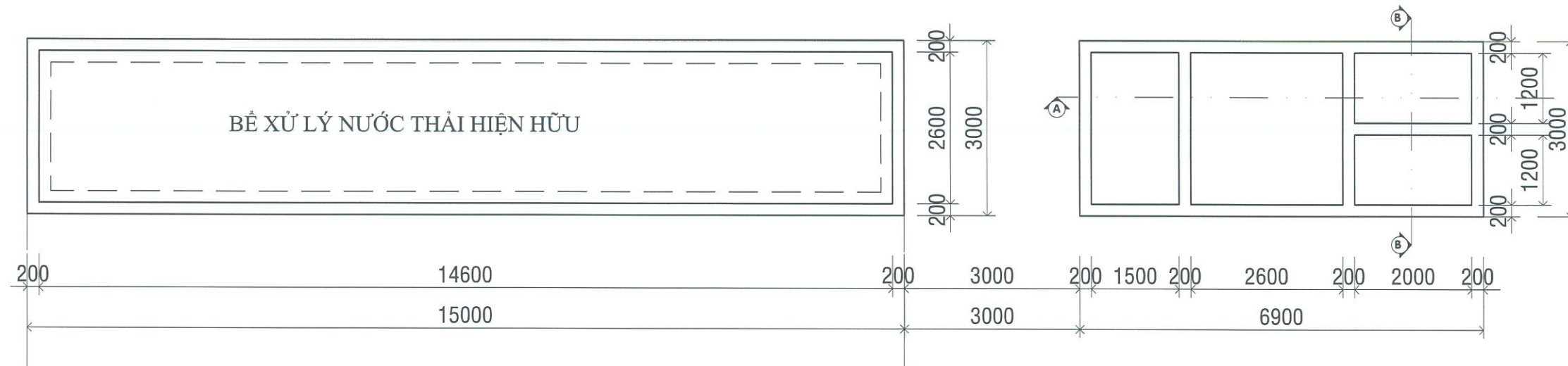


HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (6.9x3x4.8)m

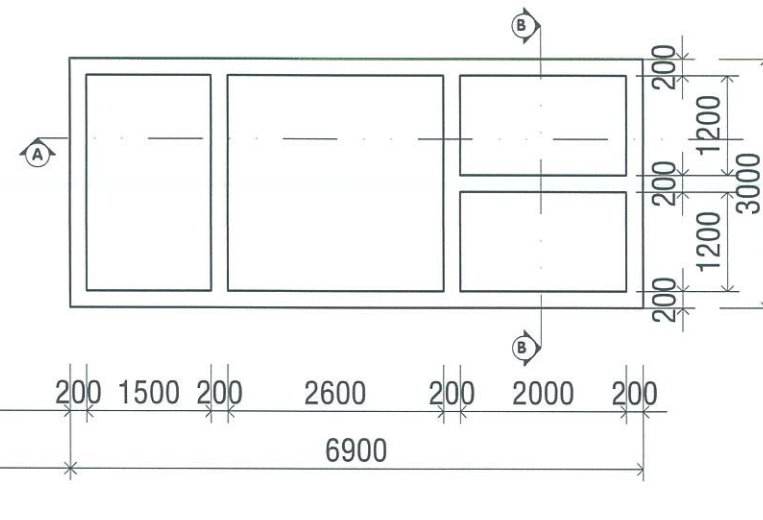
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

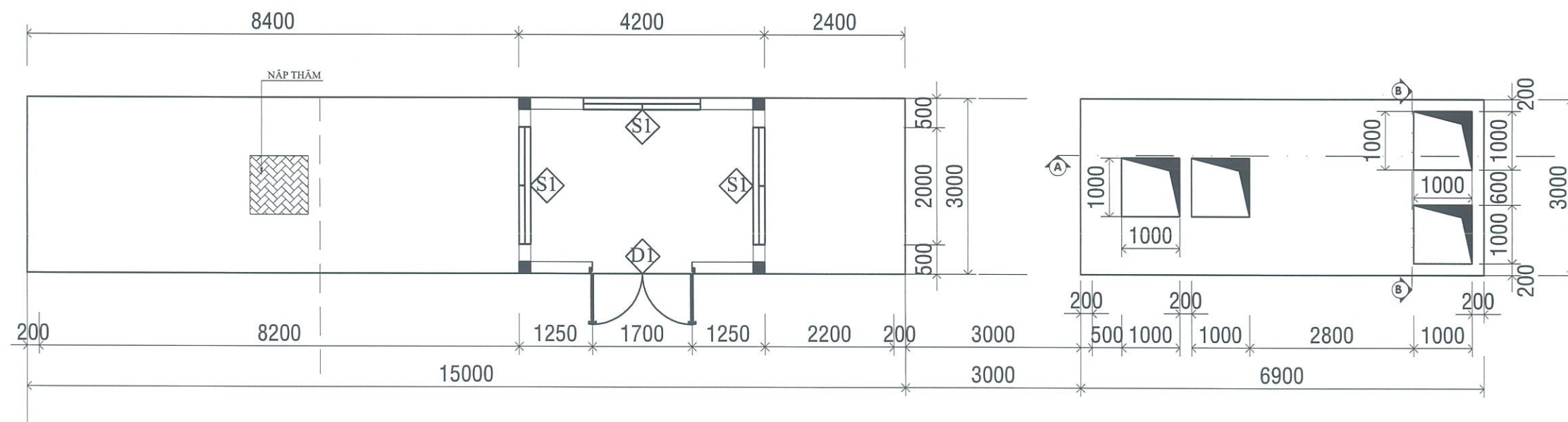
BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



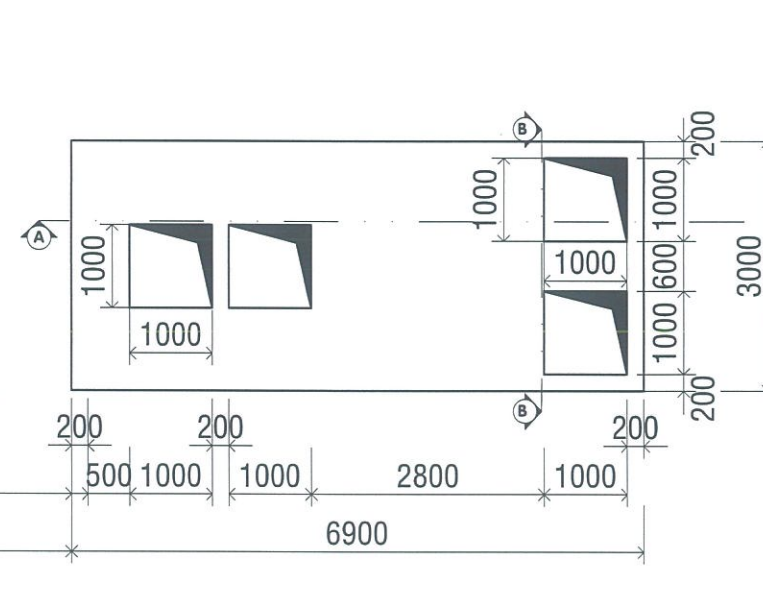
MẶT BẰNG ĐÁY BỂ



MẶT BẰNG ĐÁY BỂ 池底平面

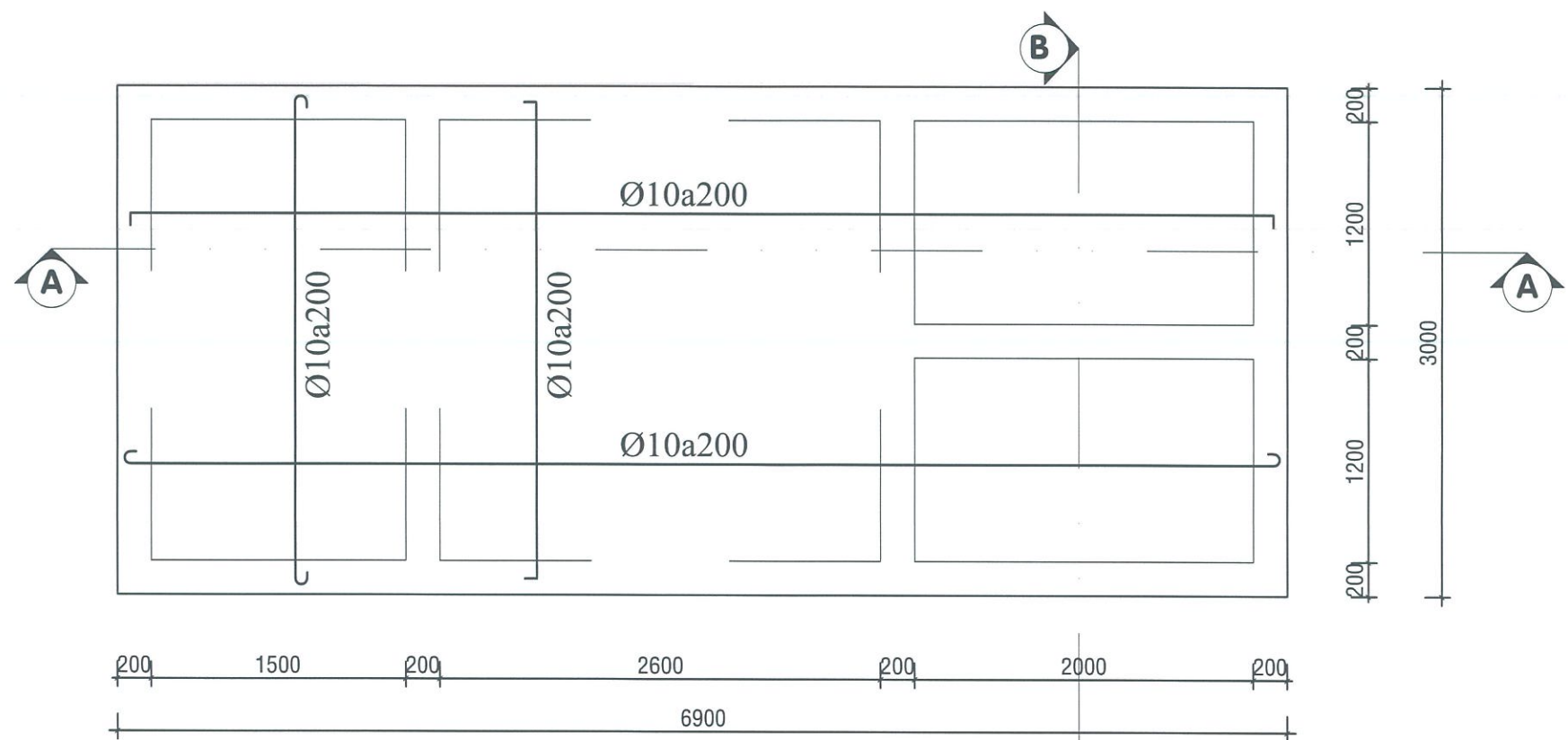


MẶT BẰNG NẮP BỂ

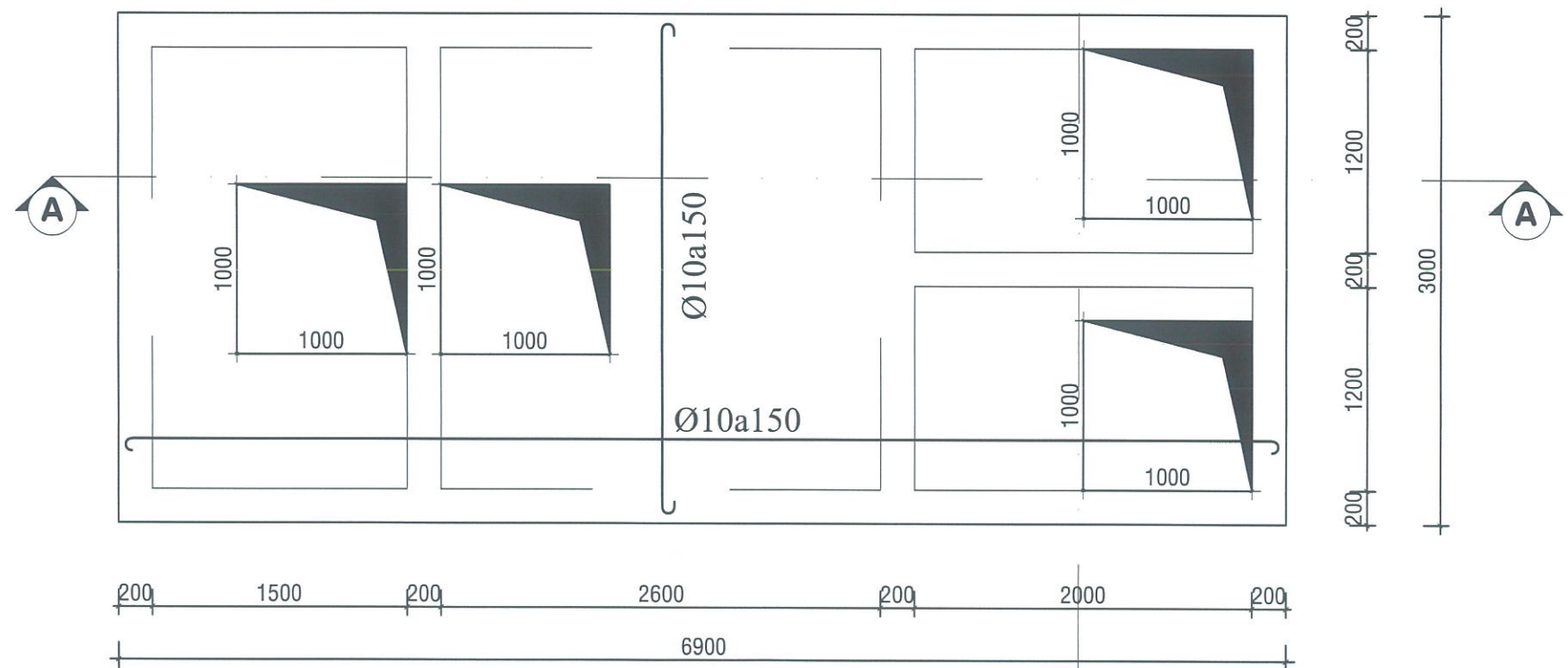


MẶT BẰNG NẮP BỂ 池底平面

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN	
GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -	
KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,	
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
H. ĐỒNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG	
KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,	
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TELL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	
THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH	
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -	
KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,	
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MB ĐÁY MÓNG	
MB NẮP BỂ	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH	KT
...../2022	01/04



MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ 池底平面



MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ 池底平面

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

GỖ

THÀNH NGHIỆP

PHÚ-T. BÌNH PHƯỚC

H. ĐÔNG PHÚ

TT. TÂN PHÚ

T. BÌNH PHƯỚC

V. NAM

OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG

KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG

THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH

MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MB THÉP ĐÁY BỂ

MB THÉP NẮP BỂ

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

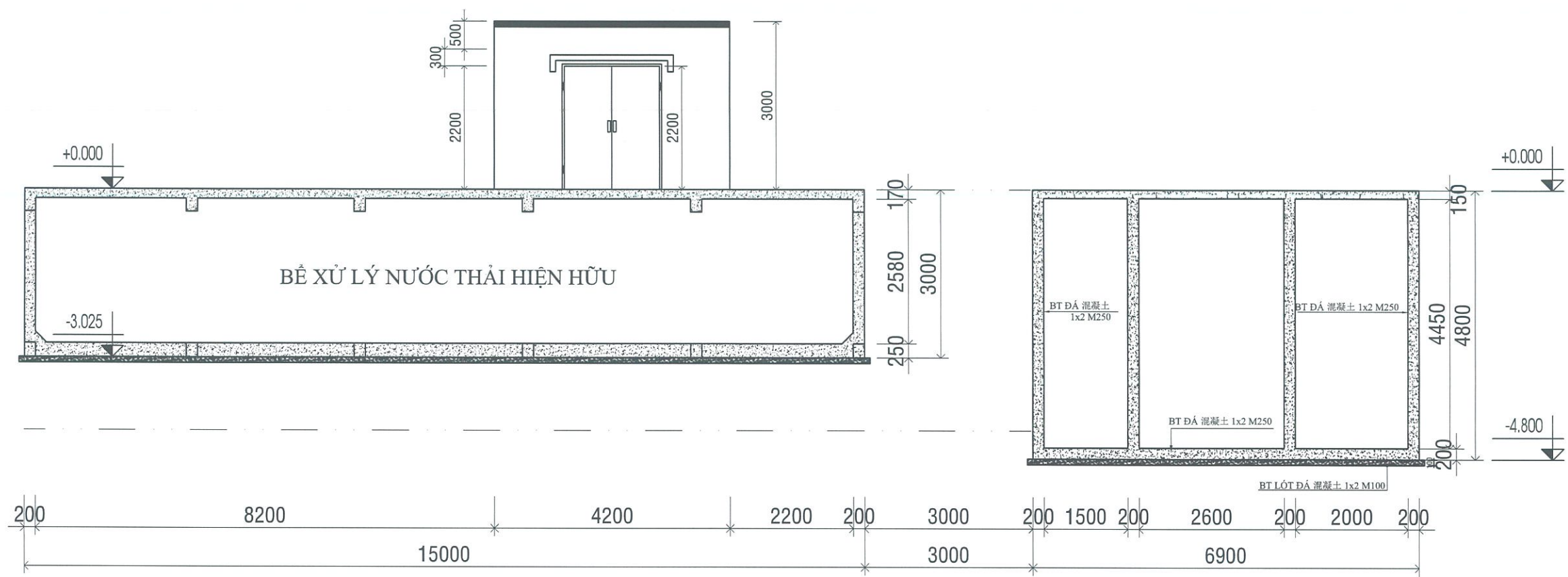
KÝ HIỆU BẢN VẼ

KT

02/04

NGÀY HOÀN THÀNH

...../2022



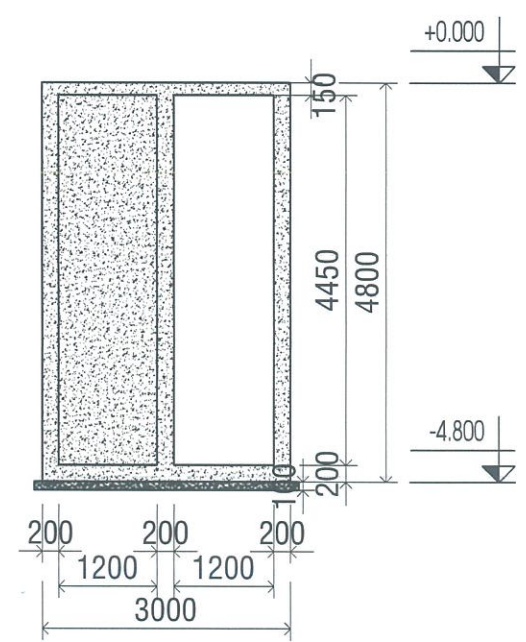
MẶT CẮT 剖面

MẶT CẮT A-A

GHI CHÚ 备注:

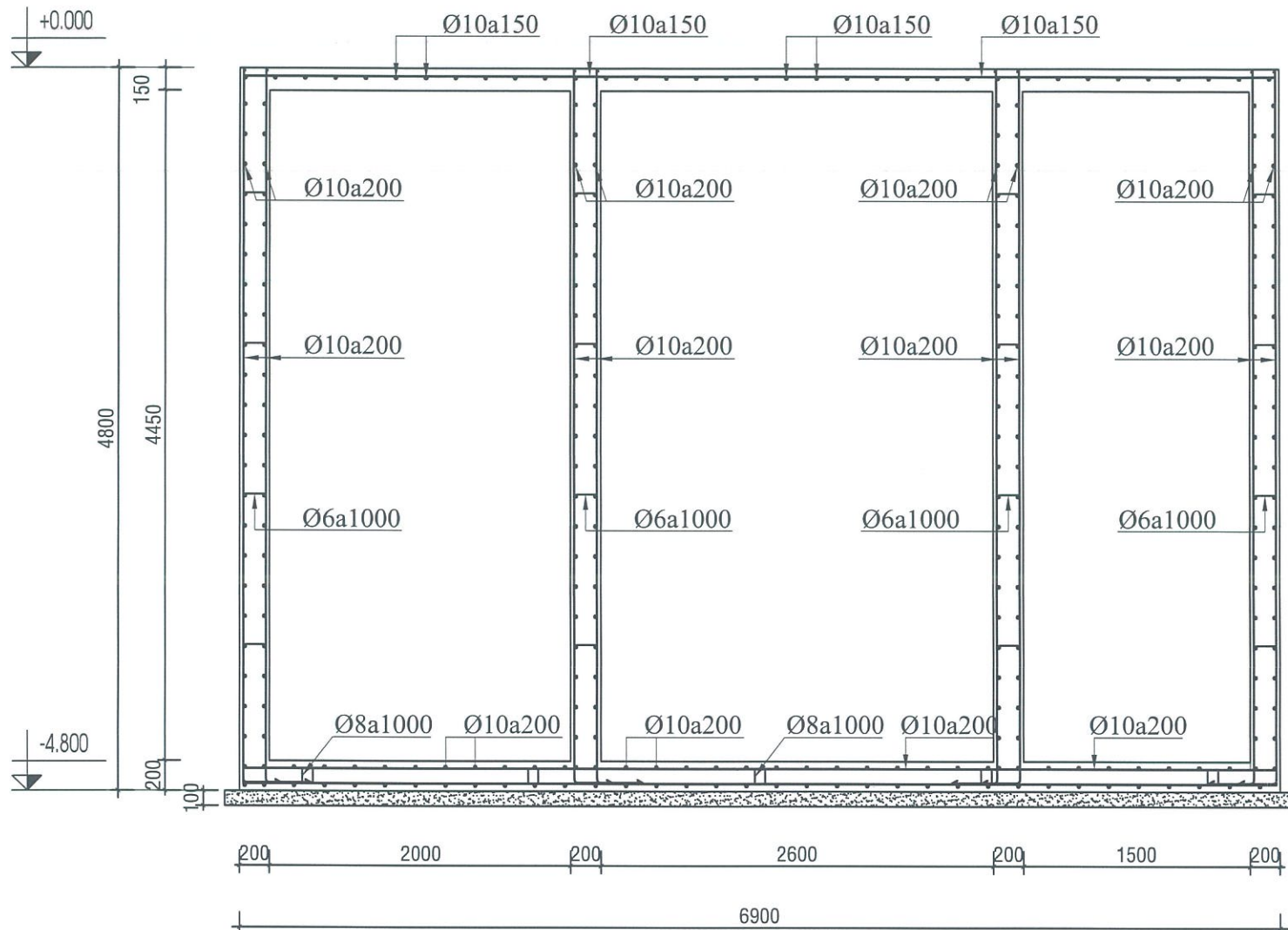
-BÊ TÔNG BỀ M250 + PHỤ GIA CHỐNG THẤM B6
混凝土M250 + B6 防渗剂

-QUÉT CHỐNG THẤM SIKAPROOF MEMBRANE
(MÀNG CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI) 2 LỚP
刷两层SIKAPROOF MEMBRANE 防渗漆

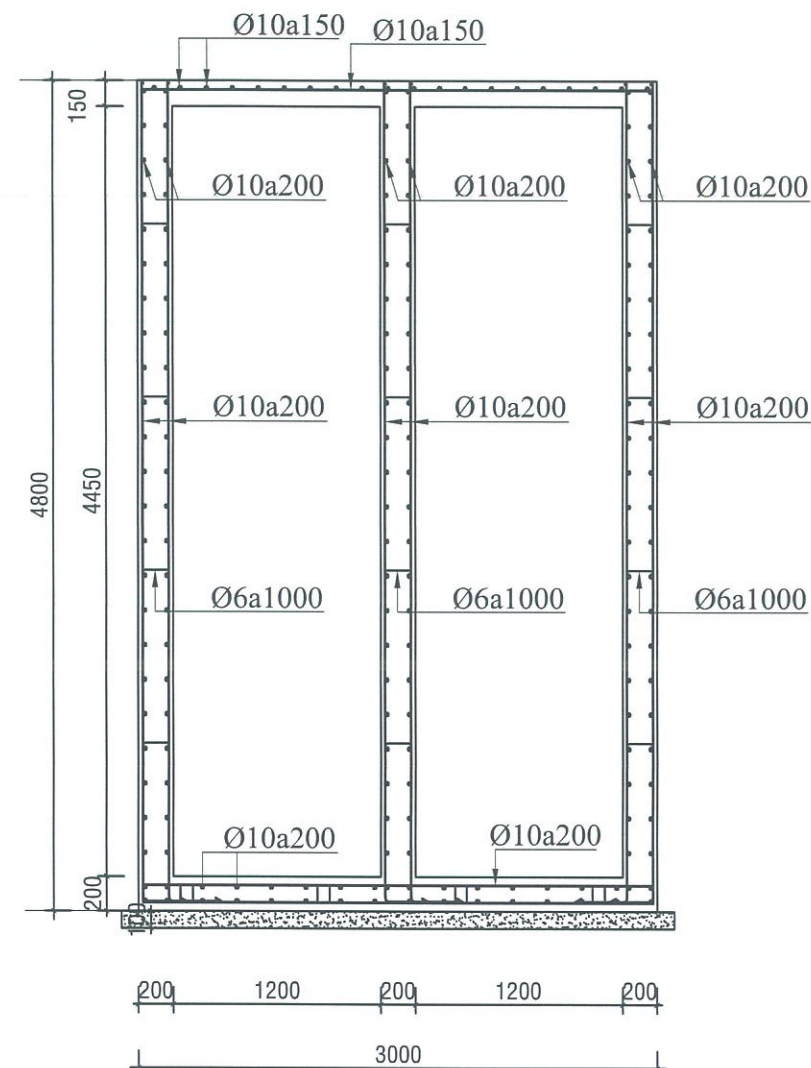


MẶT CẮT B-B

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TEL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	
THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT CẮT A-A MẶT CẮT B-B	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	KT 03/04



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

GHI CHÚ 备注:

- BÊ TÔNG BỀ M250 + PHỤ GIA CHỐNG THẤM B6
混凝土M250 + B6 防渗剂
- QUÉT CHỐNG THẤM SIKAPROOF MEMBRANE
(MÀNG CHỐNG THẤM ĐÀN HỒI) 2 LỚP
刷两层SIKAPROOF MEMBRANE 防渗漆

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TELL : 0986171391 EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	
THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT CẮT A-A MẶT CẮT B-B	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT**

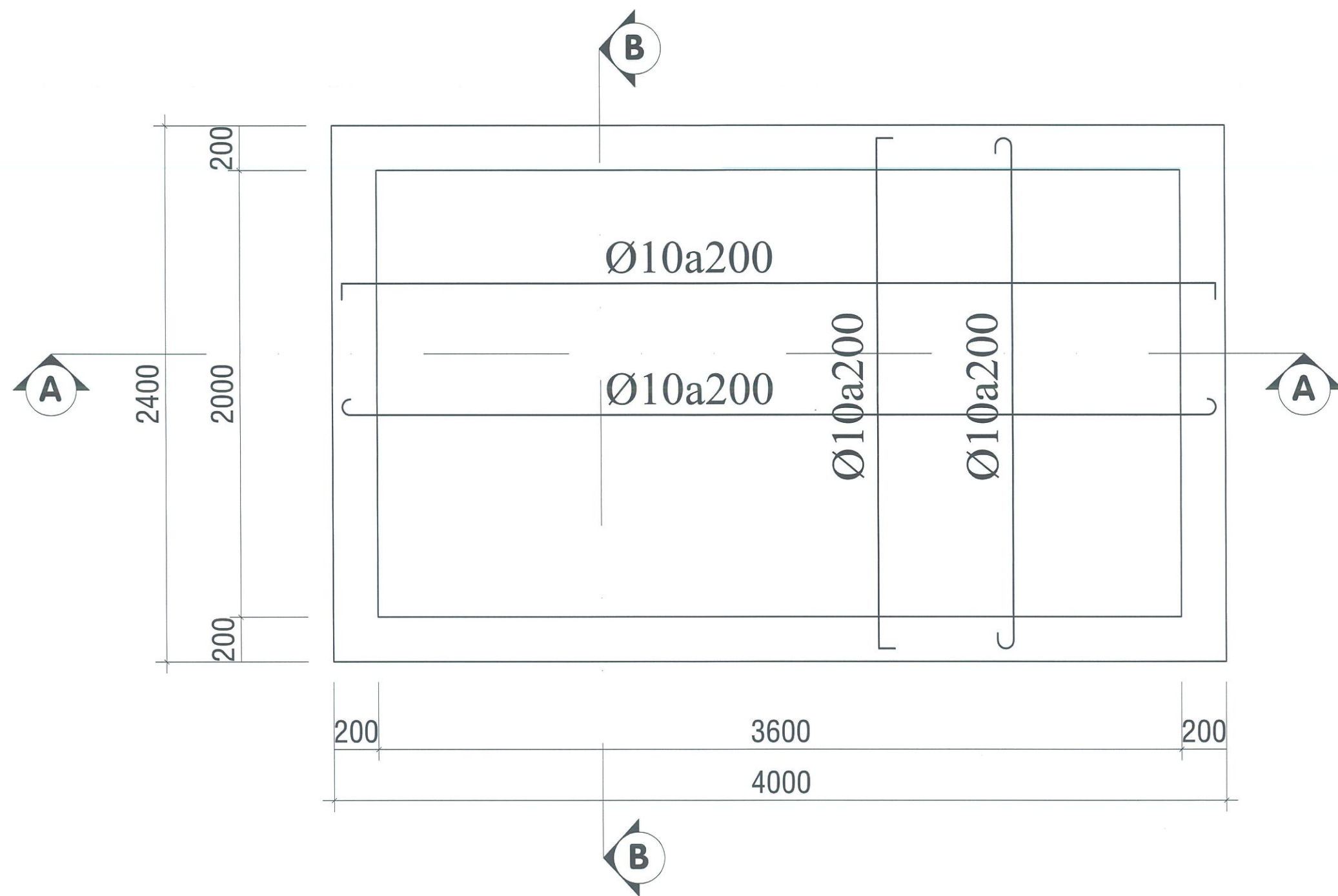


HẠNG MỤC: BỂ CHỨA NƯỚC THẢI (4x2.4x3.3)m

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ 池底平面



OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ ĐẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC



Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG
THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

BỂ CHỨA NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

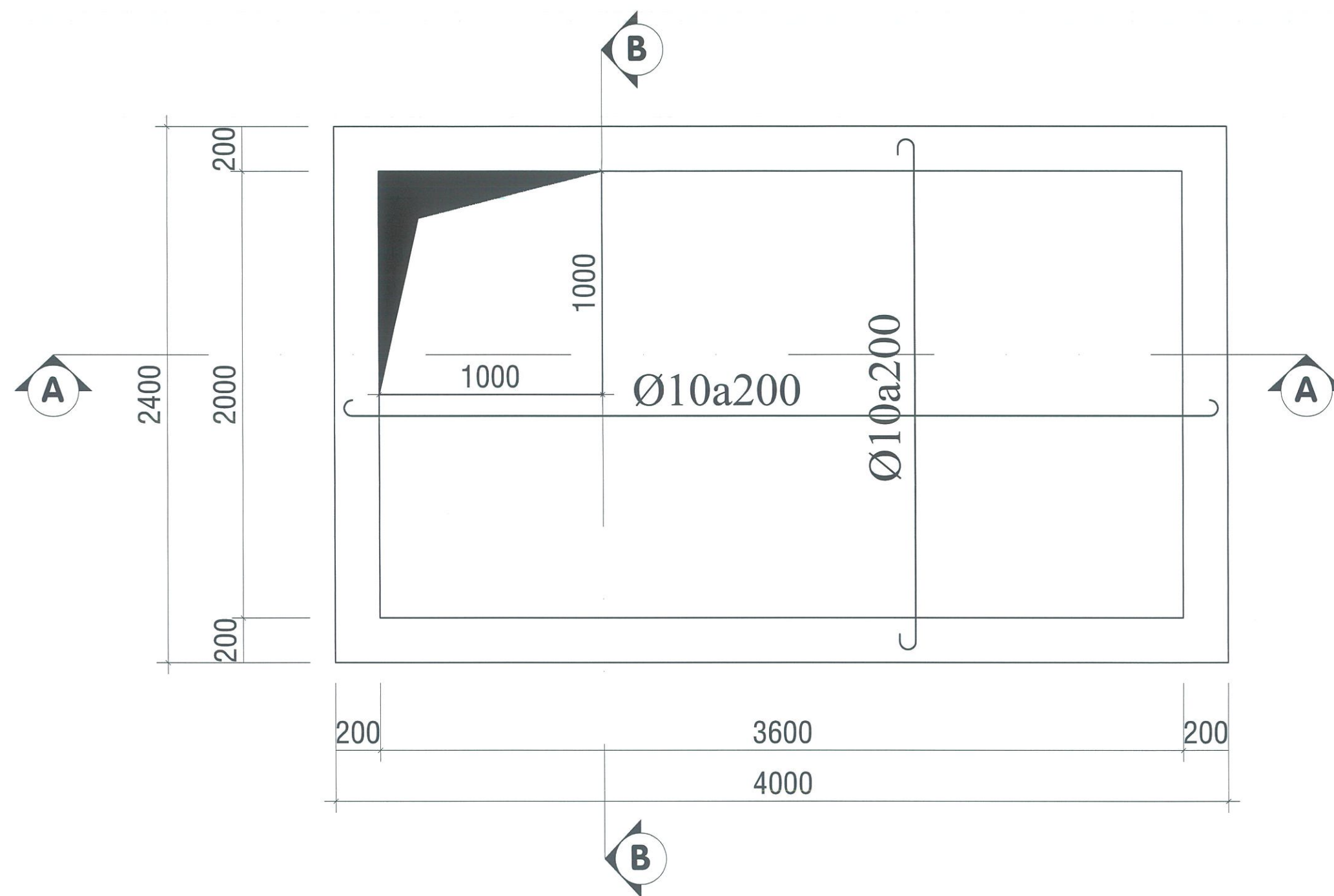
TỶ LỆ - SCALE 1/100

KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT

02/05



MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ 池底平面

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

TNHH MTV
GỖ
THÀNH NGHIỆP

OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG

KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

TELL : 0986171391

EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG

THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

BỂ CHỨA NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MB THÉP NẮP BỂ

LOẠI HỒ SƠ

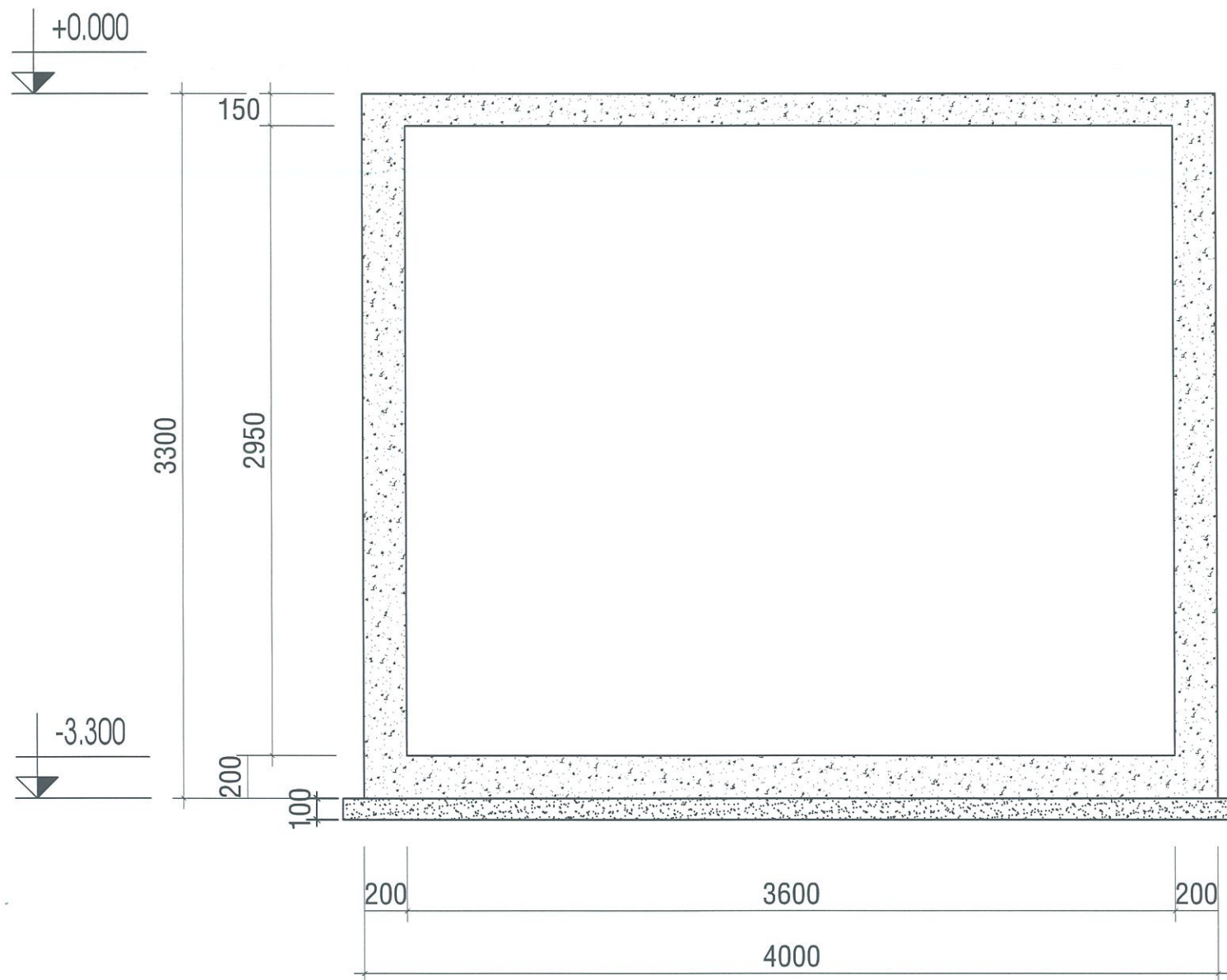
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

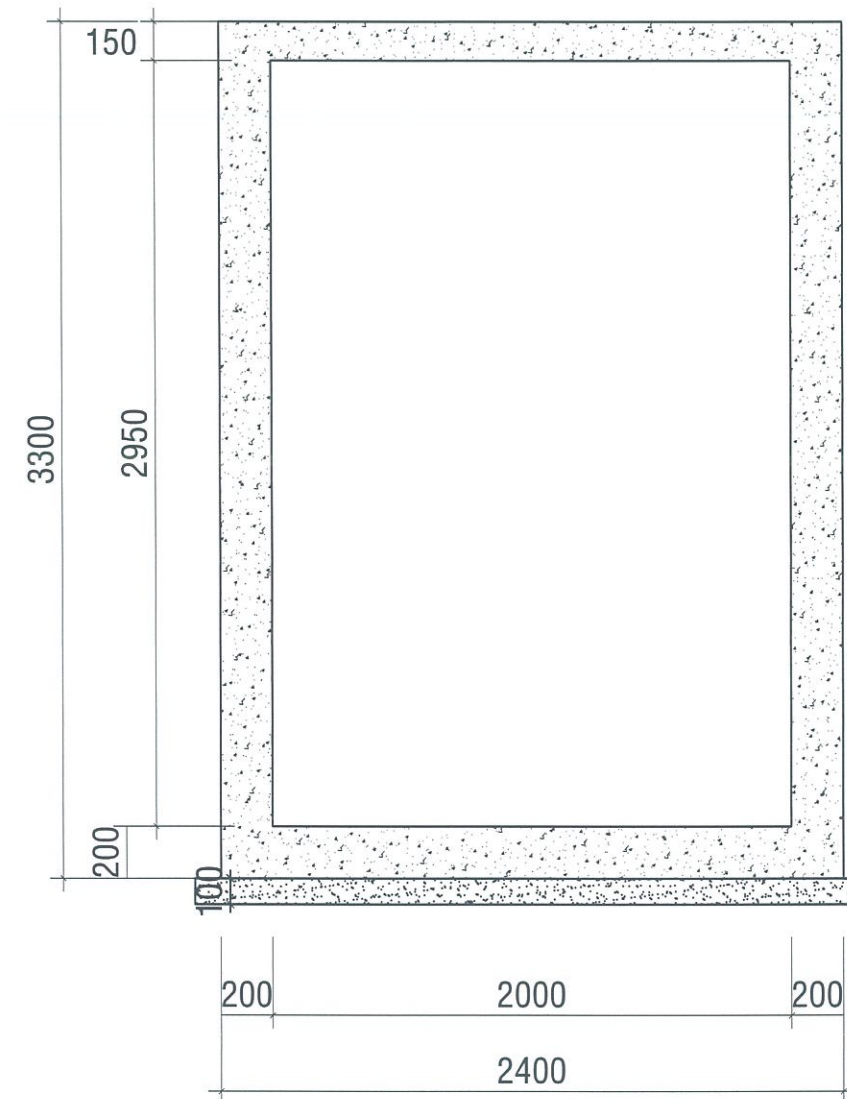
KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

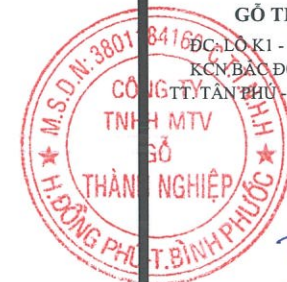
KT
03/05



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



[Signature]

OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@ gmail.com

GIÁM ĐỐC



Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG
THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

BÊ CHỨA NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT A-A
MẶT CẮT B-B

LOẠI HỒ SƠ

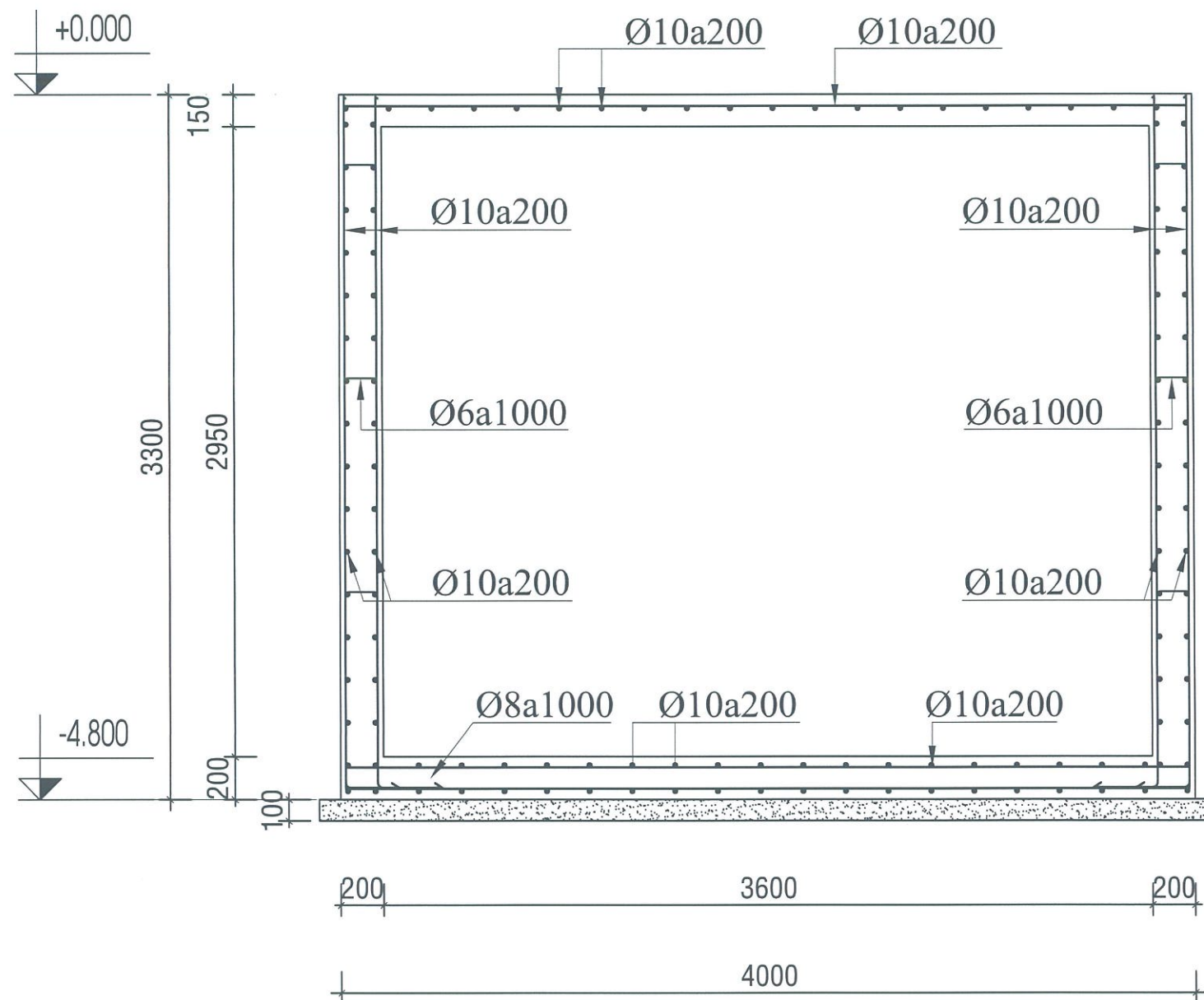
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

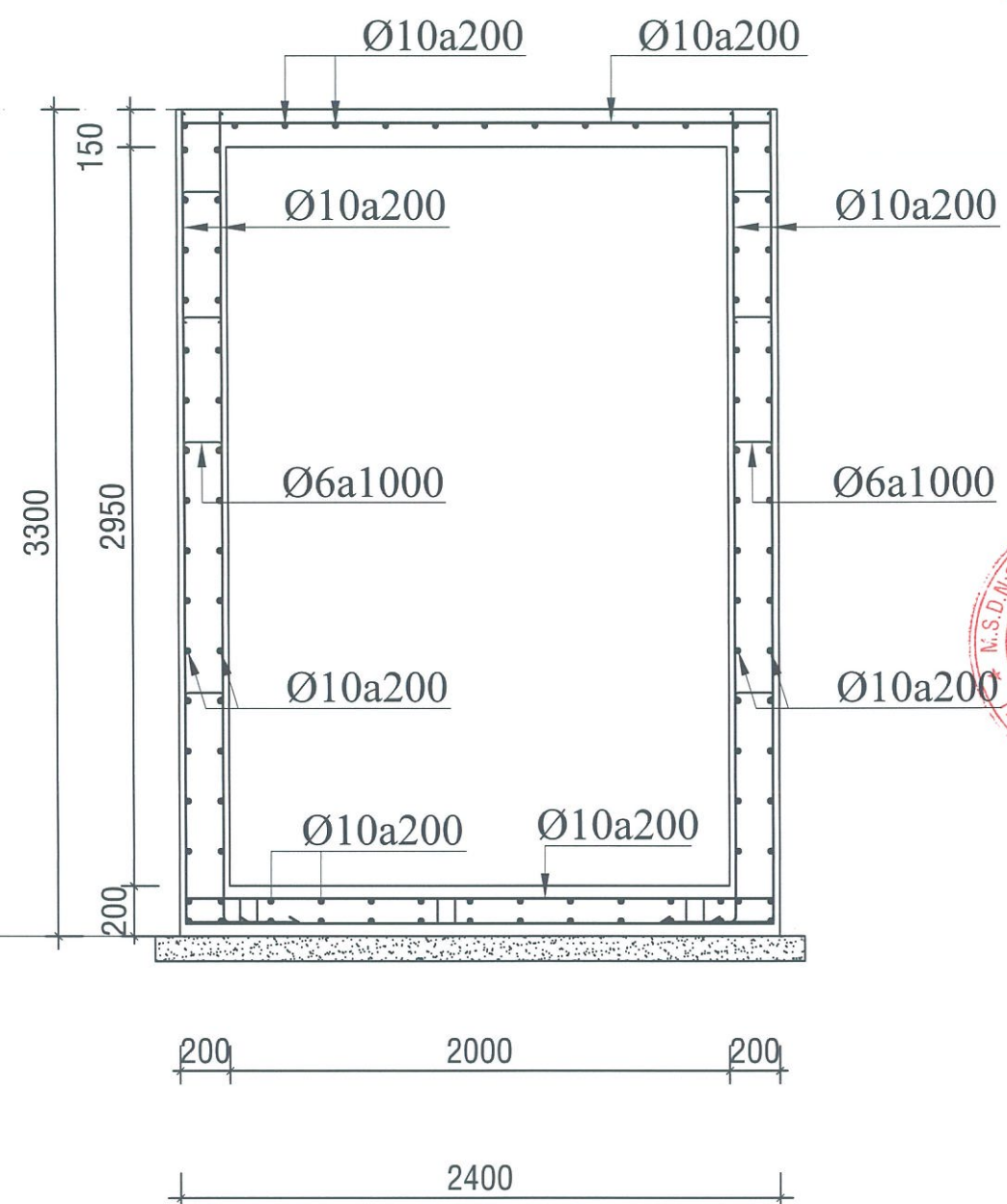
KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT
04/05



MẶT CẮT THÉP A-A



MẶT CẮT THÉP B-B

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM



OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC



Ks. NGUYỄN THANH SANG

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG

THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

BÊ CHỨA NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT THÉP A-A
MẶT CẮT THÉP B-B

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT
05/05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

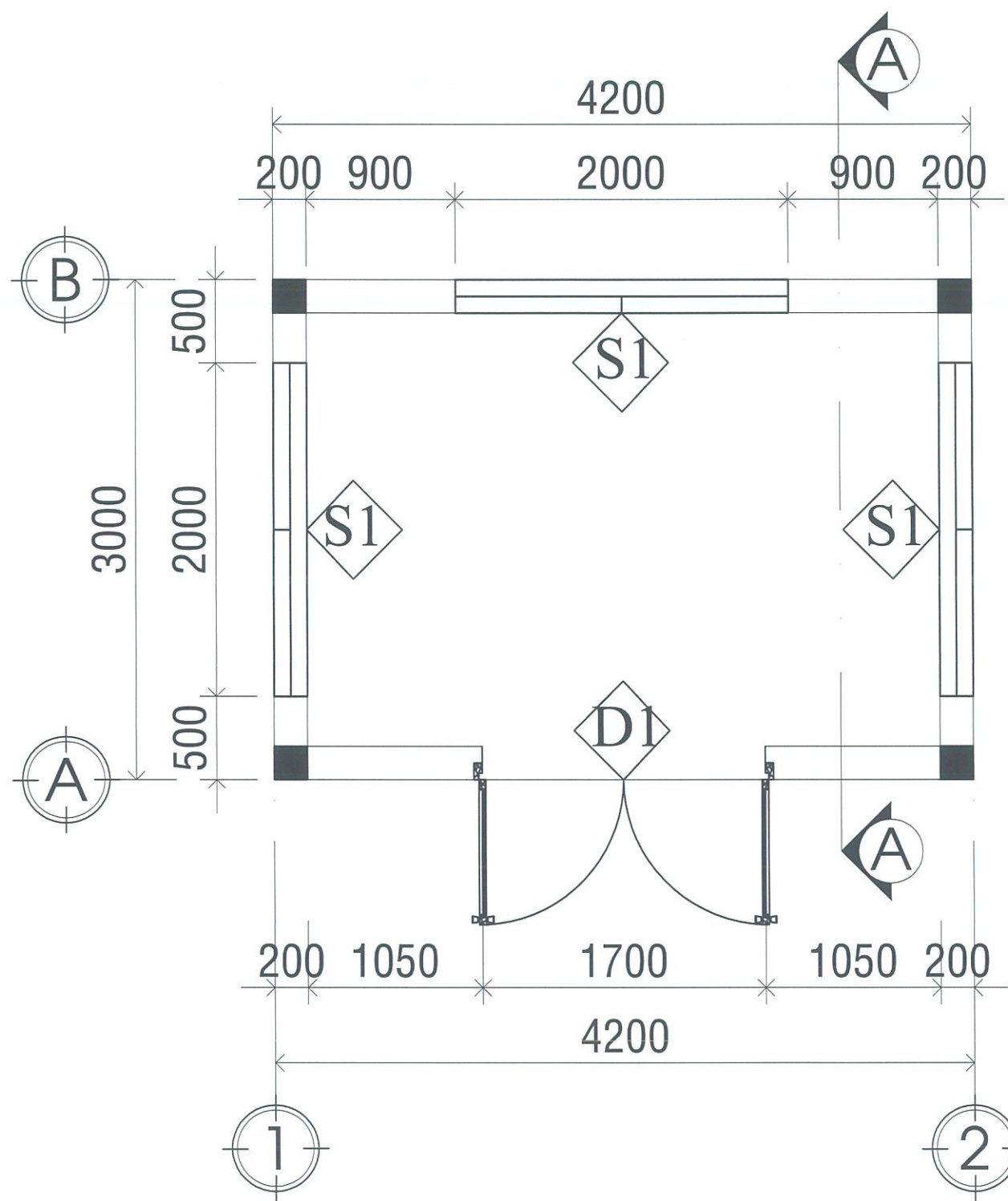


HẠNG MỤC: NHÀ TRÊN BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (4.2x3)m

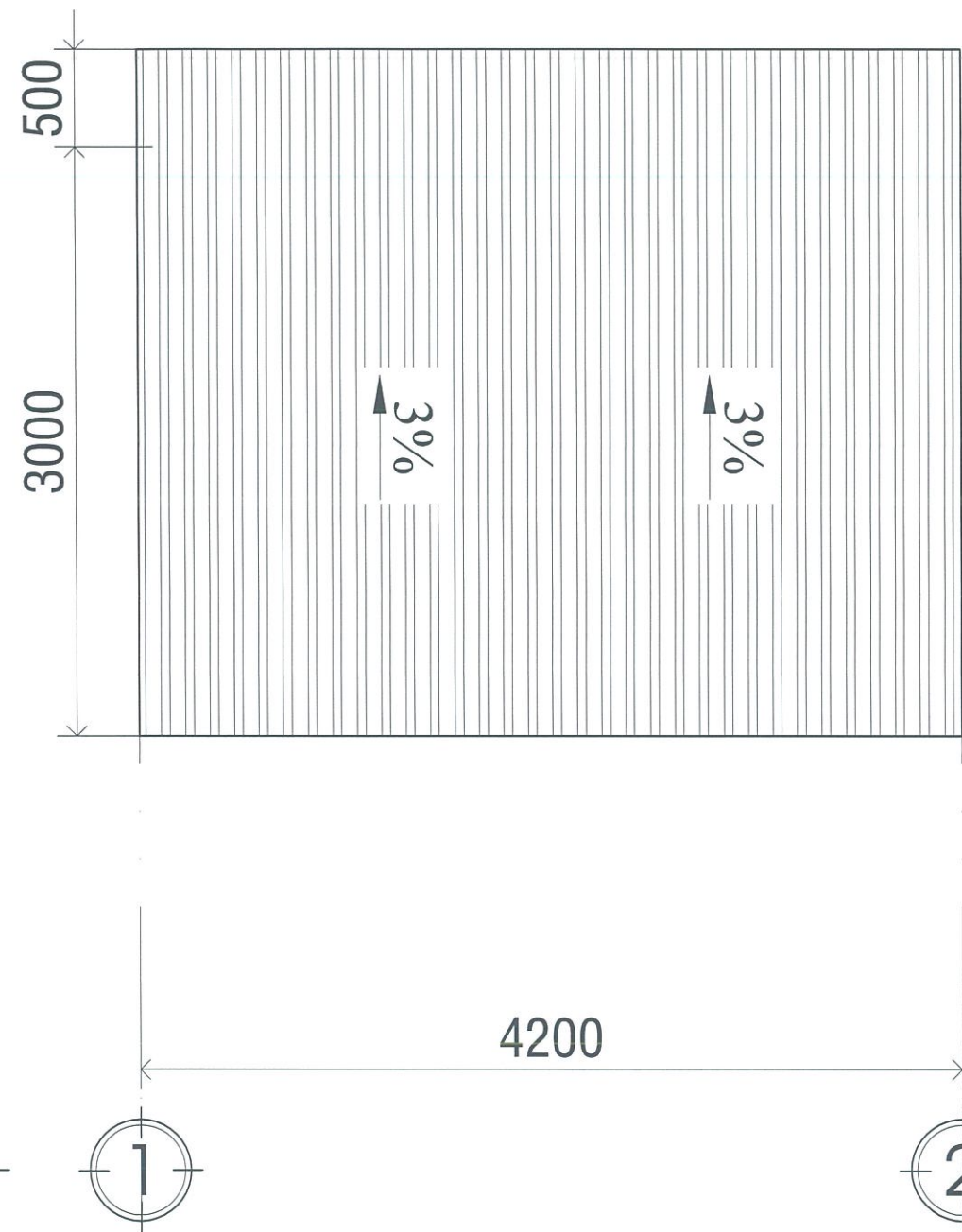
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022

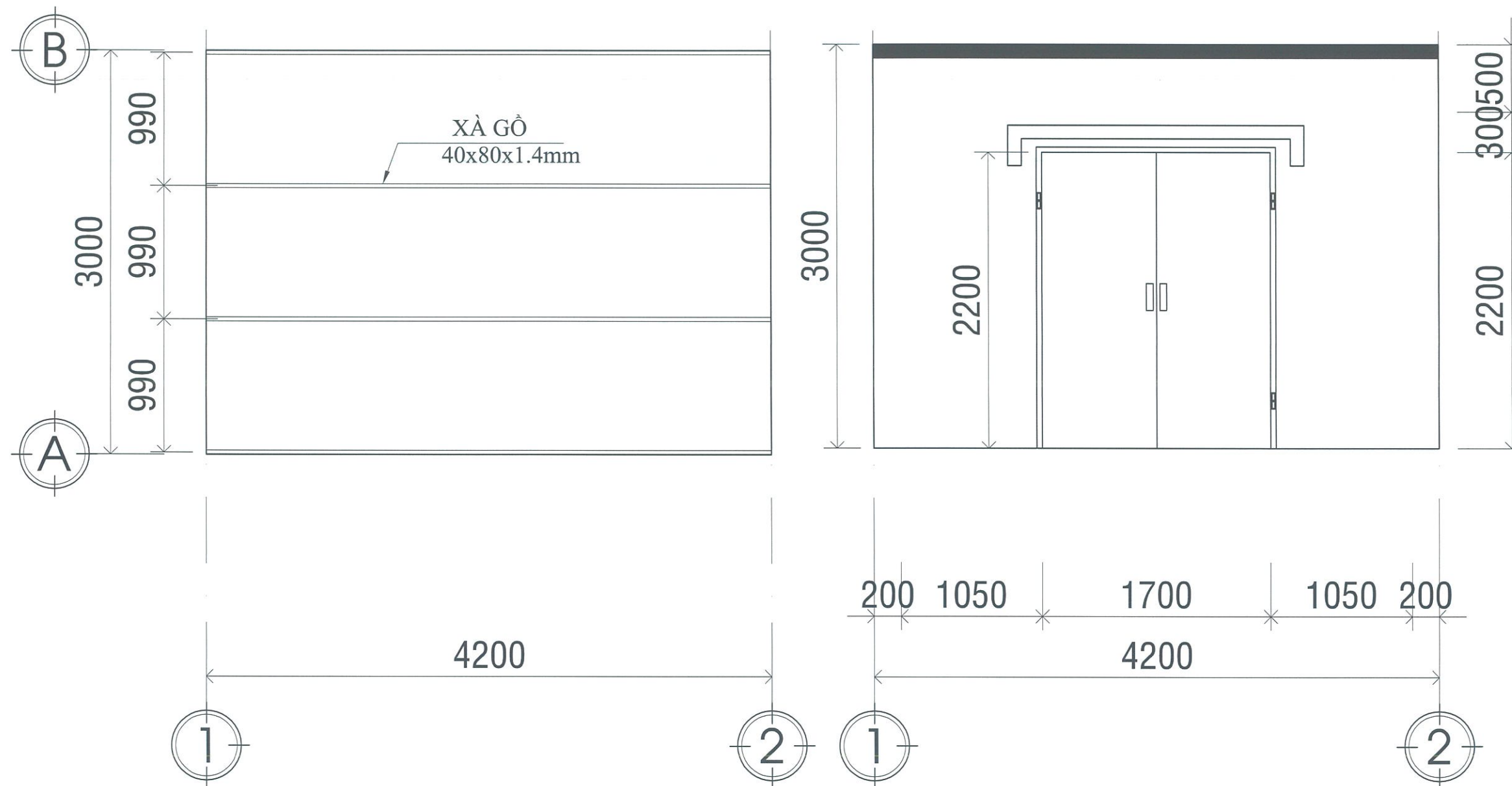


MẶT BẰNG 平面图



MẶT BẰNG MÁI
屋顶平面图

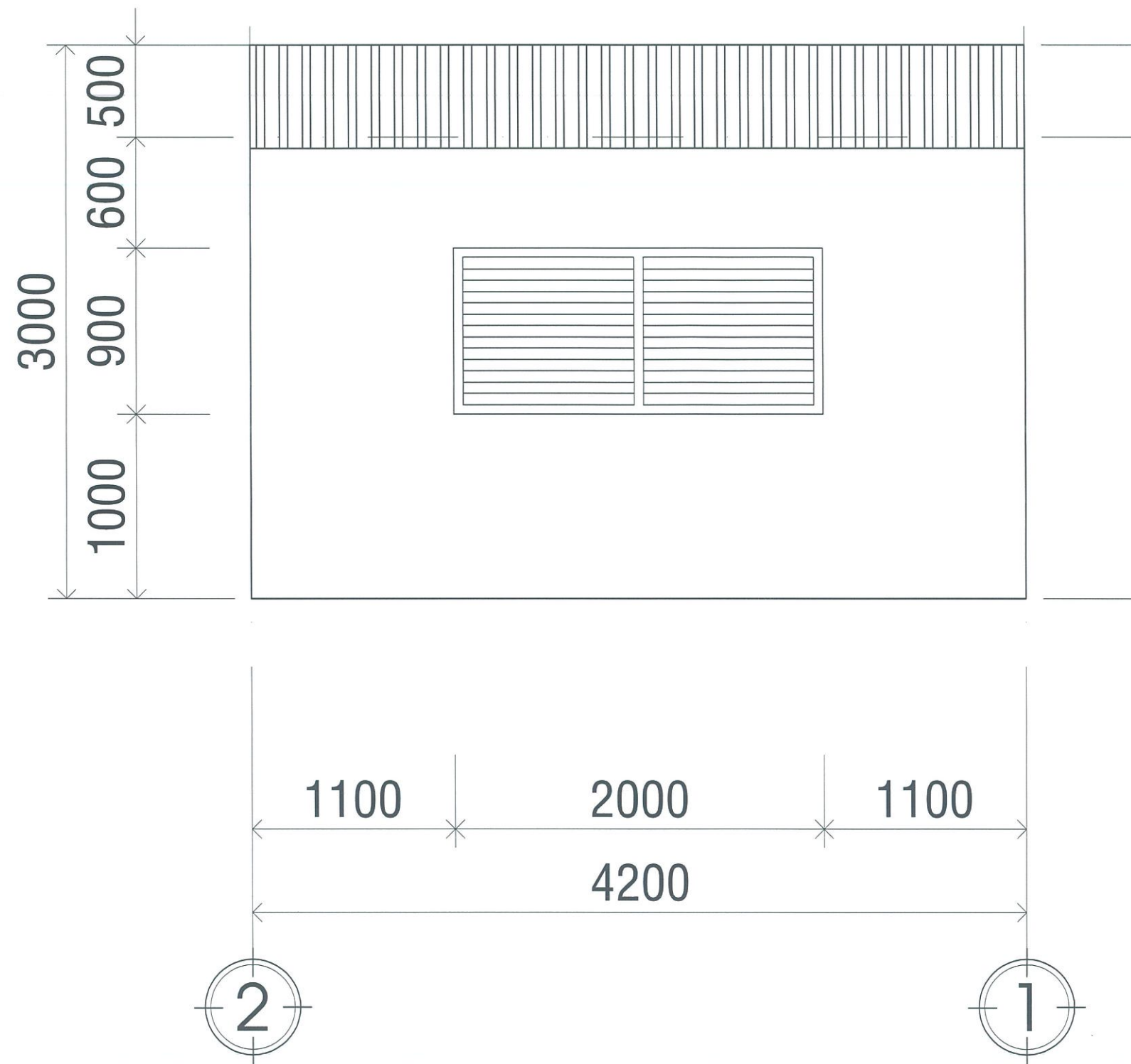
CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TELL : 0986171391	
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG	
THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
NHÀ TRÊN BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MẶT BẰNG	
MẶT BẰNG MÁI	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH	
...../2022	



MB KHOẢNG CÁCH XÀ GỒ MẶT ĐỨNG TRỰC 立面图 1-2

MÁI

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
	
OU SHUNGUANG	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
	
ĐỊA CHỈ	
Số 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG TELL : 0986171391 EMAIL: xdkienthanhphat@ gmail.com	
GIÁM ĐỐC	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TÀI THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG THIẾT KẾ	
Ks. NGUYỄN THANH SANG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
NHÀ TRÊN BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
MB KHOẢNG CÁCH XÀ GỒ MÁI MẶT ĐỨNG TRỰC 1-2	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	



MẶT ĐỨNG TRỰC 立面图 2-1



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY
TNHH MTV
GỖ
THÀNH NGHIỆP

SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@ gmail.com

GIÁM ĐỐC



Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG

THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

NHÀ TRÊN BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT ĐỨNG TRỰC 2-1

LOẠI HỒ SƠ

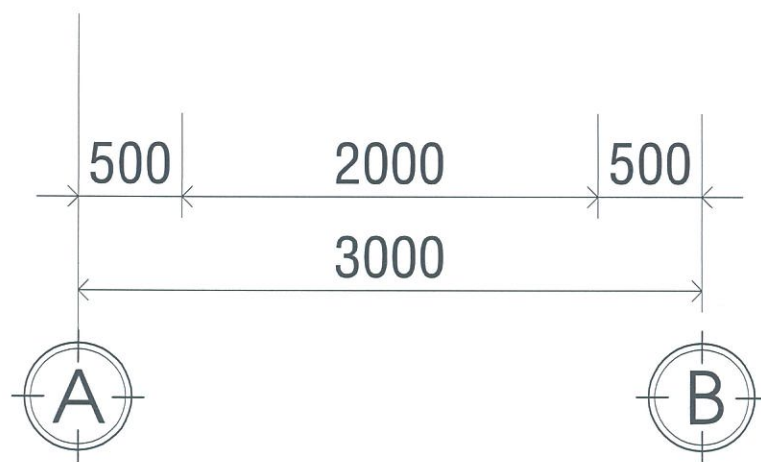
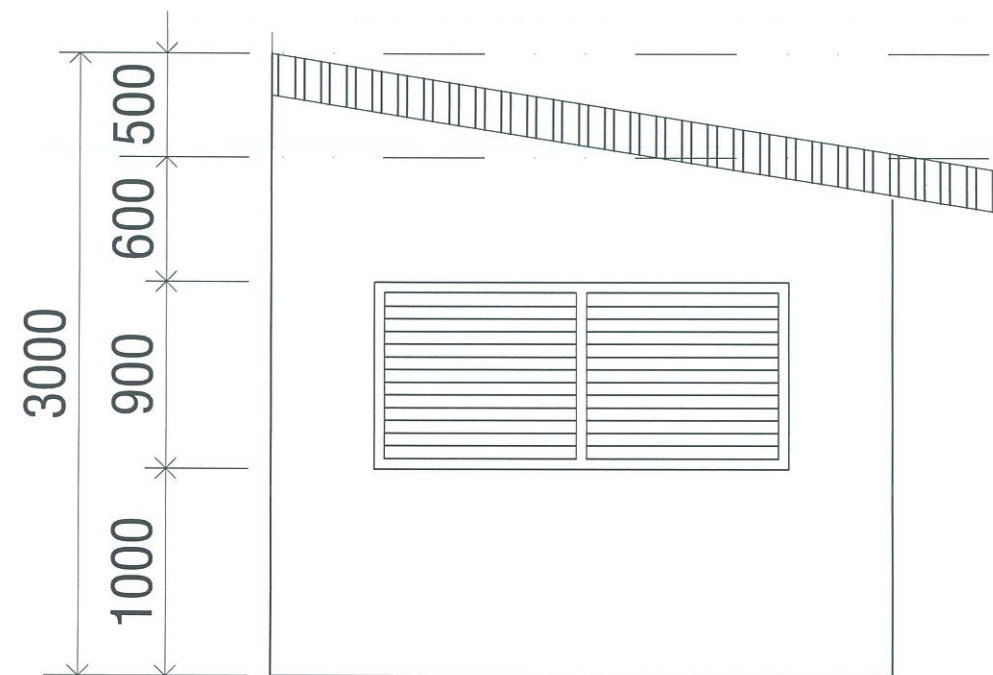
XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

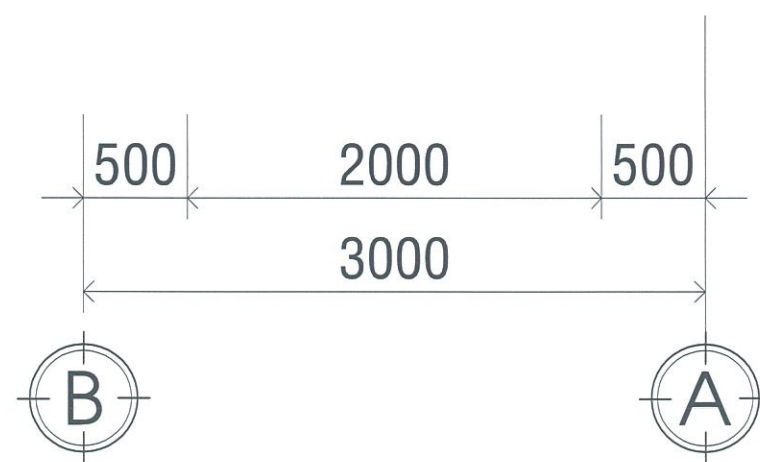
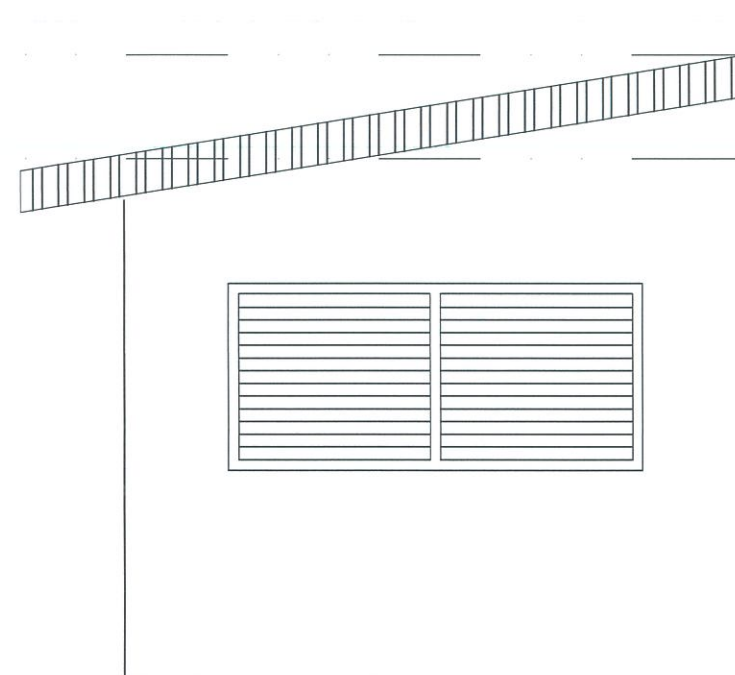
KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT
03/05



MẶT ĐÚNG TRỰC 立面图 A-B



MẶT ĐÚNG TRỰC 立面图 B-A



ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TEL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com



GIÁM ĐỐC

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG

THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

NHÀ TRÊN BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MẶT ĐÚNG TRỰC A-B

MẶT ĐÚNG TRỰC B-A

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

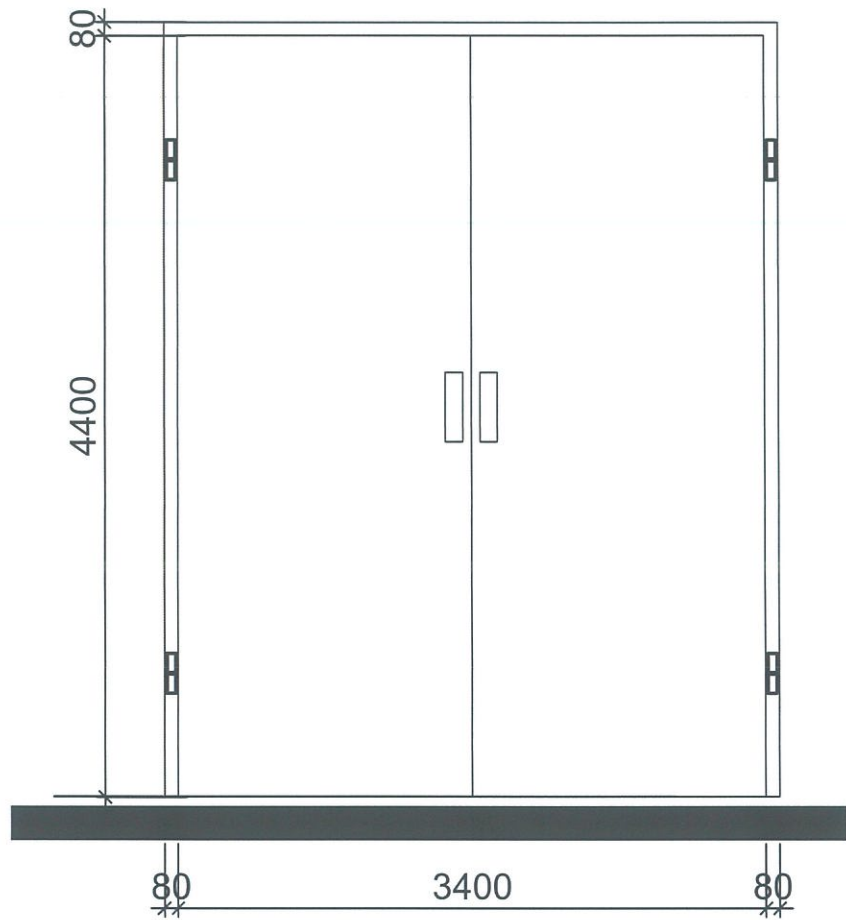
KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH

...../2022

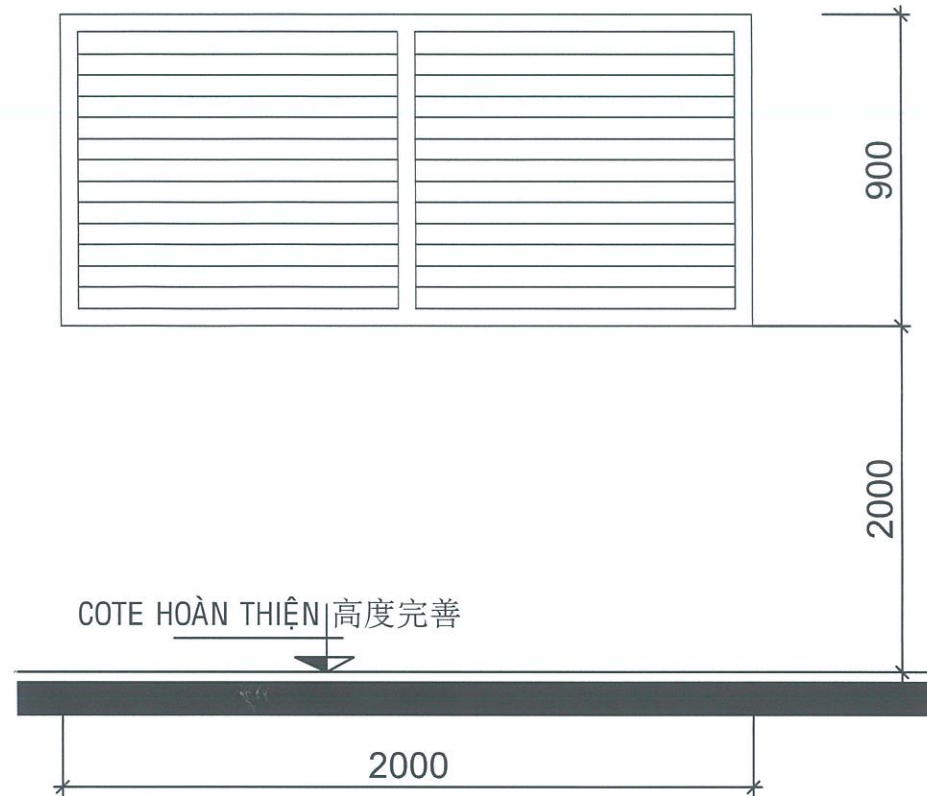
KT

04/05



CỬA MỞ 2 CÁNH

KÍCH THƯỚC 尺寸	1700*2200
SỐ LƯỢNG 数量	01 BỘ 式
VẬT LIỆU 材料	CỬA ĐI LÙA 2 CÁNH 進出門



LAM TOLE L1 百叶窗

KÍCH THƯỚC 尺寸	900*2000
SỐ LƯỢNG 数量	03 BỘ 式
VẬT LIỆU 材料	LAM TOLE THÔNG GIÓ DÀY 1MM 钢板百叶窗透气

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TP. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY
TNHH MTV
GỖ
THÀNH NGHIỆP

OU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ ĐẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@ gmail.com

GIÁM ĐỐC

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN DUY PHƯƠNG

THIẾT KẾ

Ks. NGUYỄN THANH SANG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TP. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

NHÀ TRÊN BÊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT CỬA
CHI TIẾT LAM

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT
05/05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT**

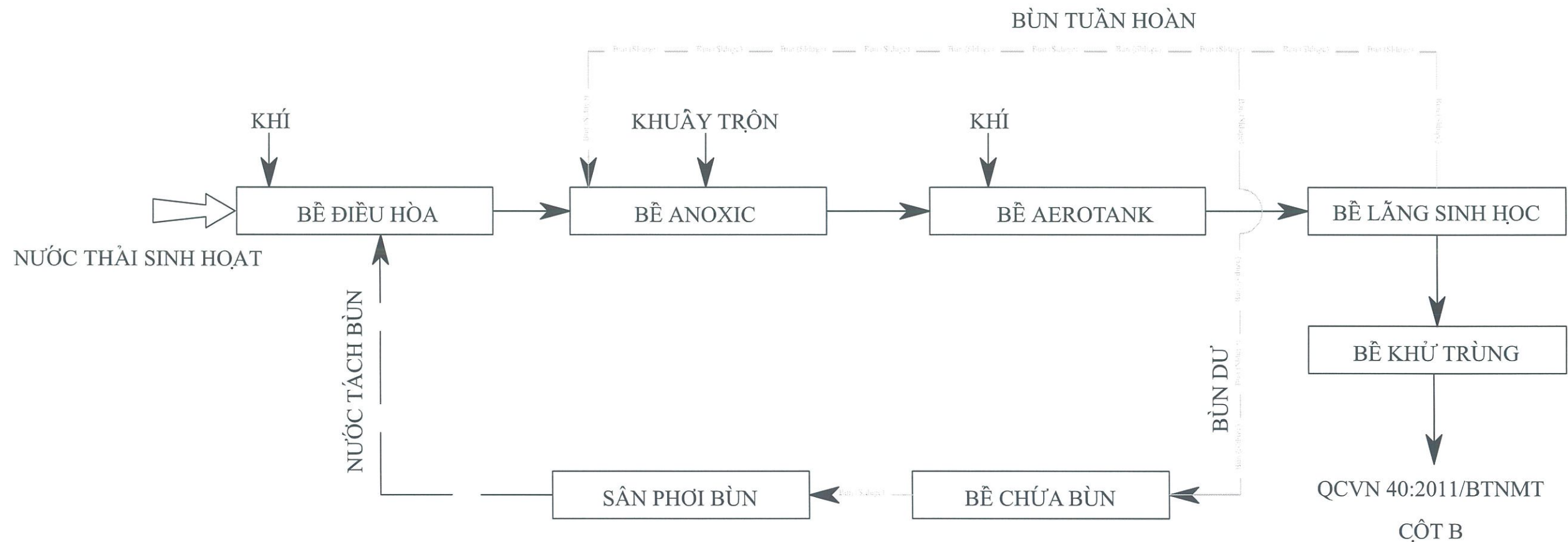


HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

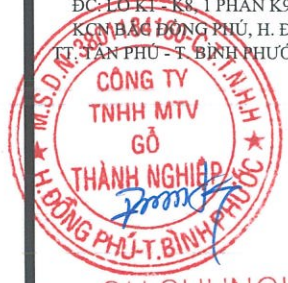
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

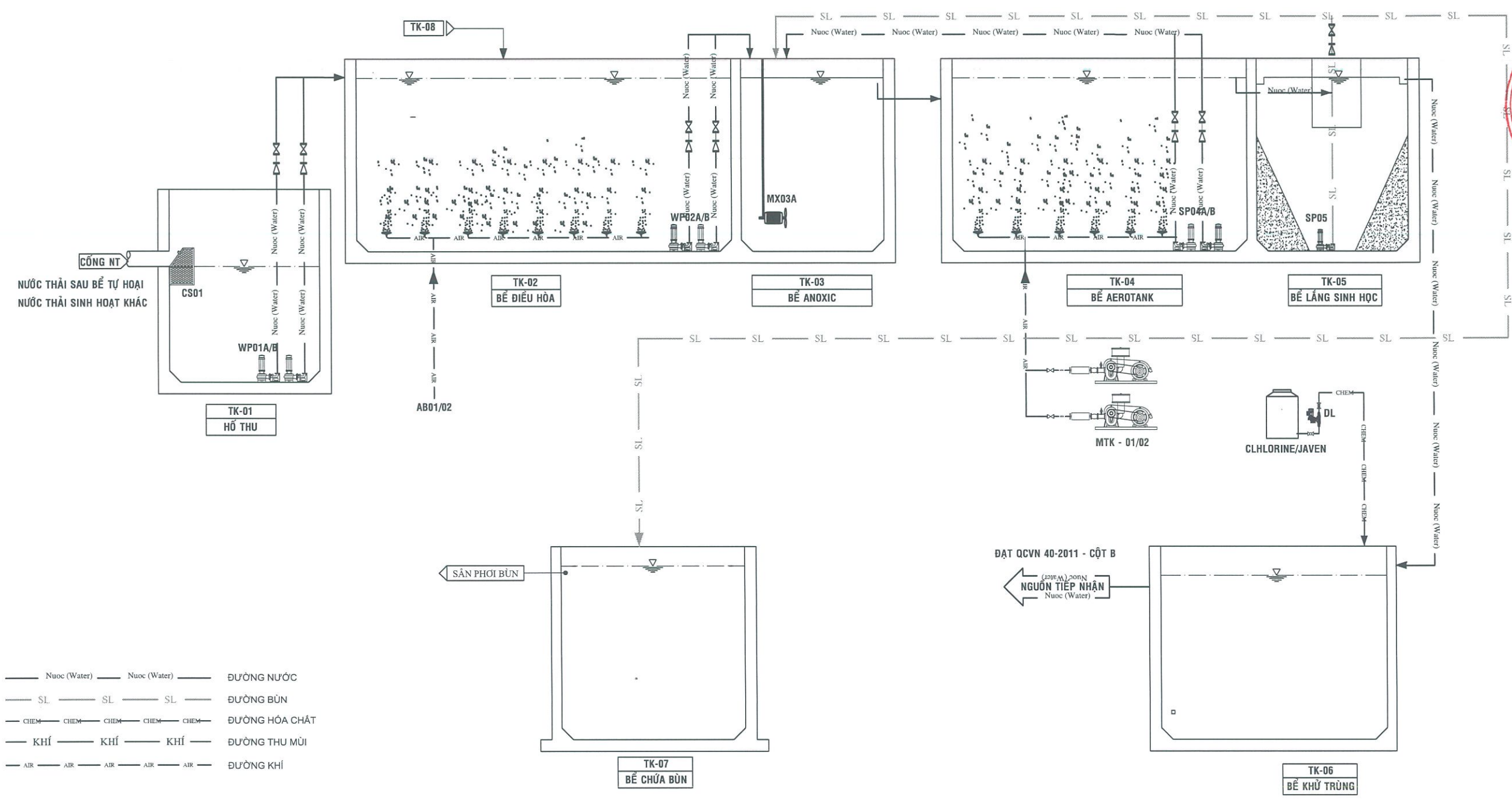
ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



SƠ ĐỒ KHÔI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 125M3/NGÀY.ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ	
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
 GU SHUNGUANG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ	
CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT	
 KIẾN THÀNH PHÁT CO., LTD	
ĐỊA CHỈ	
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG	
TEL : 0986174391 EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com GIÁM ĐỐC T. V. X. D. (K. T. P.) KIẾN THÀNH PHÁT T. V. X. D. M. T. B. P. H.	
Ks. NGUYỄN THANH SANG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC THIẾT KẾ	
Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ	
TÊN CÔNG TRÌNH	
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP	
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM	
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
SƠ ĐỒ KHÔI HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 125M3/ NGÀY ĐÊM	
LOẠI HỒ SƠ	
XIN PHÉP XÂY DỰNG	
TỶ LỆ - SCALE 1/100	KÝ HIỆU BẢN VẼ
NGÀY HOÀN THÀNH/2022	



— Nuoc (Water) — Nuoc (Water) — ĐƯỜNG NƯỚC
— SL — SL — SL — ĐƯỜNG BÙN
— CHEM — CHEM — CHEM — CHEM — ĐƯỜNG HÓA CHẤT
— KHÍ — KHÍ — KHÍ — KHÍ — ĐƯỜNG THU MÙI
— AIR — AIR — AIR — AIR — AIR — ĐƯỜNG KHÍ

GHI CHÚ:

- | | | | | | |
|-------|---------------|-------|----------------|--------|------------------|
| TK-01 | : HỒ THU | TK-06 | : BỂ KHỬ TRÙNG | WP.... | : BƠM NƯỚC THẢI |
| TK-02 | : BỂ ĐIỀU HOÀ | TK-07 | : BỂ CHỨA BÙN | SP.... | : BƠM BÙN |
| TK-03 | : BỂ ANOXIC | CS | : GIỎ THU RÁC | AB.... | : MÁY THỔI KHÍ |
| TK-04 | : BỂ AEROTANK | | | DS.... | : BƠM ĐỊNH LƯỢNG |
| TK-05 | : BỂ LẮNG | | | | |

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG SUẤT: 125M³/NGÀY.Đ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP
ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT
KTP
KIEN THANH PHAT CO.,LTD

ĐỊA CHỈ
SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TEL: 0986477391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC
TƯ VẤN XÂY DỰNG KIẾN THÀNH PHÁT

Ks. NGUYỄN THANH SANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kis. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
THIẾT KẾ

Kis. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ, T. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 125M³/NGÀY.Đ

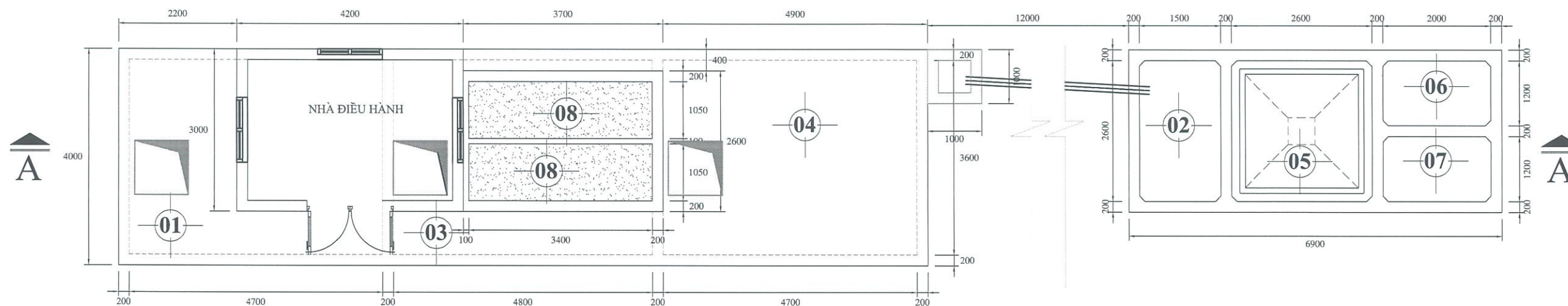
LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100
NGÀY HOÀN THÀNH/2022

KÝ HIỆU BẢN VẼ
KT
02/05

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ



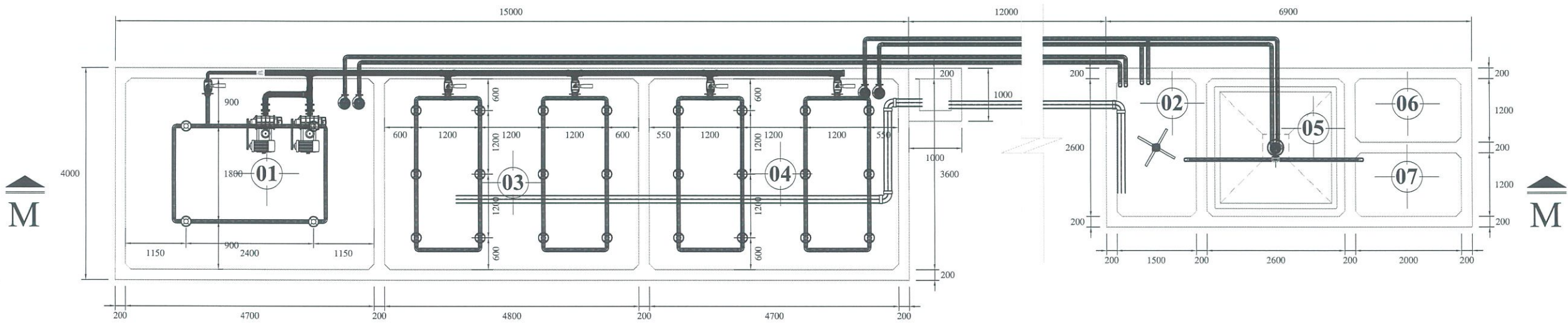
CÔNG SUẤT = 125 m3/ngày ↔ 5.21 m3/giờ (24/24)

TT	Tên hạng mục	SL bể	Kích thước				V xd (m ³)	V chứa (m ³)
			D (m)	R (m)	H xd (m)	H chứa (m)		
1	Bể điều hòa	1	4.7	3.6	3	2.0	50.76	33.84
2	Bể Anoxic	1	2.6	1.5	4.5	4.2	17.55	16.38
3	Bể Aerotank 1	1	4.8	3.6	3	2.5	51.84	43.20
4	Bể Aerotank 2	1	4.7	3.6	3	2.5	50.76	42.30
5	Bể lắng sinh học	1	2.6	2.6	4.5	4	30.42	27.04
6	Bể khử trùng	1	2	1.2	4.5	4	10.80	9.60
7	Bể chứa bùn	1	2	1.2	4.5	4	10.80	9.60
8	Sân phơi bùn	2	3.4	1.05	1	0.7	7.14	5.00

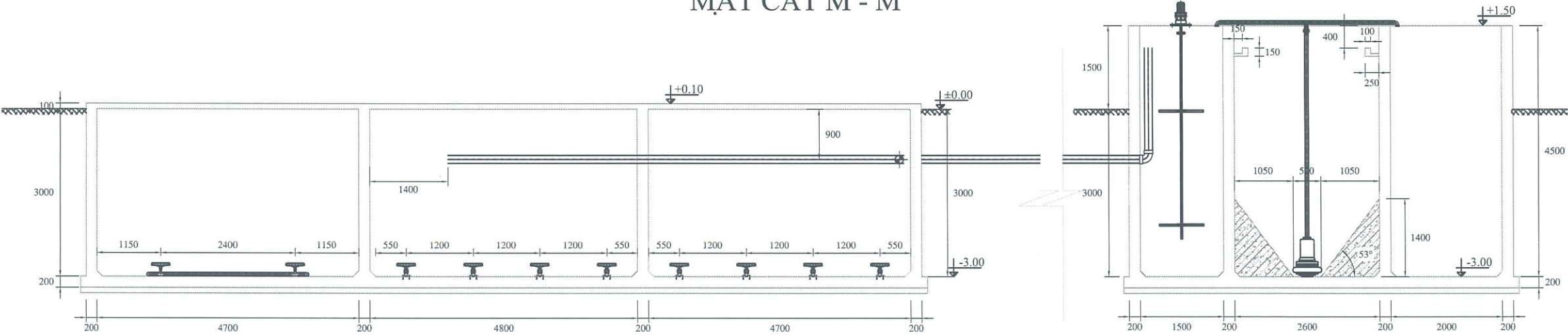
KT
03/05

MẶT BẰNG HTXL NT SINH HOẠT, Q= 125M3/NGÀY --- QCVN 40:2011/BTNMT - CỘT B

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ



MẶT CẮT M - M



HTXL NT SINH HOẠT , CÔNG SUẤT = 125 m3/ngày ↔ 5.21 m3/giờ (24/24)

TT	Tên hạng mục	SL bể	Kích thước				V xd (m ³)	V chứa (m ³)	TT	Tên hạng mục	SL bể	Kích thước				V xd (m ³)	V chứa (m ³)
			D (m)	R (m)	H xd (m)	H chứa (m)						D (m)	R (m)	H xd (m)	H chứa (m)		
1	Bể điều hòa	1	4.7	3.6	3	2.0	50.76	33.84	5	Bể lắng sinh học	1	2.6	2.6	4.5	4	30.42	27.04
2	Bể Anoxic	1	2.6	1.5	4.5	4.2	17.55	16.38	6	Bể khử trùng	1	2	1.2	4.5	4	10.80	9.60
3	Bể Aerotank 1	1	4.8	3.6	3	2.5	51.84	43.20	7	Bể chứa bùn	1	2	1.2	4.5	4	10.80	9.60
4	Bể Aerotank 2	1	4.7	3.6	3	2.5	50.76	42.30	8	Sân phơi bùn	2	3.4	1.05	1	0.7	7.14	5.00

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

CÔNG TY
TNHH MTV
GỖ
HÀNH NGHIỆP

H. ĐÔNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ ĐẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TEL : 0986171391
EMAIL: xkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC

TU VẤN XÂY DỰNG

KIẾN THÀNH PHÁT

P. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Ks. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
THIẾT KẾ

Ks. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHÂN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ

MB HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT -
HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ CHỊ TIẾT

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

KÝ HIỆU BẢN VẼ

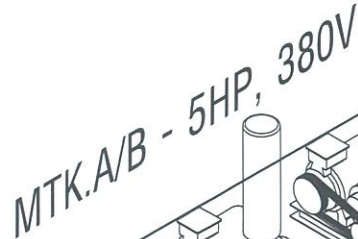
NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT

04/05

MẶT BẰNG XÂY DỰNG HTXL NT SINH HOẠT, Q= 125M3/NGÀY

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ CHI TIẾT



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP**

CÔNG TY
TNHH MTV
GỖ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ



SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TEL : 096171391
EMAIL: xolenthanchiphat@gmail.com

U VẠN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

TÊN CÔNG TRÌNH

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MB HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ CHI TIẾT

XIN PHÉP XÂY DỰNG

KÝ HIỆU BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀ
...../2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

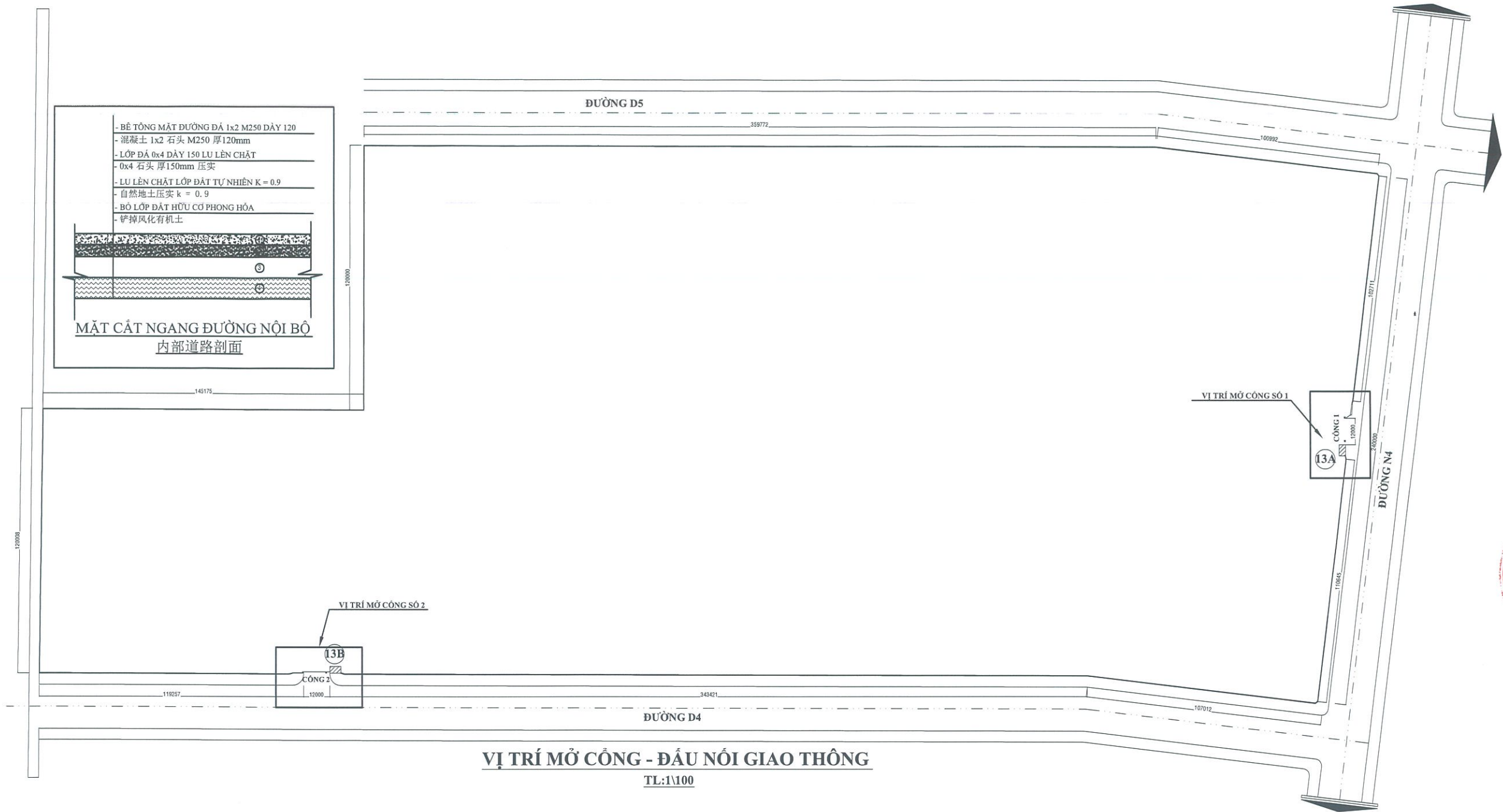


HẠNG MỤC: ĐẦU NỐI GIAO THÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐỊA CHỈ: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 - KCN BẮC ĐỒNG PHÚ, H. ĐỒNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

BÌNH DƯƠNG, THÁNG/ 2022



BẢNG THÔNG KÊ SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	LOẠI ĐẤT 地种	DTSD ĐẤT 使用土地 (m ²)	MẬT ĐỘ 比率 (%)
1.	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT 总土地面积	125136	100
2.	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 建筑面积	80996.1	64.73
3.	DIỆN TÍCH CÂY XANH 绿化面积	25052.23	20.02
4.	DIỆN TÍCH SÂN BÀI 广场 + ĐƯỜNG NỘI BỘ 内部道路	19087.67	15.25

A	CÂY XANH 绿化
B	SÂN LŨNG XIN PHÉP TRONG NHÀ KHO
C	DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG ĐÃ CẤP PHÉP
D	CÔNG TRÌNH HIỆN HỮU

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THANH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

TNNH MTV
GỖ
THANH NGHIỆP

H. ĐÔNG PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC

CU SHUNGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
TNHH MTV
TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT

Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THANH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THANH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

ĐẦU NỐI GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT CỐNG SỐ 2 - ĐƯỜNG D4

LOẠI HỒ SƠ

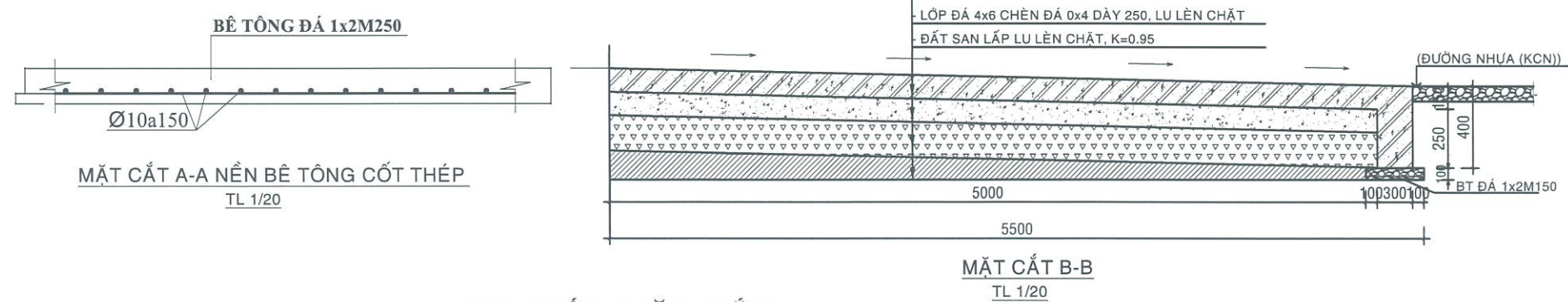
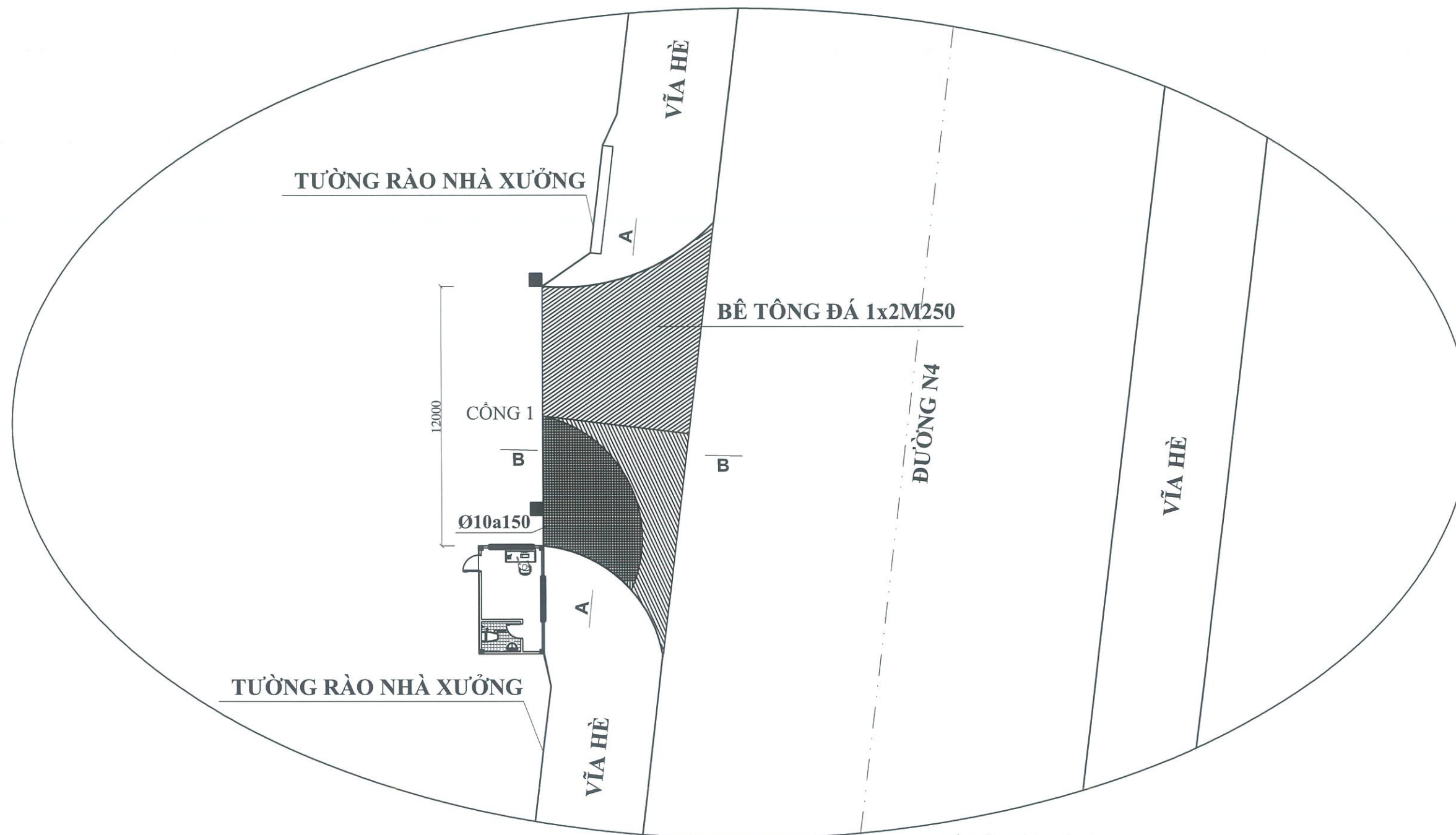
XIN PHÉP XÂY DỰNG

TỶ LỆ - SCALE 1/100

NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KÝ HIỆU BẢN VẼ

KT
01/03



CHI TIẾT MẶT CẮT

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM



OU SHINGUANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN XÂY DỰNG
KIẾN THÀNH PHÁT



ĐỊA CHỈ

SỐ 7/8/3 ĐƯỜNG PHÚ LỢI, KHU 1, PHƯỜNG PHÚ LỢI,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG
TELL : 0986171391
EMAIL: xdkienthanhphat@gmail.com

GIÁM ĐỐC



Ks. NGUYỄN THANH SANG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
THIẾT KẾ

Kts. PHAN THẾ HÙNG ĐỨC
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Ks. NGUYỄN THÀNH VÕ

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN GỖ THÀNH NGHIỆP

ĐC: LÔ K1 - K8, 1 PHẦN K9-K10-K11 -
KCN BẮC ĐÔNG PHÚ, H. ĐÔNG PHÚ,
TT. TÂN PHÚ - T. BÌNH PHƯỚC - VIỆT NAM

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

ĐẦU NỐI GIAO THÔNG

TÊN BẢN VẼ

CHI TIẾT CÔNG SỞ 1 - ĐƯỜNG N4

LOẠI HỒ SƠ

XIN PHÉP XÂY DỰNG

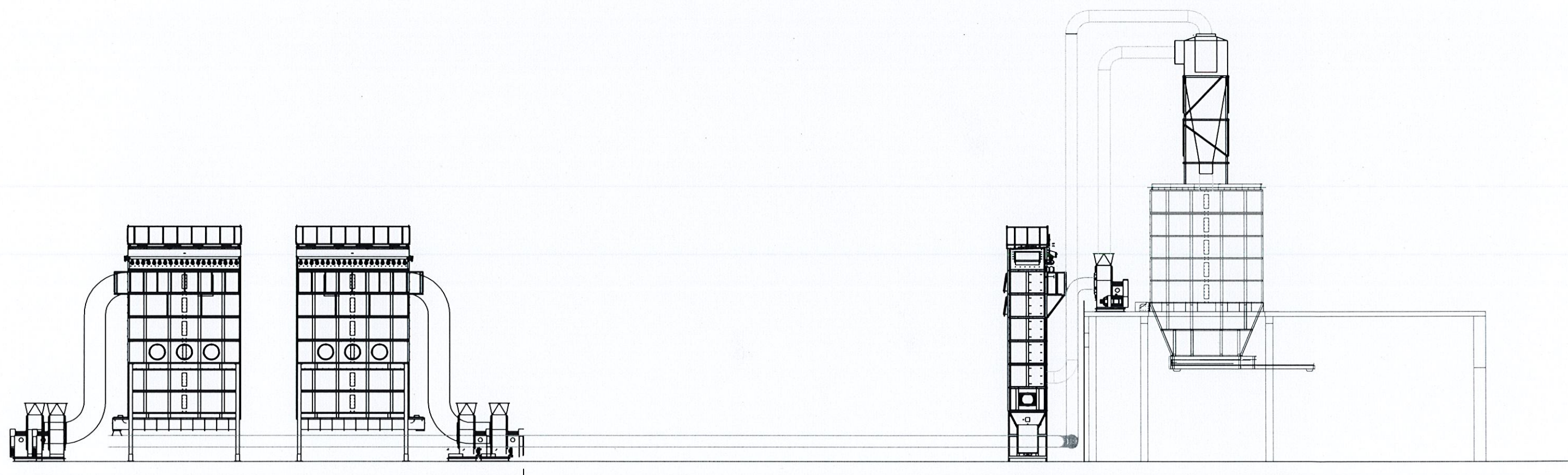
TỶ LỆ - SCALE 1/100

KÝ HIỆU BẢN VẼ

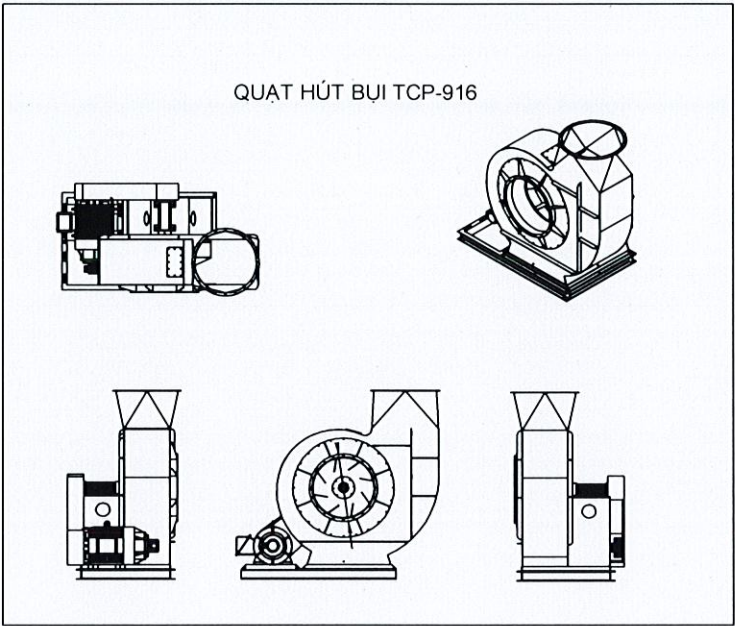
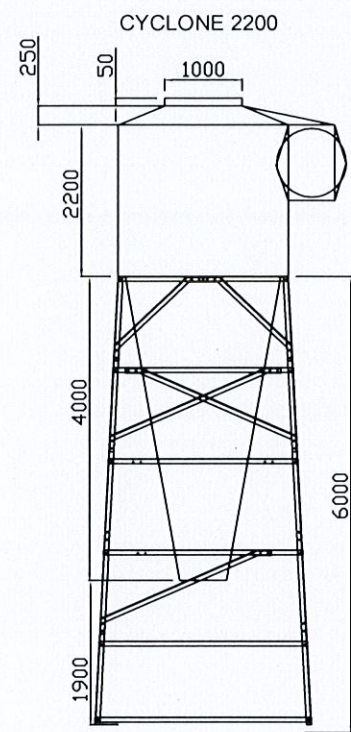
NGÀY HOÀN THÀNH
...../2022

KT
03/03

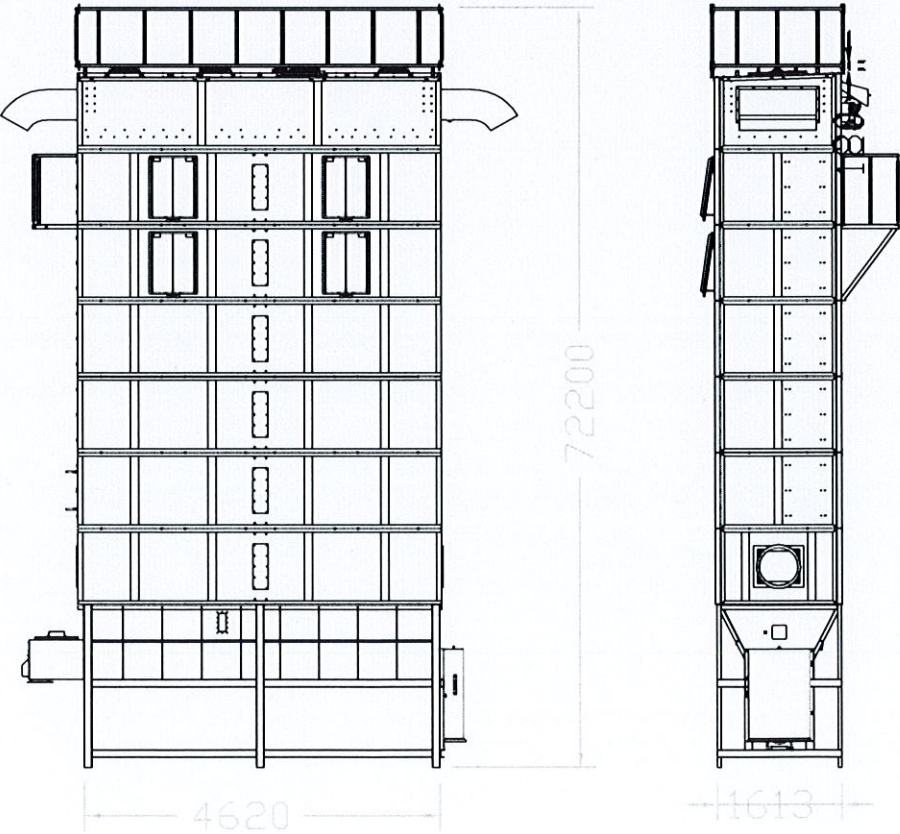
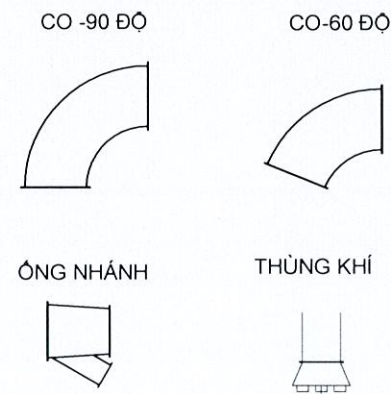
HỆ THỐNG HÚT BỤI



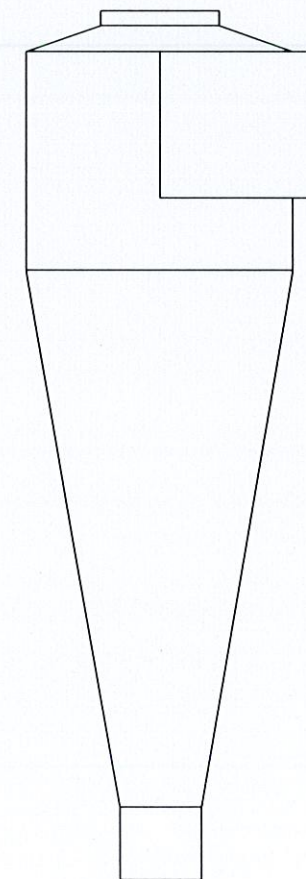
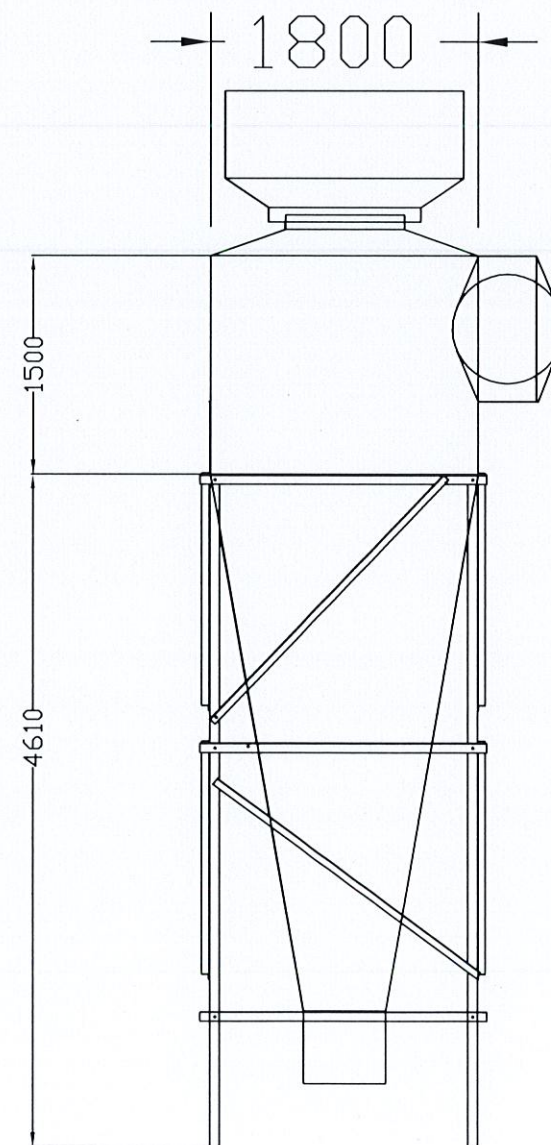
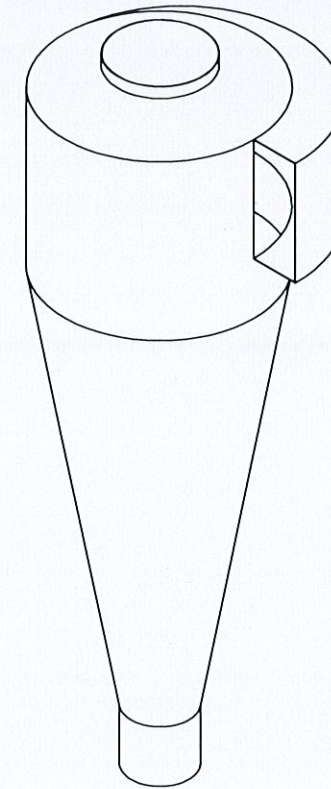
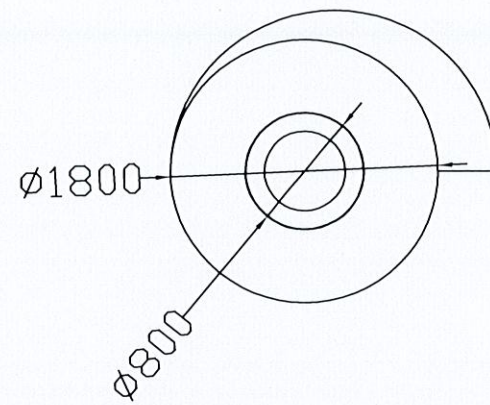
BẢN VẼ CHI TIẾT



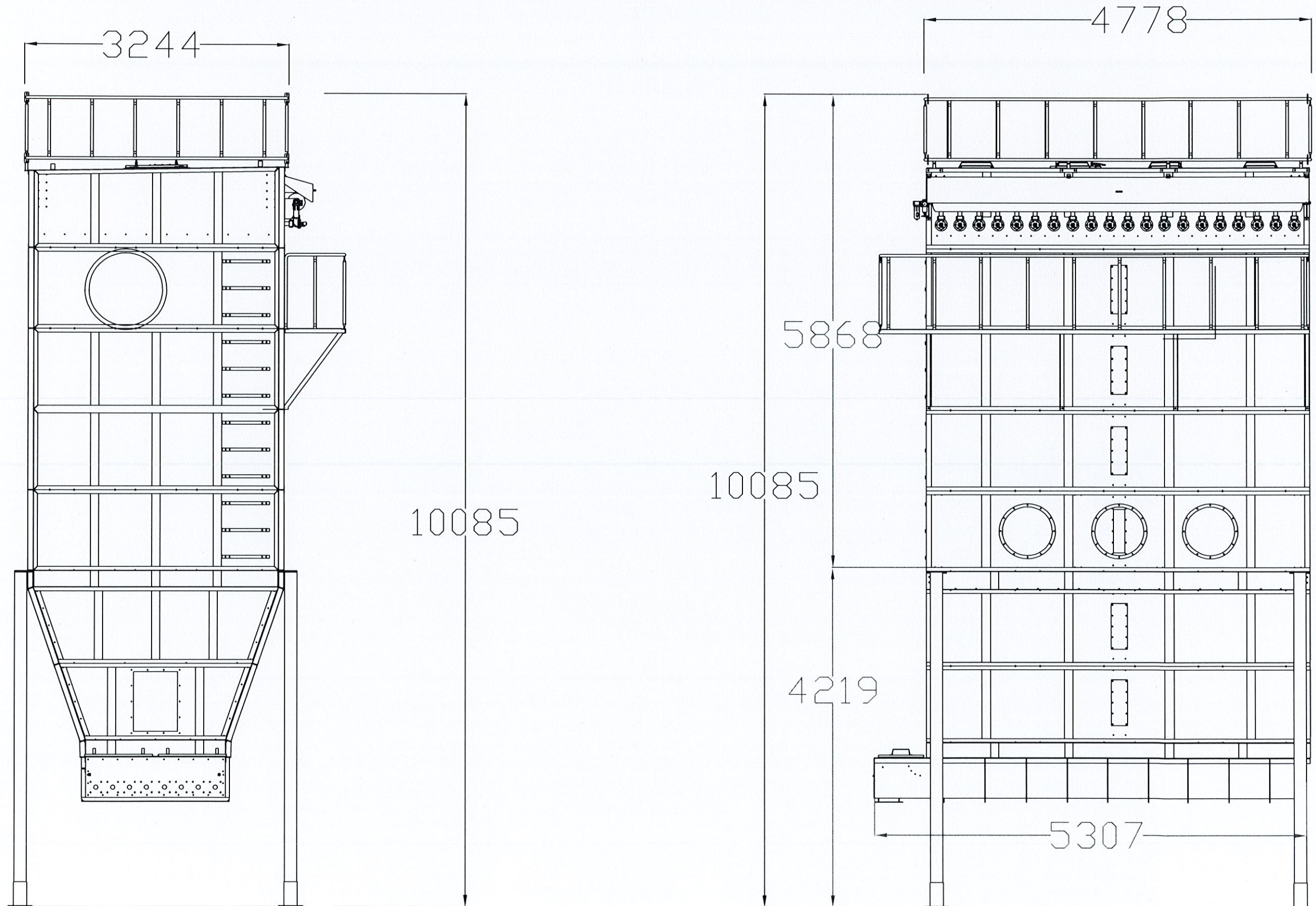
THÙNG CHỨA BỤI TÚI VẢI T-114V5A



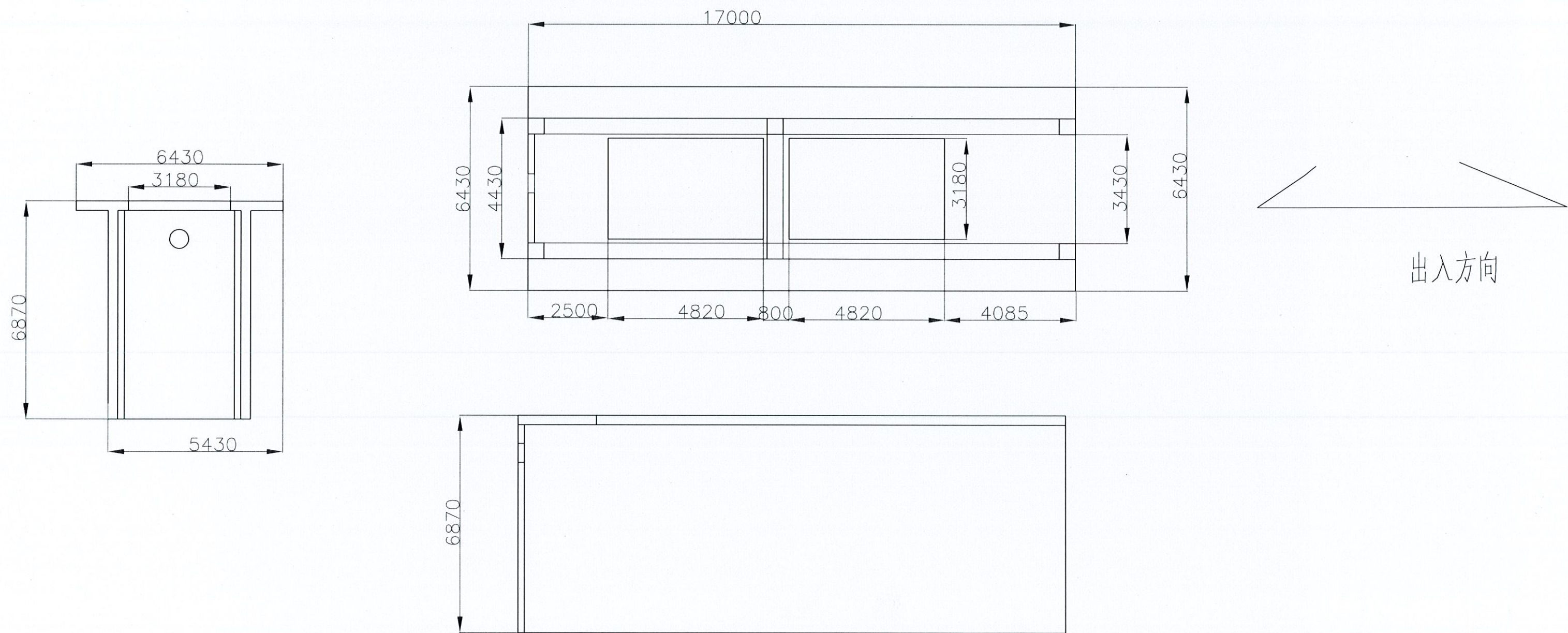
CYCLONE 1800



T-260-V6



NHÀ XI MĂNG CHỨA BỤI



二只儲料箱

PHIẾU AN TOÀN SẢN PHẨM

Số MSDS: 201911015

Ngày ban hành : 2019.11.01

Mục 1 : thông tin sản phẩm

Tên : 9605L

Số CAS : không

Nhà máy : Công ty TNHH kỹ thuật quốc tế WINLONG

Địa chỉ : số 46A , đường nam Yantai, phố WangCheng, thành phố Laixi, Thanh Đảo , tỉnh Sơn Đông , Trung Quốc

Điện thoại : +86 53283109100

+86 2038661234

Fax: +86 53283109100

+86 20 38661234

Sản phẩm dùng : keo dán công nghiệp

Mục 2: Thành phần /thông tin nguyên liệu

Nguyên liệu	Nồng độ (% theo khối lượng)	số CAS
• Polyvinyl acetate	36 -42%	9003-20-7
• Nước	55-62%	7732-18-5
• Thành phần khác	2-3%	

Mục 3: Nhận diện mối nguy

Nhận diện chính : là chất lỏng màu trắng tan trong nước

Con đường xâm nhập:

Nguyên liệu: Có

Hít phải: Có

Da: Có

Khi nhiệt độ tăng, hơi nước hoặc khói có thể được hình thành có thể kích thích mắt và đường hô hấp. Không có tài liệu nào về tác động tiêu cực đến sức khỏe trong điều kiện nhiệt độ bình thường vì keo bay hơi nước.

Ăn: không có hại trong điều kiện sử dụng công nghiệp bình thường. Ăn uống bị cấm.

Da: Da tiếp xúc với keo lâu hoặc nhiều lần sẽ gây kích ứng

Mắt: Sẽ gây khó chịu cho mắt vừa phải.

Khả năng gây ung thư:

NTP: không có

IARC : Không có

OSHA : Không có

Độc tính trước khi sinh: Không có đánh giá nào về nhiễm độc trước khi sinh.

Mục 4: Phương pháp sơ cứu

Hít phải: di chuyển ra nơi có không khí trong lành nếu hít phải

Nuốt phải: gây nôn bằng nước sạch hoặc sữa, súc sạch miệng bằng nước và nhanh chóng đưa đến bệnh viện.

Tiếp xúc với da: Cởi quần áo bị nhiễm bẩn - giặt sạch trước khi sử dụng lại. Rửa nhẹ nhàng và kỹ lưỡng da bị nhiễm bẩn bằng nước chảy và xả phòng không ăn tay chăm sóc y tế nếu mẩn đỏ hoặc kích ứng xảy ra.

Tiếp xúc bằng mắt: Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính áp tròng nào. Rửa mắt ngay lập tức bằng nước đang chảy trong 15 phút. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu cần thiết

Mục 5 : phương pháp chữa cháy

Điểm bốc hơi : không có

Phạm vi phơi sáng: cấm phơi.

Chất chữa cháy: nước, bọt, bột khô và nước muối

Phương pháp chữa cháy: Dập lửa bằng chất chữa cháy trên, làm mát xung quanh khu vực.

bằng nước để ngăn cháy lan. Người chữa cháy cần đeo mặt nạ dưỡng khí và các thiết bị bảo hộ khác

tốt nhất phải có gió chữa cháy, máy bay chữa cháy và các thiết bị bảo hộ khác

Mục 6 : Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn

Khẩn cấp: Trước tiên hãy ngăn chặn sự rò rỉ bằng một tấm chắn hoặc một bao cát. Nếu có một lượng lớn rò rỉ, chúng ta cần bơm rò rỉ vào một thùng chứa bằng cách sử dụng một máy bơm chân không. Nếu có rò rỉ nhỏ, hãy làm đông sản phẩm bằng cát hoặc mùn cưa trước và sau đó hàn lại. Vui lòng mặc quần áo bảo hộ trong tất cả quá trình, chẳng hạn như giày an toàn, găng tay bịt kín và kính bảo vệ. Nếu sản phẩm này chảy vào sông, hồ hoặc đại dương do tai nạn, thông báo ngay cho các cơ quan liên quan và thực hiện các biện pháp cần thiết theo luật định liên quan

Mục 7 : Bàn giao và lưu trữ sử dụng

Mô tả: uống hoặc ăn đều bị cấm. Sử dụng trong khu vực thông gió. Mang thiết bị bảo hộ. Ví dụ, đeo kính bảo hộ và quần áo bảo hộ.

Nhiệt độ bảo quản nên trên 5 °C và dưới 35 °C, tránh ánh nắng trực tiếp, niêm phong để tránh khỏi sương giá.

Mục 8: Kiểm soát phơi nhiễm và bảo vệ cá nhân

Giới hạn phơi nhiễm: không yêu cầu

Bảo vệ cá nhân: bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ

Bảo vệ tay: Mang găng tay bịt kín, chẳng hạn như găng tay cao su

Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo hộ

Mục 9: Tính chất vật lý và hóa học

Hình dạng: chất lỏng

Ngoại quan: Màu trắng

Mùi: Mùi nhẹ

Tính tan: hòa tan

PH: 5 ± 1

Độ nhớt (cps, 25 °C) : 40000 ± 10000

Phần trăm không bay hơi (%): 35 ± 2

Mục 10: Tính ổn định và tính phản ứng

Tính ổn định: ổn định dưới nhiệt độ bình thường

Mục 11: Dữ liệu độc tính

Không có dữ liệu nào được biết

Tình trạng y tế nói chung trở nên xấu hơn khi tiếp xúc:

Theo kiến thức hiện tại, không có thiệt hại nào đối với sức khỏe khi được sử dụng đúng cách.

Mục 12: Thông tin về sinh thái

Cá và động vật có vỏ sẽ chết vì ngạt thở nếu chất keo chảy xuống sông.

Mục 13: Thông tin thải bỏ

Xử lý chất thải: phải tuân theo luật pháp quốc gia hoặc luật địa phương

Xử lý thùng rác: phải tuân theo luật pháp quốc gia hoặc luật địa phương

Mục 14: Thông tin vận tải

Số UN. Không có

Đóng gói UN : N / A

Phân loại của Liên hợp quốc : Không độc

Phân loại ICAO / IATA : Không độc

Phân loại IMDG : Không độc

Tên giao hàng : Không độc



Kiểm tra rò rỉ trước khi tải. Để đảm bảo sự ổn định và an toàn của tải, để giảm rung lắc, rơi và hư hỏng của thùng chứa.

Mục 15: Dữ liệu quy định

Không có dữ liệu liên quan

Mục 16: Dữ liệu khác

Đánh giá nguy cơ và độc tính là không đủ, cần phải được sử dụng cẩn thận.